

Tác Giả và Tác Phẩm

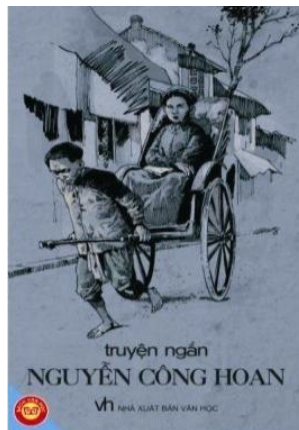
Nguyễn Công Hoan

Tiểu sử

(Xem Vài hàng về tác giả)

Tác phẩm

(Xem Vài hàng về tác giả)



Mục Lục

Vài nét về tác giả I & II – 2

Kép Tư Bền – 5

Chân dung Nguyễn Công Hoan – Nguyễn Đăng Mạnh - 8

Anh xẩm – 10

Nguyễn Công Hoan và tiểu thuyết – Vương Trí Nhàn - 12

Một số kinh nghiệm - 18

Nguyễn Công Hoan – Tô Hoài - 20

Phụ đính:

**Xin chữ cụ Nghè - Cái thú tổ tôm
Bố anh ấy chết - Người vợ lẽ bạn tôi - Hộ đê
Người bạn đọc ấy – Chiếc quan tài
Hai thằng khốn nạn**

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài nét về tác giả I



Thời tiền chiến các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan được đón nhận nồng nhiệt, nhiều tác phẩm được chuyển thành kịch. Đặc biệt là *Kép Tư Bền* (1930). Cuộc chiến tranh Việt-Pháp kết thúc, trở về Hà Nội ông viết hai bộ trường thiên tiểu thuyết *Tranh Tới Tranh Sáng* (1957) và *Đống Rác Cũ* (1962). Nhưng cả hai bị lên án là “*Bôi bác, bóp méo hiện thực...làm cho dân tộc Việt Nam quá hèn kém*” và “*Ngòi bút mang nặng tự nhiên chủ nghĩa...*”. Thời kỳ này vừa qua nạn “Nhân Văn Giai Phẩm”, những nhà phê bình thấy sách của Nguyễn Công Hoan trong đó có nhiều điều đi ra ngoài quan niệm của bộ máy Tư Tưởng – Học Thuật của chế độ nên ...“bị đánh”, thế là một chiến dịch đẩy lên phê bình gay gắt *Tranh Tới Tranh Sáng* và *Đống Rác Cũ*.

Sách lập tức bị thu hồi.

Ông chán chường, thối chí, gác bút chấm dứt cuộc đời văn nghiệp.

Sự kiện Nguyễn Công Hoan được Xuân Sách chọn lọc, điểm vài nét chấm phá qua bài thơ dưới đây:

Bác Kép *Tư Bền*, rõ đến vui
Bồi chưng *Tranh Tới*, bác nhàm thôi
Bới tung *Đống Rác* nên trời phạt
Trời phạt chưa xong, bác đã cười

(Trời đây là Bộ Chính Trị hay Đảng)

Lý Hồng Nhân
(trích trong *Nhận Diện Chân*
Dung Nhà Văn với Xuân Sách)

Vài nét về tác giả II

Wikipedia

Nguyễn Công Hoan (6 tháng 3 năm 1903 tại Hưng Yên - 6 tháng 6 năm 1977 tại Hà Nội) là một nhà văn nổi tiếng của Việt Nam.

Tiểu sử

Nguyễn Công Hoan quê ở làng Xuân Cầu, tổng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên). Ông sinh trong một gia đình quan lại xuất thân Nho học thất thế. Trong gia đình, từ nhỏ Nguyễn Công Hoan đã được nghe và thuộc rất nhiều câu thơ, câu đối và những giai thoại có tính chất trào lộng, châm biếm, đã kích thích lòng quan lại. Năm 1926, ông tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, làm nghề dạy học ở nhiều nơi (như Hải Dương, Lào Cai, Nam Định,...). Nguyễn Công Hoan viết văn từ sớm, tác phẩm đầu tay *Kiếp hồng nhan* (viết năm 1920, được *Tân Đà thư điểm* xuất bản năm 1923 là một đóng góp cho nền văn xuôi Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ.

Năm 1951 ông làm việc ở Trại tu thư của ngành giáo dục, biên soạn sách giáo khoa và sách *Sử Việt Nam hiện đại từ Pháp thuộc đến năm 1950* dùng cho lớp 7 hệ 9 năm. Ông cũng viết bài cho báo *Giáo dục nhân dân*, cơ quan ngôn luận đầu tiên của Bộ Quốc gia giáo dục lúc bấy giờ. Từ sau năm 1954, ông trở lại nghề văn với cương vị Chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam (khóa đầu tiên 1957-1958), ủy viên Ban Thường vụ trong Ban Chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khóa sau đó. Ông cũng là ủy viên Ban chấp hành Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, chủ nhiệm tuần báo *Văn* (tiền thân của báo *Văn nghệ*).

Nguyễn Công Hoan mất ngày 6 tháng 6 năm 1977 tại Hà Nội. Tên ông được đặt cho một phố ở Hà Nội, đoạn giữa hai phố Ngọc Khánh và Nguyễn Chí Thanh. Nguyễn Công Hoan được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 1996.

Tác phẩm

Ông để lại một di sản nghệ thuật với hơn 200 truyện ngắn, gần 30 truyện dài và nhiều tiểu luận văn học, các tác phẩm chính của ông là:

- *Kiếp hồng nhan* (truyện ngắn, 1923)
- *Răng con chó của nhà tư sản* (truyện ngắn, 1929; đăng *Annam tạp chí* số 23 năm 1931 với nhan đề *Răng con vật nhà tư bản*)
- *Hai thằng khốn nạn* (truyện ngắn, 1930)
- *Thật là phúc* (truyện ngắn, 1931)
- *Người ngựa, ngựa người* (truyện ngắn, 1931)
- *Thế là mợ nó đi tây* (truyện ngắn, 1932)
- *Xin chữ cụ nghề* (truyện ngắn, 1932)
- *Tất lửa lòng* (truyện dài, 1933)
- *Lá ngọc cành vàng* (tiểu thuyết, 1934)
- *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn, 1935)
- *Cô làm công* (tiểu thuyết, 1936)
- *Oằn tà roằn* (truyện ngắn, 1937)
- *Vợ* (truyện ngắn, 1937)
- *Bước đường cùng* (tiểu thuyết, 1938)
- *Tinh thần thể dục* (truyện ngắn, 1939)
- *Phành phạch* (truyện ngắn, 1939)
- *Cái thủ lợn* (tiểu thuyết, 1939)
- *Nông dân và địa chủ* (truyện ngắn, 1955)

- Tranh tối tranh sáng (truyện dài, 1956)
- Người cạp rơm hầm xay lúa ở ngục Côn Lôn 1930 (1960)
- Hồn canh hồn cư (truyện dài, 1961)
- Đống rác cũ (tiểu thuyết, 1963)
- Đòi viết văn của tôi (hồi ký, 1971)
- Tuyển tập Nguyễn Công Hoan (3 tập, Nxb. Văn học, 1983 - 1986)

Năm 1936, truyện dài *Tắt lửa lòng* của ông đã được Trần Hữu Trang chuyển thể thành vở cải lương nổi tiếng Lan và Diệp.

Thành tựu nghệ thuật

Nguyễn Công Hoan là nhà văn tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Tác phẩm *Kép Tư Bền* (viết năm 1927, xuất bản năm 1935) đã gây chấn động trên văn đàn, và là đề tài cho cuộc bút chiến giữa hai quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh lúc bấy giờ. Nhiều tác phẩm của ông được đưa vào giảng dạy ở chương trình giáo dục phổ thông các cấp.

...Nói đến Nguyễn Công Hoan trước hết là nói đến một bậc thầy truyện ngắn trong văn học Việt Nam hiện đại. Thế giới truyện ngắn Nguyễn Công Hoan đa dạng, phong phú như một "bách khoa thư", một "tán trò đời" mà đặc trưng là xã hội phong kiến của thực dân ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ 20. Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan có nhiều nét gần với truyện cười dân gian, tiếp thu được truyền thống lạc quan của nhân dân muốn dùng tiếng cười như một "vũ khí của người mạnh" để tổng tiền cái lạc hậu, cái xấu xa vào dĩ vãng... Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan với đặc điểm của nó đã nâng cao khả năng nhận thức và khám phá các hiện tượng xã hội phức tạp... Chúng ta có quyền tự hào về Nguyễn Công Hoan và coi ông là bậc thầy truyện ngắn... Nguyễn Công Hoan là nhà văn có công khai phá, mở đường cho chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại... Nguyễn Công Hoan đã đột phá vào những thành trì, khuôn khổ của giáo huấn và tiếp nhận, tuân theo một chủ nghĩa khách quan lịch sử khi miêu tả hiện thực. Giới nghiên cứu văn học khi bàn đến sự hình thành chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam đều nhất trí đánh giá cao vai trò, vị trí của Nguyễn Công Hoan, người có những tác phẩm được coi là "cổ điển" trong nền văn học hiện đại."

Từ điển bách khoa Việt Nam đánh giá:

Có thể nói Nguyễn Công Hoan là ngọn cờ đầu của văn học hiện thực phê phán Việt Nam...

Nguyễn Công Hoan đến với chủ nghĩa hiện thực bằng văn học trào phúng. Từ những truyện đầu tiên, ông đã tìm đề tài trong những người nghèo khổ, cùng khổ của xã hội. Đa số nhân vật phản diện của ông đều thuộc tầng lớp thượng lưu giàu có và quan lại, cường hào. Toàn những cảnh xấu xa, bỉ ổi, những chuyện bất công, ngang ngược, những con người ghê tởm, đáng khinh bỉ. Nguyễn Công Hoan tạo ra những tình huống bất ngờ, rồi phá lên cười và làm cho người khác cười theo, nhưng ngầm lại thật thương tâm đau xót."

Ngoài sáng tác, những bài tiểu luận, phê bình văn học của ông cũng được đánh giá cao vì có cái nhìn, cách tiếp cận sắc sảo về các tác giả văn học Việt Nam.

Giai thoại

- Mặc dù sinh thời, Phạm Quỳnh nhận xét về Nguyễn Công Hoan rằng: "Truyện viết hay như Tây" nhưng ông rất ít đọc các tác phẩm văn học nước ngoài, kể cả tác phẩm của các tác giả bậc thầy. Theo ông kể lại, ngày còn đi học, ông được một người thân cho ba đồng bạc để mua sách, ông góp thêm tiền vào mua được bộ tiểu thuyết "Bá tước Monte Cristo" (bấy giờ được dịch sang tiếng Việt là "Ngọc Sơn bá tước") của Alexandre Dumas. Sách mua về, ông chỉ đọc có chương đầu tiên rồi bỏ, từ đấy cuốn sách chỉ để cho mượn. Khi ông được người bạn cho mượn một tập truyện ngắn của Guy de Maupassant thì ông cũng chỉ đọc có truyện đầu là truyện "Lão ăn mỳ", rồi không xem thêm nữa.

- Một lần, cảnh sát khu vực phường Trần Hưng Đạo đến nhà gặp Nguyễn Công Hoan để kê khai bổ sung về hộ khẩu, lý lịch. Đến mục "Trình độ văn hóa", ông khai là "đọc thông, viết thạo". Người cảnh sát khu vực tròn xoe mắt thắc mắc: "Thưa bác, bác là nhà văn lớn mà khai như thế này, liệu có khiêm tốn quá không?". Ông Hoan nói: "Ghi đúng đấy. Tôi hồi trước học theo văn bằng của Pháp chỉ tương đương hết phổ thông bây giờ. Tôi từng chỉ là thầy giáo tiểu học. Nhưng bây giờ nhiều trường đại học vẫn mời tôi giảng bài cho các thế hệ sinh viên. Theo anh, tôi nên khai như thế nào?".
- Ông nội của Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Đức Liên, đưa ra quy ước về cách đặt tên đệm lần lượt theo các đời là "Đức, Đạo, Công, Tài, Trường, Thiên, Thế, Tộ", do vậy ông được đặt tên đệm chữ "Công". Các con trai của ông được đặt tên đệm chữ "Tài" (Nguyễn Tài Khoái, Nguyễn Tài Đông, ngang hàng có "Nguyễn Tài Dư, Nguyễn Tài Anh"...). Cháu nội ông lấy đệm chữ "Trường" (Nguyễn Trường Thống Nhất, Nguyễn Trường Đại...). Cũng theo quy ước đó, khi đến chữ "Tộ" thì quay lại chữ "Đức". Ý nghĩa của tám chữ được dùng để đặt tên đệm đó đại ý là có đạo đức, có tài năng thì tiếng tăm được lưu truyền trên thế gian này mãi mãi.

Kép Tư Bền

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên Kép Tư Bền. Ấy anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn, lả lác ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ nhìn một cái điệu bộ cõn con của anh ta, các khán quan cũng đủ phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đôm đốp. Anh ta ở Sài Gòn ra hát ở Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh ta có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng hề rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đồng khách. Cho nên, tối nào bà con Hà thành đọc chương trình hay xem báo, thấy Kép Tư Bền đóng vai giễu là cũng nô nức đi xem. Lắm người đến chậm, phải mang tiền về không, phàn nàn rằng rạp chật quá!

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hý viện đều trưng lên là buổi hát đặc biệt. Nhưng đã hơn một tháng nay, anh không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối om ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công, cái tiếng rền rĩ của ông cụ cũng hòa lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan nát ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép dần dần cũng đi bài tấu mã, đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều. Một hôm, ông chủ rạp Kịch trường đến nhà anh ta chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiếu lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ:

- Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có để trả tôi chưa?

- Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thư thả, tôi sẽ đi làm và nộp sau.

Ông chủ bấu môi, nói:

- Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào dõ:

Bấy lâu cậu nghĩ hát ở các rạp, khách nhắc nhở luôn đấy. Vậy cậu liệu liệu mà đi làm ăn chứ?

- Vâng, tôi định thế...

- Tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ. Vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

- Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

- Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

- Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, nhưng trong anh lẩn vẩn nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều: Trong nửa tháng, trong mười lăm hôm trời, mỗi ngày anh phải xa cách cha mấy tiếng đồng hồ để đi học

diễn. Cha anh ôm khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh? Nghĩ vậy anh đáp phắt:

- Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn và nói tiếp:

- Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thò tay ra cái ghế đầu kê cạnh, để vớ lấy cái ống nhổ. Nhưng lật bật cầm không vững, cụ đánh rơi ngay xuống sàn gác, đờm rãi nổi lênh bành.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha:

- Sao ông không gọi con?

Rồi anh đỡ lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói.

- Đó, ông coi, vắng tôi sao đặng.

- Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

- Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng keng keng của chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đặt chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn của ông cụ sai anh rót chén nước.

Nhân muốn gây cảm tình, ông chủ rạp Kịch trường lại gần giường, mở màn, rồi hỏi:

- Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không.

Ông già giương hai mắt lên. Rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó đăm đăm, và gật gật mấy cái, rồi run lấy bầy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen gọi lối tây, nên mới bắt tay đầu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ ông cụ phải bắt tay, vì là tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

- Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

- Tôi sắp cho tập vở mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật, nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha.

- Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Chỉ có anh Tư Bền hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dễ dàng, nói:

- Cậu cứ giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy, cậu để đến bao giờ cũng được. Còn tiền hỏa hồng khi diễn tấn "Ông huyện ba phải" này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lòng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.

- Cậu nghĩ sao?

- Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

- à, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người khác. Tội chi, có dịp trở tài, vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện!

Nghe câu nói sau cùng như được ăn miếng bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi. Anh nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng. Cụ nhăn mặt, cổ cất lên cái tiếng khàn khàn để gắt:

- Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sụ.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch trường và trả lời.

- Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng vâng này mất nhiều công quá, nên sợ nó không được chắc chắn. Đến hôm diễn, mà cha anh Tư Bền có làm sao, anh cứ vắng mặt ở rạp hát, thì lỡ bét. Ông bắt anh làm giấy giao kèo.

Bà con sính xem hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rong khắp phố để thả chương trình, và vài căng ở các ngã tư, đều nô nức rủ nhau đi xem buổi biểu diễn đặc biệt, có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng ló

nhô như luống hoa trăm hồng ngàn tía, bướm ong chồn vờn. Trên thềm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ túm tụm lại, tìm chỗ để đứng ngắm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình tứ ái ân, như câu, như kéo, làm cho người ta quên hẳn, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ nhắc lại câu bông lơn của kếp Tư Bền, chỗ kia bắt chước điệu bộ của kếp Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng, mong cho chóng đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vào lối pha trò mới, để mai làm nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta biết đâu rằng hiện giờ này, ở nhà, cha anh đương dở chứng khò khè, chỉ chờ từng phút để thở một hai hơi nữa là hết nợ, và ở trong buồng trò, anh cũng đương nấu ruột nhàu gan. Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, nhưng tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quét vào đĩa mực để bôi nhọ cái mồm. Rồi anh phải mặc trái cái áo lụng thụng thêu, lộn đôi hia xanh và đội cái cánh mũ chuồn ngược. Anh đóng vai này, trông ra phết giàu sang sung sướng. Chốc nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà gắng sức, các khán quan được một phen cười vỡ bụng vỗ rít tay kia mà! Nhưng mà cha anh Tư Bền sắp chết! Ban nãy lúc anh ở nhà ra đi, đã thấy nguy lắm rồi. Thôi! nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu, cho chúng tôi cười, hét lên mà cười, cười đến nổi lăn ra cả đất chứ?

* * *

Một hồi chuông vừa dứt, màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ để hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thản người ra như phỗng một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước! Mà khách quan thấy anh ăn mặc ngộ nghĩnh, cái mồm bôi nhọ nhem, thì ai nhin cười được! Càng thấy anh đứng yên, họ càng được ngắm, và cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười giã! ác thật! Vai anh Tư Bền hôm ấy cứ phải đứng trên sân khấu. Nhất là anh phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi. Lắm lúc còn phải rặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, mới nhờ người về xem tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò. Anh lại phải hò, phải hét phải dần từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những điệu bộ, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý và nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở trước mắt. Bỗng khi anh đương phệnh phạo trên sân khấu, khi người ta đương vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

- Nguy hơn ban nãy. Đã cầm khẩu rồi!

Cha anh cầm khẩu rồi! Đành vậy, nhưng chính là bây giờ mới nhiều cái vui trò. Khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt, đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra mà cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đang ngồi thừ trong buồng trò, thì anh lại nhận được tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa! Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức nở:

- Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy, sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông cố khuyên giải, và cấm không ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu bài trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tý phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngộ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa dất lại dải áo, vừa sụt sịt máu, thì bắt anh im đi, chùi nước mắt. Rồi ông đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò, hét, ngâm, cười, múa, nhảy, để mua gương lấy những tràng vỗ tay. Cái cảnh thương tâm của anh Tư Bền, đi đôi với cái bông lơn, cứ diễn ra mãi, mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng nhàu như dưa, xót như muối.

Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho anh là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đôm đốp thật dài, dài mãi. Anh tưởng phen này quyết hết nợ,

quyết được về cạnh giường bệnh của cha để nhìn mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở hàng ghế hạng nhất, người ta kêu àm:

- Bis! Bis! (1)

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích - vì nó hợp với tâm lý anh hơn, - để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối lượt nữa.

Rồi khi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như làm vỡ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người, chẳng để chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người thì tặng hoa, người thì bắt tay, người thì véo mũi, người thì khen. Làm cho anh ruột càng như thiêu đốt.

Khi không còn phải chờ dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vội mũ áo và rửa quàng mặt mũi.

Lúc ấy, trong khi anh đang rối beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh tới đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vội vã ấn vào tay anh tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói:

- Mau mà về. Anh Tư! Hồng từ ban nãy mất rồi! Khốn nạn thân anh quá!

Chân dung Nguyễn Công Hoan Nguyễn Đăng Mạnh

Nguyễn Công Hoan là người cùng làng với vợ tôi và có họ với vợ tôi:
Làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, ngày xưa thuộc tỉnh Bắc Ninh, ngày nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Tôi nhớ Nguyễn Công Hoan nói đùa: "*Nếu nói chuyện nhẵn, tôi nhận quê ở Hưng Yên. Nếu nói chuyện văn chương thì tôi nhận quê ở Bắc Ninh*".

Nguyễn Công Hoan mất lâu rồi. Lúc ông còn sống tôi chỉ được gặp vài lần, khoảng 1967, 1968.

Một lần tôi cùng họp với ông ở Viện Văn học. Ông tỏ ra rất ghét Vũ Đức Phúc. Ông nói, anh Phúc chỉ viết để cho cấp trên xem thôi. Ông cho rằng những người viết văn học sử chỉ thấy hiện tượng mà không giải thích đúng đắn vì không hiểu hoàn cảnh lịch sử gì cả.

Thí dụ, nói nhà văn Vũ Trọng Phụng phức tạp. Hiện tượng thì đúng, nhưng lí do vì sao. Vũ Trọng Phụng viết đủ các thứ báo: *Nhật Tân*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Hà Nội báo*, *Loa*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Sông Hương*... Bây giờ, mỗi tờ báo ra đời đều phải tìm con đường hấp dẫn độc giả. Vũ Trọng Phụng bị lôi kéo viết cho *Hà Nội báo*, *Tiểu thuyết thứ năm*, *Sông Hương* thì khiêu dâm (*Giông tố*, *Thị Mịch*, *Làm đĩ*), nhưng khi viết *Tiểu thuyết thứ bảy* thì không khiêu dâm nữa (*Người tù được tha*). Vũ Trọng Phụng không phải mật thám. Mật thám, biết ngay. Vũ Trọng Phụng mật thám sao lại nghèo! Mật thám còn viết văn làm gì!

Phân tích tác phẩm, phải hiểu tác phẩm viết năm nào, năm ấy như thế nào mà có tác phẩm ấy. Thí dụ, năm 1935, trong Nam bộ nó bỏ kiểm duyệt. Ở Bắc thì đến 1937 mới bỏ. Từ 1937 đến 1939, viết tự do. Kiểm duyệt báo nếu cần chỉ gọi chủ báo lên xạc thôi. Tác giả thì tha hồ. Vì thế tiểu thuyết lịch sử *Đề Thám*, *Hàm Nghi* ra đời. Châtel sang Việt Nam, hướng thanh niên vào phong trào thể thao thể dục. Tôi viết *Tinh thần thể dục*.

Nhân tiện gặp Nguyễn Công Hoan ở đấy, tôi tranh thủ hỏi mấy câu:
- *Hỏi Hải Triều và Hoài Thanh tranh luận với nhau chung quanh tác phẩm Kép Tư Bền của bác, bác có đọc họ không?*

- Họ viết trên báo địa phương (Huế), tôi đọc làm gì!
- Thế hồi ấy, bác tự thấy mình là vị nhân sinh hay vị nghệ thuật?
- Tôi chỉ cốt viết cho hay thôi. Các báo mời viết, gọi đề tài này khác, thấy đề tài nào hay thì viết. Tôi không phục vụ chính trị, chỉ phục vụ nghệ thuật thôi.

Ông nói tiếp: “Họ đấu tranh với nhau chỉ lấy mình làm một cái cớ thôi. Hải Triều hồi ấy có mời tôi vào Huế để tiếp xúc với độc giả Kép Tư Bền và ký tên vào sách cho những người đến mua. Ban ngày tôi ở chỗ Hải Triều, hiệu sách Hương Giang, ban đêm tôi về ngủ với Hoài Thanh. Ban ngày ở với thằng vị nhân sinh, ban đêm ở với thằng vị nghệ thuật.”

Nguyễn Công Hoan quan niệm chuyện đời, chuyện văn rất đơn giản, cứ như trò đùa vậy thôi:

“Năm 1928, 1929, tôi bắt đầu viết truyện ngắn. Hồi ấy ở Lào Cai. Thấy tôi hay đùa, Tương Huyền, anh Tam Lang, bảo tôi viết. Tôi từ chối. Hấn nói mày không viết tao đánh. Tôi viết ba truyện đưa Tương Huyền xem. Tương Huyền nói: “Thế này là xã hội tiểu thuyết chứ còn thế đéo nào nữa!”. Hồi ấy do giáo dục gia đình và do tiềm thức mà viết thế thôi. Không ai nghĩ sau này thành nhà văn. Cứ ầm ức, hậm hực viết ra cho thoải mái. Tôi tán thành nghệ thuật vị nghệ thuật của Hoài Thanh. Các nhà nghiên cứu cứ quy ý thức này ý thức khác, sai cả.”

Ông nói: “Ngày nay toà soạn báo là toà không soạn. Ngày xưa toà soạn là phải soạn, cứ ngồi tán với nhau rồi thấy có gì hay là viết. Thí dụ: Hồi Vũ Trọng Phụng viết Võ đê, Ngô Tất Tố nói: “Thằng Phụng viết thế khi nào được nông thôn. Để tôi viết cho mà xem. Thế là Tất đèn ra đời”.

“Về cuốn Bước đường cùng tôi được đề cao quá. Người ta giải thích do tôi có ý thức thế nào đó mới viết ra thế. Tôi ngượng quá. Bước đường cùng và Tất đèn không có ý thức để quốc phong kiến gì cả (tiềm thức có thể có). Chúng tôi chỉ muốn viết tiểu thuyết phong tục (roman de mœurs). May làm sao lại thành chống đế quốc phong kiến.

Tôi thích truyện ngắn hơn. Còn Bước đường cùng thì thường thôi.

Kháng chiến, mất bản thảo. Trong thành còn giữ được một cuốn. Có thằng nó in ra. Năm 1954, ta vào thành in lại. Tác phẩm tồn tại đến ngày nay là do thế. Tôi thành ra nổi tiếng. Lý do rất đơn giản!

“Nhà văn Việt Nam phải học tiếng Việt Nam. Ta quen nói kiểu trí thức mất rồi, quên tiếng nói nhân dân.

Người dân nói “Trăm nghìn người mới có một”. Mình lại nói “trường hợp cá biệt”. Tiếng Việt rất trong sáng, dễ hiểu. Sao cứ bịa ra những tiếng khó hiểu. Nhiều tiếng của nhân dân, bây giờ chắc nhiều người không biết nghĩa là gì: tại sao gọi “bến ô tô”, “bến tàu điện”? Tại sao gọi là “bát đản, bát sứ, bát kiêu”. Tại sao gọi là “bít tất” “Mọi nhẽ” là gì? (mọi nhẽ nghĩa như vân vân...)

Nghe Nguyễn Công Hoan nói, thấy ông không suy nghĩ điều gì sâu sắc. Ông hay nói, “đơn giản thế thôi”, hoặc do “gặp may” hay do “tiềm thức”. Mọi sự đối với ông rất đơn giản. Và xem ra, ông chẳng coi cái gì là quan trọng cả. Thích gì viết thế. Thấy gì hay thì viết. Cứ theo bản năng, theo thói quen mà làm. Con đường nghệ thuật của ông ba, bốn mươi năm khi tiến khi lùi, khi tạt ngang tạt ngược, khi viết truyện ngắn khi viết truyện dài, khi viết truyện tình, khi viết truyện xã hội, khi trào phúng, khi nghiêm trang, khi lãng mạn, khi hiện

thực... Rồi thấy cái gì bỏ ăn, cứ làm tới, đâm ra, nói như Hoài Thanh: “*nói dài, nói dai, nói dài*”..., không biết cái hay cũng có giới hạn của nó, đâu phải cứ dào mãi mà được. Cho nên lúc thành công, lúc thất bại. Mà thành công hay thất bại hình như ông cũng chẳng biết tại sao...

Tôi gọi thế là con đường nghệ thuật không tự giác (l' itinéraire inconscient)

Tô Hoài cho tôi biết: “*Hồi đầu kháng chiến chống Pháp, cụ Hoan phụ trách dạy văn hoá trong quân đội. Ở chỗ sơ tán, cụ “nhảy dù” khiếp lắm! Trong cuộc chỉnh huấn 1952, tôi gợi ý cụ kiểm thảo chuyện ấy. Cụ đấu tranh tư tưởng dữ dội, mồ hôi trán chảy ròng ròng...*”

Nguyễn Công Hoan có một cô con gái cũng viết văn, bút danh Lê Minh (tên thật là Nguyễn Tài Hồng). Lê Minh rất đanh đá và có nhiều việc làm rất vô lối. Chẳng hạn, chị tập hợp in lại những bài của nhiều người viết về Nguyễn Công Hoan. Chỗ nào khen giữ lại, chỗ nào chê cắt đi.

Tôi có một lần, hướng dẫn một cô làm luận án thạc sĩ về tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan (một cô khác làm về truyện ngắn). Cô này tên là Bùi Thị Hoài. Tôi giới thiệu Hoài đến Lê Minh để mượn sách. Lê Minh bắt Hoài làm luận án phải do chị hướng dẫn. Rất chướng và rất hách.

Thấy vậy, tôi bảo Hoài không đến Lê Minh nữa. Tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan thực ra tìm không khó lắm. Nguyễn Công Hoan nếu còn sống, chắc cũng ớn cô con gái của mình lắm.

Anh xẩm

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

Đường vắng ngắt. Chưa đến 8 giờ mà đường đã vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải tĩa ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng. Thật là cả một đụn vải chỉ hờ có cái mặt. Trên đầu một cái mũ trùm hum xuống đến mi, quanh cổ, một cuộn khăn len dày cộm.

Rồi áo, quần, giầy, bít tất, găng tay, có bao nhiêu thứ để chống nhau với rét, đều quện cả vào người xù xù.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Phổ xá lờ mờ trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện dầm lẹ rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bồng nhoáng như mặt hồ lạng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Gió giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương.

Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng một giọng hát ảo não xen lẫn vào tiếng gió.

Hội Chùa Thấy anh em ơi còn đương lúc đua chen,

Hết nhanh chân thì tới, chứ ươn hèn thì í xa.

Dưới mái hàng nước đầu ngã ba, một anh xẩm đương lắc lư, nghêu cổ lên mà hát.

Anh ngồi trên manh chiếu, trước cái xoong sắt tây thủng, một đùi ghếch lên mặt đàn. Tay nắm cần, tay bật dây, anh uốn cung đàn trầm bổng theo tiếng hát khàn khàn. Cái mũ dạ, trơn từ đỉnh đến rìa, mềm oặt theo khuôn đầu, che cho anh khỏi lạnh gáy. Nhưng cái áo tây vàng rộng thùng

thình không giữ nổi hơi rét cắt da. Mặt anh xám lại.
Hết bài xẩm chợ, anh quay ra cải lương. Anh ngâm:
*Hai năm i i mới rõ la à mười i,
Hể mà hai sáu ú ú, tôi i thời mười i hai ai...
Mà chứ tôi cảm tạ các à ngài...*

Điều hành vẫn bắt đầu.

Anh ngửa đầu, dùm gân mặt, há mồm ra mà hát. Tiếng đàn từng từng hoà theo, lúc khoan, lúc nhặt.

- Nào các ông các bà cho nhà cháu kiểm bữa.

Anh nhăn răng ra cười. Nhưng mà...

Gió vẫn giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Ho lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên. Mưa vẫn như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vẫn vắng ngắt. Thình thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép, chạy ưỡ oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá lại thình thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Thế mà anh xẩm vẫn hát. Anh kể sa mạc:

*Mà chứ anh khoá ới, em tiến chân anh xuống tận bến tàu,
Hai tay sém rách cái khăn giầu em lấy đưa anh.*

Và đến Ma-đơ lông:

Là bá i a phố rề.

Thau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chình to cũng chẳng có. Một chình con cũng chẳng có. Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thình thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy ưỡ oải, lại thình thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ trắng xoá. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấu buốt đến xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng anh xẩm có trông thấy đâu cảnh ấy.

Anh lại nói:

- Các ông các bà bớt chút ít cho cháu kiểm bữa gạo.

Ông nào? Bà nào? Quanh anh nào có ai?

Song anh vẫn cứ hát, hát một mình.

*Anh, anh cùng em, có gờì có gờì xui khiến
Cho chúng ta dịp này.*

Rồi lại kể chuyện Sài Gòn:

*Anh tiếc cho cô mình môn môn đương tơ,
Buồng không lạnh ngắt đương chờ đợi ai.*

Và thình thoảng lại giục:

- Các ông các bà thương kẻ khó, các ông các bà ới.

Anh tưởng đồng người đừng nghe lắm.

Chứ biết đâu, xung quanh anh, gió giật từng hồi, lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau rào rào.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vắng ngắt. Thành thạo những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải.

Lại thành thạo, một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát như con cóc kêu thương.

Ông giảng lên cao, ông giảng xuống thấp, ông giảng lẫn bóng chuối, chứ ông giảng lại i a mờ.

Và khi đã đến hết tất cả các bài anh thuộc, anh ngồi im lặng để chờ và để nghe. Sau hết, sờ tay vào lòng thau không để vết.

Rồi anh run cầm cập, xếp thau, ôm đàn cuộn chiếu, cầm gậy, đứng dậy, thông thả lần lỏi đi.

Gió.

Mưa...

Não nùng.

Nguyễn Công Hoan và tiểu thuyết Vương Trí Nhàn

Mối quan hệ kéo dài trong suốt cuộc đời

Nguyễn Công Hoan thường nói về thơ với một sự nghiêm chỉnh hiếm có. Trong hồi ký *Đời viết văn của tôi*, ông tự hào kể: “ Ngay từ những năm tôi còn nói ngọng, tôi đã thuộc một số thơ cổ của Trung quốc. Rồi tôi học phương ngôn, tục ngữ ca dao của dân tộc. Rồi tôi thích nghe những vần thơ chống Pháp của những tác giả ẩn danh do cha tôi dạy truyền khẩu...”. Vai trò của thơ được ông diễn tả bằng những lời lẽ cảm động: “Lúc đầu tôi đọc thơ, nhưng chưa hiểu. Rồi sau, vì đọc đi đọc lại luôn, tôi hiểu dần, ý nghĩa của những bài ấy như thấm thía tí một vào trong người và rồi hình như những lời ấy là của chính tôi nói với người khác vậy”.

Những khi có điều gì không được như ý, sau khi làm vài chén rượu, ông không chỉ đọc thơ mà còn làm thơ giải buồn. Trong hồi ký, ông từng chép ra nguyên văn mấy bài thơ ông đã làm.

Xem ra lời lẽ của một người suốt đời sống với thơ cũng chỉ chân thành đến vậy!

Song trong thực tế, nhà văn này sống với lịch sử văn học bằng văn xuôi và cái tự duy văn xuôi của mình. Ngoài một sự nghiệp truyện ngắn đồ sộ, ông là người đã viết khá nhiều tiểu thuyết, viết đều đều, có lúc một tháng viết vài cuốn. Trong số này có cuốn đương thời đã trở thành đối tượng để tranh cãi một hồi như *Cô giáo Minh*, có cuốn đã từng làm điên đảo một lớp công chúng như *Lá ngọc cành vàng*, có cuốn đã từng được các nhà nghiên cứu sau 1945 đề lên cỡ một trong những tác phẩm tiêu biểu của thể loại tiểu thuyết hiện thực, như *Bước đường cùng* ...

Người ta tỏ ra dè dặt khi đánh giá chất lượng các tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan, và điều này không phải là vô lý. Trừ mấy cuốn được nói trên, các cuốn khác của ông thường mắc những lỗi khá nặng về mặt nghề nghiệp. Ví dụ như trường hợp cuốn *Thanh Đạm*. Không phải chỉ sau 1945, đứng trên lập trường mác xít, mọi người mới chê quyển sách này. Mà ngay khi mới ra đời, nó đã bị một số người xem là áp đặt, giả tạo.[1]

Có điều, muốn cho công bằng, mỗi khi xem xét quá trình phát triển của tiểu thuyết Việt Nam trước 1945, người ta bắt buộc phải dừng lại ở trường hợp Nguyễn Công Hoan. Đặt bên cạnh

những tác giả có những thành tựu tương đối hoàn chỉnh như Hoàng Ngọc Phách với *Tổ Tâm*, Khái Hưng với *Hồn bướm mơ tiên*, Vũ Trọng Phụng với *Số đỏ*, những người như Lê Văn Trương, Vũ Bằng, Lan Khai, Nguyễn Công Hoan có cách tồn tại riêng. Với họ viết tiểu thuyết là công việc hàng ngày. Hay dở chưa nói, chỉ biết những cái họ viết làm nên sinh hoạt đời thường của thể loại. Chính cái dòng dài tầm thường của một thứ giải trí không quá tốn tiền đã được bộc lộ đầy đủ qua các tác phẩm mà họ sản xuất đều đều.

Ngoài số phận chung như thế, với cái khu vực mà mình lập nghiệp, Nguyễn Công Hoan lại có một sự biệt nhãn hiếm có. Ông là người đã dành nhiều giấy mực để bàn về cái thể tài mà ông thường xuyên sử dụng. Khi thì ông có bài giảng chung về công việc của người viết tiểu thuyết (bài nói ở *Hội nghị viết văn trẻ lần thứ nhất*, 1959).

Khi thì ông kể lại kỹ càng cho mọi người biết một số tiểu thuyết của mình đã ra đời trong những trường hợp nào (hồi ký *Đời viết văn của tôi*). Người ta không thể bàn kỹ đến như thế về một công việc mà người ta chỉ làm một cách vô tình. Hoá ra Nguyễn Công Hoan đã nặng lòng với tiểu thuyết hơn nhiều, so với chính ông vẫn tuyên bố.

Sự chuẩn bị tự nhiên

Khi kể về cuộc đời của mình, nhà văn Nguyễn Công Hoan không có lời mạn mạn gượng nhẹ. Ông gây ấn tượng bằng cách làm ra vẻ nói tuốt hết mọi điều cả điều xấu lẫn điều tốt. Thậm chí, vượt lên thói thường ông còn bất chấp dư luận, sẵn sàng đến mức trâng tráo kể kể tỉ mỉ mọi điều xấu sẵn có ở mình. Con người ông trong *Đời viết văn của tôi* hiện ra với hai đặc điểm:

Thứ nhất là thói lè la chơi bời từ đó biết nhiều biết rộng, biết từ việc trong nhà cho đến việc kín đáo chốn quan trường, rồi việc làng quê, việc chợ búa học hành thi cử. Hãy nhớ lại đoạn Nguyễn Công Hoan kể rằng mình bỏ học xuống ngồi gác đùi gác vế nói chuyện với những người lính trong huyện đường. Những lần tiếp xúc này để lại trong ông ấn tượng không bao giờ quên nôi; nếu có thể nói đến một thứ vốn sống thì ở Nguyễn Công Hoan, cái vốn ấy đa tạp, vượt ra ngoài cái khả năng mà một người bình thường có thể có.

Thứ hai, là cái xu hướng nhìn đời theo lối kinh thế ngoạn vật. Ông không coi cái gì là quan trọng, không thích tin ở những lời giáo huấn. Ông xa lạ với cách nhìn thiêng liêng theo kiểu lý tưởng hoá. Ông muốn nhìn gần nhìn thẳng nhìn tận tim đen mọi người mọi chuyện.

Cái vốn sống ấy, lối nhìn đời ấy quả thật là sự chuẩn bị tốt nhất để ông trở thành người viết tiểu thuyết. Tại sao? Bởi có một đặc điểm của tiểu thuyết vốn gắn với thể tài này từ thuở ra đời, đây là tính chất bình dân và khả năng sống lam lũ giữa đám chúng sinh. Như các nhà nghiên cứu lịch sử tiểu thuyết đã khẳng định, thể tài vốn bắt đầu từ những câu chuyện linh tinh người ta kể với nhau ngoài đường phố. Nó dông dài, nó ba vạ, nó có khả năng chứa chấp cả cái bi lẫn cái hài, cái cao cả lẫn cái thấp hèn. Với tạng Nguyễn Công Hoan, sự đa tạp đó rất thích hợp. (Đôi lúc Nguyễn Công Hoan được miêu tả như là ngòi bút chỉ quen viết về những người cùng khổ, những phần tử thuộc loại dưới đáy trong xã hội. Thật ra thì nhà văn này đã viết đủ thứ: về người giàu và người nghèo, về cùng đinh và quan lại, về những mối tình cảnh vàng lá ngọc và những pha gheo gái gheo gái thô lỗ của mấy anh lính lệ phố phủ... Hầu như động vào đâu, ông cũng có kinh nghiệm.)

Lại như cái việc Nguyễn Công Hoan mãi viết đến mức ngại học. Nghiên cứu mấy tác phẩm của A.Dumas hoặc Maupassant để học theo, ông cũng chỉ đọc một lúc thì bỏ. Nói chung là ông không chịu được những quy củ ràng buộc, mà chỉ thích làm theo ý mình.

Trong hoàn cảnh xã hội Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX còn đang ngổn ngang trăm mối, mới cũ khó phân, mọi người mãi miết sống cho kịp với thời đại, *cái tâm lý hăm hở sẵn sàng dấy non và cảm thấy cái gì cũng có thể làm được* mà Nguyễn Công Hoan thú nhận ở đây là một điều dễ hiểu.

Sở dĩ Nguyễn Công Hoan có thể đến với tiểu thuyết một cách hoàn toàn tự nhiên một phần còn do những đặc điểm mỹ học của thể tài: Về nguyên tắc, tiểu thuyết luôn trong quá trình hình thành. Nó không bị cứng lại trong những quy phạm có sẵn. Tiểu thuyết là một thể tài tự do, các tài liệu nghiên cứu các nước phương Tây cũng như ở nước Nga xô-viết trước đây đều nói như vậy. Còn ở Trung quốc, người ta nói rằng tiểu thuyết cần phải *dã sinh*, tức là có một cuộc sống của các loại cây cỏ ngoài đồng chứ không phải thứ hoa trồng trong lồng kính. Chắc chắn Nguyễn Công Hoan không hề biết những lý luận ấy, nhưng cái tinh thần của nó thì ông cảm thấy một cách đầy đủ và rất thạo trong việc khai thác. Đằng sau cái vẻ đạo mạo của một người thuộc loại con nhà gia giáo, ở ông giáo tiểu học ấy luôn toát ra cái vẻ bất cần kỳ lạ. Hoặc nói cho sang, ở Nguyễn Công Hoan có một nhu cầu tự do nhất định, loại nhu cầu này là của chung của mọi thời kỳ lịch sử và đến xã hội hiện đại càng được khuyến khích. Mặc dù tự do nói ở đây được hiểu theo nghĩa đơn giản và có nhiều phân dung tục, song dấu sao vẫn là nó, thứ tự do nó làm cho con người ta thêm tự tin ở mình. Đây là một đoạn đối thoại giữa nhà văn lúc mới làm nghề với một người bạn:

"Tương Huyền thấy tôi nghịch ngợm, nói chuyện có duyên, nên một lần đã bảo tôi:

-- Mà biết lắm chuyện buồn cười, và hay nói chuyện buồn cười, thì mà viết kịch.

Tôi đáp:

-- Viết kịch khó lắm ... Nếu tao có viết, thì tao viết tiểu thuyết, dài ngắn tha hồ, đương cảnh nọ bật ra cảnh kia, đương năm này nhảy sang năm khác, không theo luật lệ nào cả" (*Đời viết văn của tôi*)

Như vậy là có sự gặp gỡ giữa nhà văn tương lai và thể loại, một sự gặp gỡ không hên mà nên, hoàn toàn tự nhiên, không đòi hỏi quá nhiều cố gắng của người trong cuộc. Điều này thấy ở nhiều nhà văn, nhưng với Nguyễn Công Hoan, nó dễ thấy nhất. Nó khiến cho ông mặc dầu không thành công trong thể tiểu thuyết, vẫn là một ví dụ nổi bật về sự tiếp nhận một thể tài vốn có nguồn gốc ở nước ngoài, với tất cả cái độc đáo trong tư duy nghệ thuật khá phổ biến ở hàng loạt người cầm bút thời tiền chiến.

Những điều trái ngược

Tác giả *Bước đường cùng* từng có lần khuyên những đồng nghiệp trẻ: Muốn viết văn thì hãy mạnh dạn bắt tay vào công việc. Như người muốn học bơi thì phải nhảy xuống nước. Chứ cứ đứng trên bờ thì cả đời cũng không bao giờ học bơi được.

Ấy vậy nhưng đọc hồi ký của ông, người ta thấy ông chẳng bữa bãi bao giờ. Ngược lại ông suy tính cẩn thận xem mình nên viết loại văn gì, và viết như thế nào người ta mới đọc. Sau khi viết xong, khi đưa cho bạn bè xem ông cũng hồi hộp, ai chê hay khen ông đều suy nghĩ để rút kinh nghiệm. Tóm lại trước khi *bơi*, ở ông có những sự chuẩn bị *trên bờ* khá kỹ.

Hoặc như ông hay nói rằng phải viết một cách tự nhiên và nói chung trong nghề chẳng có quy luật quy tắc gì cả. Nhưng trong cuốn hồi ký trên ba trăm trang của mình (con số của bản in *Đời viết văn của tôi* 1971), ông lại đề đến vài chục trang để giảng về phép tắc mọm mọm mà ông đã từng khéo léo áp dụng trong công việc.

Cả trong những lúc cần nói về những vấn đề lớn lao hơn, ở ông cũng có những mâu thuẫn tương tự.

Nguyễn Công Hoan thường tự hào dẫn lại lời khen của một người bạn gái “Đúng là người Việt Nam viết truyện Việt Nam bằng văn Việt Nam”

Một lần khác ông phản ứng trước lời khen của một người rằng văn ông gợi nhớ đến một nhà văn nước ngoài: như thế có khác gì khen người Việt mà bảo họ tóc quăn mũi lõ.

Có người hồn nhiên nghĩ – cả tác giả có lúc cũng có lúc hồn nhiên tương tự – mà khái quát rằng: như vậy Nguyễn Công Hoan là một trường hợp thuần túy bản địa, xứ sở tự động đẻ ra ông, con người và sáng tác của ông không liên quan gì đến cuộc Âu hoá là hướng vận động chủ yếu của xã hội và văn học VN nửa đầu thế kỷ XX.

Nhưng liệu có một người đứng ngoài thời đại như vậy không? Nhất định là không rồi.

Theo chúng tôi hiểu, quan hệ Nguyễn Công Hoan với xu thế Âu hoá hình thành qua nhiều phương diện, trong đó có việc sử dụng các hình thức nghệ thuật. Trong hoàn cảnh của nước Việt Nam từ thế kỷ XIX về trước, bước đi của văn xuôi gặp phải hai cái trở ngại to lớn: một mặt xã hội thiếu một thứ văn tự phổ thông để ai cũng dùng được. Mặt khác, các hoạt động mà thuật ngữ hiện đại gọi là *mass media* tức là những phương tiện giao tế công cộng bị hạn chế, sách không in hàng loạt, báo không có, và để cố định sản phẩm sáng tạo, người ta đành sử dụng một thể tài thông thường trong văn chương truyền miệng là các mẫu truyện, các mẫu này vẫn tồn tại độc lập mà lại có thể ráp nối vào nhau thành một chuỗi liên tục.

Bây giờ hãy thử nhìn vào các tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan và xác định cái ngôn ngữ thể loại mà tác giả sử dụng trong các tiểu thuyết đó. Như trong trường hợp cuốn *Bước đường cùng*. Bắt đầu là chuyện chị Pha đẻ, rồi gia đình Pha và Trương Thị kiện nhau, rồi Nghị Lại xui nguyên giục bị khiến cả hai người nông dân gia tài khánh kiệt riêng Pha vợ chết thân mình tù tội – tất cả những cảnh nói trên nối tiếp nhau như trong một cuốn phim, hoặc như một vở kịch có nhiều màn nhiều lớp. Không có lối mở đầu câu chuyện bằng cách kể lai lịch nhân vật như trong các truyện cổ. Không có những lời khuyên cáo đạo đức của tác giả. Đoạn kết bỏ lửng (*Pha giờ cánh tay bị trói lên trời [...] kệ cho dòng lệ cứ tuôn trào ra và kệ cho ba anh em theo mình không biết đến đâu mới trở lại.*) Như thế tức là cách viết của Nguyễn Công Hoan đã vượt ra ngoài truyền thống mà ông xuất thân. Ông đã vận dụng khá thường xuyên và hiệu nghiệm những thành quả nghệ thuật của thời đại, cụ thể là nghệ thuật tiểu thuyết Pháp thế kỷ XIX.

Trong khi tiếp nối tinh thần vượt ra ngoài mọi quy phạm của văn chương bình dân, thì đồng thời Nguyễn Công Hoan hiện ra với một y phục hoàn toàn mới. Vậy thì có gì là oan khi nói rằng ông đã chịu ảnh hưởng thời đại, cụ thể là cái chuyện Âu hoá mà ông và nhiều đồng nghiệp vẫn thành tâm chế giễu.

Vày vò tùy tiện, với ý thức “thể tài của mình”

Tìm hiểu tài năng Nguyễn Tuân, chúng ta biết rằng nhà văn và cái thể tùy bút độc đáo mà ông sử dụng chỉ có thể sinh ra trong điều kiện của một tư duy văn học cởi mở. Với tư cách một sản phẩm của xã hội được làm theo mô hình hiện đại đã đến độ chín, con người ông Nguyễn không vừa với những khuôn khổ cũ – ở đây là những thể tài cũ; thể tùy bút phải được du nhập, phải thay hình đổi dạng, phải được tái sinh để con người tác giả tự bộc lộ.

Tương tự như vậy, chúng tôi ngờ rằng thể tiểu thuyết chính là một công cụ hữu hiệu nhất để một người như Nguyễn Công Hoan trở thành chính ông. Nó như nằm gọn trong bàn tay ông. Ông

đùa nhại nó ông giễu nó. Đây vừa là một khía cạnh thuộc về cá tính con người nhà văn, vừa là sự gặp gỡ hiếm thấy giữa ông với cái thể tài mà ông sử dụng.

Trường hợp của *Cái lò gạch bí mật* thường đã được các nhà nghiên cứu nói tới mỗi khi nhấn mạnh cái quan điểm nghệ thuật mà Nguyễn Công Hoan ngấm ngầm theo đuổi. Thiên truyện thường được xem như một ngón đòn “đả kích khá trúng thú văn chương” hiện đại “lai căng toàn những lý kỳ rẻ tiền”. [2] Điều đáng nói là cái ghi chú bên cạnh đầu đề “Truyện trinh thám An Nam”. Lại một lần nữa, Nguyễn Công Hoan muốn cho mọi người thấy rằng cái tinh thần chính mà ông noi theo là chẳng coi việc gì quan trọng, việc gì cũng là dung tục nhảm nhí. Mà nó – cái quan niệm hư vô ấy – không của riêng ông mà phải gọi là tinh thần chung của dân gian, ông chỉ là một đại diện có tên tuổi.

Để hiểu rõ hơn quan niệm về sự tự do và thói thích đùa bỡn này của Nguyễn Công Hoan, chúng ta còn có thể dừng lại ở một cuốn tiểu thuyết tác giả cho in ở NXB *Đời mới* vào thời gian ngay sau 2-9-1945 do đó mà ít người biết, là cuốn *Người An nam*. Tác phẩm xoay quanh câu chuyện một viên tướng Việt Nam thời nhà Lê bị bắt làm tù binh, rồi trở thành rể vua Chăm. Nhưng dòng máu Việt trong người viên tướng này vẫn chảy mạnh, cuối cùng khi quân Việt đánh vào thành, nhân vật này lập công quay về với Tổ quốc bằng cách quay ra giết vợ và làm nội ứng cho quân Việt tràn vào. Sau hành động yêu nước ấy, viên tướng phát điên.

Chúng ta biết rằng đôi lúc trong truyện ngắn, Nguyễn Công Hoan cũng viết về những đề tài mà ông chỉ biết qua tài liệu sách vở. Như năm 1939, ông có một thiên truyện mang tên *Thiếu Hoa* viết về một nhân vật phụ nữ miền nam Trung quốc. Lần này lại một sự xa lạ nữa, chắc chắn còn xa lạ hơn *Thiếu Hoa* vì là truyện về thời đã qua. Đối với một nhà văn từng nói chắc như đinh đóng cột rằng “người đọc truyện chỉ thích đọc những truyện gần với họ, gần về không gian về thời gian” – thì đây quả là một ngoại lệ. Nhưng như lý luận về nhận thức luận đã chỉ rõ, chính các ngoại lệ lại bộc lộ bản chất rõ hơn là các trường hợp thông thường. Trong lời dẫn đặt ở đầu sách *Người An Nam*, sau dòng chữ *Bạn đọc yêu quý*, tác giả có hai trang tạm gọi là lời phi lộ trong đó có đoạn ông biện hộ cho cách viết của mình:

“Tôi không biết tiếng Chiêm Thành thì những người Hời của tôi chỉ được nói tiếng Nam bằng giọng đặc Việt Nam. Tôi không là người Chiêm Thành sống năm trăm năm về trước thì các chủ động trong truyện này cũng không thể tư tưởng theo lối họ về thời ấy. Và đến cả khung cảnh, ngôn ngữ, cách ăn mặc, cách sinh hoạt dù ngay của người mình về đời Lê, đã không ở vào thời đó thì tả sao nổi. Vả biết thế nào là đúng.”

Chúng ta cảm nghe trong câu nói nếu không phải một thoáng “bất khả tri” thì cũng là lời châm chọc đối với cái cốt tử của nghệ thuật tiểu thuyết, đó là tính chân thực. Thế thì biết làm thế nào bây giờ?! Rất may là rồi người ta cũng được thở phào khi nghe tác giả tâm sự:

“VẬY tôi dùng tư tưởng của tôi. Tôi dùng tưởng tượng của tôi. Tôi dùng ngôn ngữ của tôi. Tôi trông ở sự rộng lượng của các bạn”

Tiếp đó, tác giả nói về mình theo cái lối thật thà đến mức ngạo mạn “Xin các bạn chớ đợi cuốn sách này một lịch sử tiểu thuyết hoặc một lịch sử ký sự. Tôi chỉ là một nhà tiểu thuyết, một nhà tiểu thuyết tầm thường, tồi hơn nữa một nhà tiểu thuyết ít đi, ít đọc. Bấy lâu nay sở dĩ được hân hạnh quen biết các bạn là do chỉ đã khai khẩn địa hạt nhà, đào trong trí nhớ lấy những cái mắt thấy tai nghe rồi dùng sức óc chấp nối, thêm bớt cho thành những câu chuyện nhăng nhít”

Tuy nhiên đằng sau những lời lẽ xô bồ và có vẻ lờm đời đó, ngầm chứa một ý tưởng khác: tiểu thuyết đã là chuyện của tôi, tôi (tức Nguyễn Công Hoan) vậy vờ nó thế nào nó cũng phải chịu, nói xuôi nói ngược thế nào thì rồi mọi người cũng phải nghe. Cái nháy mắt tinh nghịch đi kèm với một sự hể hả khoái trá không muốn và không thể che giấu.

Đến đây, có thể nói quá trình tiếp nhận tiểu thuyết như một thể loại đặc trưng cho thời Âu hoá, việc tiếp nhận đó ở Nguyễn Công Hoan đã hoàn thành. Nhìn lại những chặng đường mà ông đã qua, có thể tóm tắt cách tiếp nhận thể tiểu thuyết ở Nguyễn Công Hoan như sau:

- bởi thích quá nên làm theo, thấy hợp thì làm, cứ tự nhiên mà lấy của người làm của mình, không chút mặc cảm;
- tìm cách phát huy cái phần bản năng tự nhiên để làm theo hơn là học theo bài bản, không bị trói buộc bởi bất cứ chuẩn mực hoặc khuôn mẫu nào hết ;
- trong khi làm có một niềm tự tin kỳ lạ, tin rằng mình đã thông thạo đã lành nghề, đã nắm được tất cả, chính điều này góp phần giải phóng ở người viết văn mọi tiềm năng sẵn có.

Khó lòng nói đó là cách tiếp nhận lý tưởng, nhưng phải nhận đối với một tính cách như Nguyễn Công Hoan, đó là cách tiếp cận tối ưu.

Theo một sơ đồ thống nhất

Chung quanh mối quan hệ giữa Nguyễn Công Hoan và tiểu thuyết, điều cuối cùng chúng tôi muốn lưu ý: cái cách tiếp nhận thể loại ở đây vốn mang nặng tính truyền thống tức đã có từ các thể hệ trước.

Sử sách nước ta thường ghi từ thời trung đại ông cha ta đã truyền tay nhau đọc một cách dầm dúi các bản truyện do người Trung Hoa viết và theo chân các viên quan đi sứ mang về. Thế nhưng đọc thì cứ đọc, song nói chung các cụ vẫn rất bảo thủ với nghĩa chỉ xem thơ là đáng học theo, còn tiểu thuyết là thứ *ngoại sử, dân thư, tiểu gia chi thuyết*, không thể để cho niềm say mê ma quái đó lôi cuốn. Và đến khi không cưỡng lại nổi, phải cầm bút viết các loại truyện (tiền thân của tiểu thuyết), thì lại thấy nảy sinh tình trạng tâm lý lưỡng phân, tức là viết thì cứ viết, nhưng không thể để công tu luyện. Lối viết truyện nửa mô phỏng truyện Tàu, nửa tô vẽ thêm cho ra vẻ xuất phát từ hoàn cảnh Việt Nam, và cả cái tâm lý khi làm vừa tự hào vừa xấu hổ cộng lại, đã khiến cho công việc được làm thường còn dừng lại ở tình trạng dang dở.

Cái lối tiếp nhận như vậy đã ảnh hưởng sang thời hiện đại bao gồm cả thập kỷ ba mươi, bốn mươi thế kỷ XX như thế nào? Chúng tôi xin phép không chép lại đầy đủ dẫn chứng mà chỉ ghi lại đây một sự thực là trong các tiểu thuyết của Khải Hưng và Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan và Vũ Trọng Phụng, các nhân vật mỗi khi nhắc đến tiểu thuyết thường tỏ thái độ coi thường, nếu không nói là mỉa mai, khinh rẻ. Có lẽ ngoài đời con người thường vẫn nghĩ thế, nên các nhà văn cũng tự nhiên mà ghi lại chẳng. Sự lặp lại còn thấy cả trong tâm thế sáng tác của nhà văn. Một mặt nhiều người thích viết tiểu thuyết, hăm hở rủ nhau viết tiểu thuyết. Trong đội ngũ các tiểu thuyết gia làm đầy các báo, người ta thấy có mặt chẳng những các cây bút văn xuôi chuyên nghiệp mà còn thấy cả một thi sĩ tài hoa như Tản Đà (*Giấc mộng lớn*) một cụ đồ tân tiến và thường chỉ giỏi về tư duy tư biện như Phan Khôi (*Trở về lửa ra*) một nhà thơ tính nét vốn bốc đồng như Lưu Trọng Lư (*Khói lam chiều*), một cây bút lý luận khá đa tạp như Trương Tửu (*Khi chiếc yếm rơi*). Mặt khác nghệ thuật tiểu thuyết thì chẳng ai coi là nghiêm chỉnh, chẳng ai đọc và nghiên cứu về bản chất thể tài này cho cẩn thận, tóm lại là chẳng ai làm việc cho đúng bài bản. Đương thời, Vũ Bằng có so sánh tiểu thuyết Việt Nam với tiểu thuyết Pháp ở phương diện sự khổ luyện của nhà văn để rồi nhận xét “ở Pháp, những ông hàn lâm và những nhà triết học thường bản khoản đi kiếm những cái mới lạ để giúp ý kiến cho các nhà viết truyện; khi lại nói rõ cho những nhà viết truyện biết những kỹ thuật mới trong làng tiểu thuyết ngoại quốc để làm gương”; ngược lại ở ta, “thật hoàn toàn không có gì, toàn là học theo lối bắt chước cả kiểu như những người thợ không học trường chuyên môn một ngày nào mà cũng chữa được máy móc và chế được ra máy móc.”[3] Nói như ngôn ngữ bây giờ, tức trong khi các nhà văn Pháp đưa sáng tác lên lĩnh vực ý thức và tìm thấy sự hỗ trợ của giới nghiên cứu, thì nghề viết tiểu thuyết ở Việt

Nam dừng lại ở tình trạng một nghề thủ công, dựa chính vào năng khiếu và thói quen. Nhiều người khác cũng có ý tương tự.[4]

Đó là những nhận xét có phần suồng sã, kết quả của một lối nhìn nhận tiểu thuyết ở khoảng cách gần gũi, song nó có khả năng giúp ta hiểu thêm tại sao việc vận dụng thể tài này lại có những hạn chế rõ rệt: những bài học ban đầu vận dụng rất nhanh (điều này khác với thơ), được khai thác đến mức gần như cạn kiệt; nhưng sau đó không khai phá tiếp tục, không làm giàu thêm cho nó được bao nhiêu.

Chính cái cách các nhà văn đến với thể tài đã giải thích một phần kết quả chúng ta đạt được. Trường hợp Nguyễn Công Hoan nói ở đây thực ra là tình trạng chung, cùng lúc thấy ở nhiều nhà văn khác./.

2004

[1]Theo Đinh Gia Trinh “Ông Nguyễn Công Hoan đã tả một người hoàn toàn quá nên quan huyện của ông chỉ như một vai tuồng vụng về không sống và không tiêu biểu cho một cái gì cả ... Lối của tác giả là đã muốn dùng tiểu thuyết để diễn một quan niệm, mô tả một khuôn mẫu lý tưởng mà quên rằng nhân vật tiểu thuyết phải có hoạt động ăn nhịp với đời sống”. Xem bài *Nay và mai*, tạp chí *Thanh nghị* số 51-54, 1944, in lại trong Đinh Gia Trinh, *Hoài vọng của lý trí* NXB Văn học, 1996, tr. 235

[2] Nguyễn Hoàn Khung, phần viết về Nguyễn Công Hoan, in trong *Văn học Việt Nam 1930-1945* --tập I, NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, H. 1988, tr 111

[3]Vũ Bằng, *Khảo về tiểu thuyết* in trong *Những lời bàn về tiểu thuyết trong văn học Việt nam từ đầu thế kỷ XX đến 194*, Vương Trí Nhàn sưu tầm và biên soạn NXB Hội nhà văn 2004, các trang 175-177

[4]Một văn sĩ có thiên về khảo cứu là Nguyễn Triệu Luật còn đưa ra những khái quát cực đoan hơn, xin được phép ghi lại để tham khảo:

“Hiện bây giờ, những người gọi là trí thức của ta đều đào tạo ở hai trường Tây và trường Tàu. Hạng đào tạo ở trường Tàu – nói là hạng học từ chương cử nghiệp cuối mùa thì đúng hơn -- bây giờ tàn tạ rồi. Còn hạng ở trường Tây ra, vì phải uốn theo khuôn khổ Tây, không thành người Việt nữa ...

Không ở hai trường ấy ra mà lại làm văn sĩ thì thành hạng văn sĩ quốc ngữ, hạng chẳng có trí thức chi chi hết, chỉ múa mép láo mảy câu sáo cũ, mảy lời rỗng tuếch chẳng có ích gì cho văn học, văn hoá một nước nào cả. Văn sĩ ta bây giờ chỉ có thể rơi vào hai cái bị. Một là cái bị Tây là bị lơ lửng giữa trời, không tây không ta; hai là cái bị quốc ngữ.

Cổ lai không có nước nào mà cái nghề làm văn sĩ lại dễ dàng rẻ rúng quá như ở nước ta hiện giờ. Ta thử đọc những cuốn tiểu thuyết bình dân, những cuốn tiểu thuyết bên Pháp gọi là “tiểu thuyết của phường coi cổng”. Đọc những cuốn ấy, ta thấy rằng tác giả của chúng tỏ ra là người có trí thức ít ra cũng qua bậc trung học rồi, nghĩa là có phổ thông trí thức rồi. Những cuốn tiểu thuyết hay nhất của ta bây giờ, già lắm chỉ bằng những cuốn tiểu thuyết của phường coi cổng bên Pháp mà thôi! Xem *Tao đàn* 1939, sưu tập trọn bộ, NXB Văn học 1998 t.1, tr. 420 421

Một số kinh nghiệm

Truyện ngắn và truyện dài phải khác nhau ở tính chất.

Truyện ngắn không phải là truyện mà là một vấn đề được xây dựng bằng chi tiết với sự bố trí chặt chẽ và bằng thái độ với cách đặt câu dùng tiếng có cân nhắc.

Muốn truyện là truyện ngắn, chỉ nên lấy một ý chính làm chủ đề cho truyện. Những chi tiết trong truyện chỉ nên xoay quanh chủ đề ấy. Không có chi tiết thừa, rườm rà, miên man.

Mỗi truyện cần có một ý, một ý thôi. Ý ấy là ý chính của truyện nhưng thực ra ở trước mắt. Thường thì nó chỉ là một câu hỏi mà tôi vụt nghe thấy, hoặc một hình ảnh thoáng qua trong khi tôi đi đường. Nó cũng là một chi tiết của một thời sự, hoặc chỉ là tấm ảnh đăng trên báo. Nó cũng lại là những câu thì thào từ miệng nọ sang miệng kia. Nếu đề tài ấy, bản thân nó đã nói lên được cái gì thì tôi viết nó bằng một thái độ do nếp nghĩ của tôi tạo ra. Nhưng thường thì đề tài chỉ gợi được cảm xúc. Lúc đó, tôi xây dựng truyện bằng cách chắp nối chi tiết, hình ảnh tâm lý, lời đối đáp, làm cho nó ăn khớp với nhau, để cuối cùng, ở câu kết, làm nổi bật được vấn đề muốn đặt ra hoặc đã giải quyết.

Theo tôi nhận xét, khi một truyện diễn ra từ đầu đến cuối bằng nhiều cách nhiều việc, tác giả nên đóng vai *người ngoài* mà kể lại cho độc giả nghe.

Khi một tiểu thuyết chỉ dựa vào cảnh vào việc để nói lên sự diễn của tâm lý, của tư tưởng, người viết truyện dùng hình thức kể chuyện cũng không sao. Nhưng tốt hơn là nên dùng hình thức mình kể chuyện mình. Mình nói tâm lý tư tưởng mình thì được người nghe dễ tin là thực, là đúng.

Tôi đã không dùng hình thức mình kể chuyện mình trong *Hai thằng khốn nạn*, *Thầy cẩu*, bởi vì những truyện này cần tả nhiều cảnh, nhiều việc. Nhưng tôi đã xưng tôi trong *Tôi chủ báo*, *anh chủ báo* để tả những ý nghĩ bản thủ của bọn con nhà giầu vì danh hão mà bị lừa và đi lừa lẫn nhau. Tôi đã xưng tôi trong *Cái lò gạch bí mật* để tả những ý nghĩ của vai phụ, là một anh này phục vụ một anh lớn khác, vì anh lớn khác cứ tự cho mình là tinh khôn.

Ngoài hai hình thức trình bày truyện này, thỉnh thoảng ta cũng nên tìm tòi mà thay đổi lối kể chuyện, để viết cho đỡ chán.

Thế là vợ nó đi Tây chỉ là những bức thư lẻ tẻ của người vợ đi du học bên Pháp viết cho chồng.

Chiếc quan tài là một truyện mà chủ động là một vật vô tri, nhưng đã hành động rất linh hoạt.

Cô Kếu gái tân thời, *Nỗi lòng ai tỏ* là những truyện không có chuyện.

Hai cái bụng không những không có chuyện, còn không có cả hành động nữa.

Tơ vương là truyện viết theo thể nhật ký.

1931-1932 là truyện tôi không phải viết một chữ nào. Tôi đã cắt những mẫu báo đăng về một sự việc diễn ra trong hai năm này với trình tự thời gian hẫng hoi, rồi dán lại thành một truyện có đầu có đuôi xảy ra về sự việc ấy !

Tôi còn muốn thử viết những truyện mà cách trình bày khó khăn hơn : một truyện mà từ đầu đến cuối kết hợp bằng toàn những cảnh không liên quan gì với nhau ; một truyện mà chủ động không phải là một người mà là một tập thể ; một truyện mà chỉ có lời một người đương nói với người khác bằng điện thoại.

Chú thích :

Nhà văn Nguyễn Công Hoan còn nhiều lần nói về kinh nghiệm viết truyện ngắn của ông. Đọc thêm các bài : *Viết truyện ngắn thế nào cho ngắn ?* (tạp chí Văn nghệ 6-1959) ; sách *Đời viết văn của tôi*. Một phần tài liệu trong phần *Sáng tác* trong tập sách trên, đã được đưa vào cuốn, *Hỏi chuyện các nhà văn*, thành bài *Nói thêm* in ở cuối sách.

Nguyễn Công Hoan

Tô Hoài

(...trích *Cát Bụi Chân Ai*)

Năm 1963, trong dịp anh Nguyễn Công Hoan lên lão sáu mươi, tôi có viết một bài mừng thọ. Bài bút ký *Người bạn đọc ấy*, anh Hoan nói vui:

- Tôi đọc bài anh mà rơm rớm nước mắt, khỉ thế!

Anh bảo tôi như vậy. Cách nói rất Nguyễn Công Hoan!

Tôi xiết bao băng khuâng với nguồn cảm thông của anh trước tâm sự tôi đã giải bày trong bài ký đó.

Anh đã cho in cả bài *Người bạn đọc ấy* vào tập hồi ký của anh: *Đời viết văn của tôi(1)*. Và cảm động, tự hào khó tả bao nhiêu cho tôi, bài *Người bạn đọc ấy*, của tôi còn khơi gợi để anh viết thành tiểu thuyết *Con trai người bạn đọc ấy*.

Bao nhiêu năm nay, những gì anh viết, tôi đều đọc, có thể nói, không sót một chữ. Tưởng như từ tập truyện *Kiếp hồng nhan* đến giờ, anh viết bài nào ở báo nào, sách nào, người học trò chăm chỉ của anh đều tìm đọc.

Tôi đã nghe anh kể anh cũng chú ý đọc tôi từ những truyện ngắn đầu tay của tôi đăng báo *Hà Nội tân văn*. Đến bây giờ anh vẫn đọc và thường cho tôi nhiều ý kiến về mọi cái tôi viết ra.

Có lẽ từ hơn nửa thế kỷ làm nghề văn, tới nay, lúc nào anh cũng viết. Những truyện ngắn trong *Kiếp hồng nhan* anh viết cái năm tôi mới được sinh ra, năm 1920, thế mà tới nay, anh vẫn là người viết hăng hái, siêng năng như vẫn siêng năng, cần mẫn từ bao lâu nay, anh bảy mươi lăm tuổi rồi mà bạn bè không ai hề nghĩ tuổi anh đã cao. Người ta chỉ thấy anh cũng đang viết như chúng tôi, và như chúng tôi. Một nhà văn lúc nào cũng đang viết thì không bao giờ biết già và không bao giờ ai cho là già. Những người lớp tuổi sau kính trọng tuổi anh, ao ước được thân thiết với lao động sáng tác của anh.

Tháng trước, anh phải nằm bệnh viện. Cũng tháng trước, báo Văn nghệ ngày 21 tháng năm 1977, in bài bàn vấn đề Về chữ "*nhà*" của anh. Bài anh đề viết tháng 5, viết cả khi ốm nặng. Tôi đọc bài ấy, ghi mấy chữ vào sổ tay để nhớ và tôi nghĩ thêm được những chữ: nhà bàn, nhà tàu... Vẫn định, rồi lúc nào gặp nói đùa "biểu anh thêm mấy chữ này".

Trong bài *Người bạn đọc ấy* tôi có kể lần đầu tôi gặp anh Nguyễn Công Hoan ở bãi biển Trà Cổ, quãng một năm trước năm 1940.

Hồi ấy, anh dạy học ở làng Trà Cổ. Còn tôi đương làm phụ kế toán cho nhà giày Ba-ta ở Hà Nội. Tôi ra Móng Cái tính sổ hàng của đại lý. Thấy anh ở Trà Cổ rồi tình cờ cùng đáp chuyến

tàu thủy chở khách của hãng Tây Địch từ Mũi Ngọc về Phòng. Tôi làm quen với anh. Tất nhiên, anh chẳng biết tôi là ai. Tôi chưa viết văn. Cũng chưa có cái tên như tên tôi bây giờ.

Nhớ hôm ấy anh mặc quần soóc trắng, đội mũ cát dẹt vịt, hút tẩu thuốc lá, đứng tựa lan can tàu trông ra biển. Tôi mon men đến. Tàu qua Hà Cối, anh trở hòn đảo mà tàu vừa rời xa, nói Tây gọi đảo ấy là Chapeau Chinois. Tôi trông hình đảo nổi trên mặt biển cũng giống núp cái mũ cối rộng vành của người lao động Trung Quốc thường đội. Trên tàu có Trần Trọng Kim hồi ấy là đốc học Hà Nội ra nghỉ mát Trà Cổ. Về đến Quảng Yên thì ông Trần xuống, anh bảo tôi là ông ta xuống chơi với tuần phủ Quảng Yên. Trên tàu có đoàn chị em ái hữu tiêu thương chợ Đồng Xuân đi chơi Móng Cái, sang cả Đông Hưng bên Trung Quốc. Tôi cũng có sang Đông Hưng. Sau chuyến ấy, tôi viết một bài phóng sự về quang cảnh thị trấn Đông Hưng chuẩn bị chống Nhật. Tôi gửi bài vào báo Mới, một cơ quan công khai, của phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương ở Sài Gòn. Chỉ thấy ở mục hộp thư báo đăng tin có nhận được bài mà thôi.

Ngót bốn mươi năm rồi, mà vẫn nhớ nguyên chuyến tàu. Cái tàu thủy cũ kỹ chạy ven biển - hai ngày, hai đêm mới từ Mũi Ngọc về tới bến Bính, guồng tàu quay ầm ầm, sủi bọt trắng xoá ngày đêm đặng đuôi tàu Nhưng phải nói là biết anh Nguyễn Công Hoan, tôi biết từ khi học, lớp cấp ba tiểu học, khi bắt đầu biết đọc sách và đọc truyện ngắn trong tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 1, in năm 1933...

Đến hồi đương tuổi thanh niên tôi lại "biết" anh vào dịp anh em ái hữu thợ dệt quê tôi diễn vở kịch Tấm lòng vàng của anh. Kịch kể chuyện một nhà giáo, từ tâm giúp một học trò nghèo. Sau anh học trò ấy làm nên, kín đáo đền ơn tạ thầy. Tôi đóng vai người học trò nghèo trong kịch Tấm lòng vàng. Thầy là Thịnh, thầy giáo dạy tôi lớp 1 ngày trước, lại đóng vai thầy giáo. Con gái thầy giáo là cô Mỹ Ảnh, một cô đào tuồng rạp Quảng Lạc. Chúng tôi đã xuống Hà Nội thuê cô ấy về đóng, ngày ấy chơi kịch nghiệp dư, khó kiếm được vai nữ thật.

Hồi này, anh đã được đổi về dạy ở Nam Định.

Tôi viết thư xin phép tác giá. Thật ra, tôi ao ước được thấy mặt chữ một nhà văn nổi tiếng hơn là việc xin phép. Tôi đã được như ý. Chữ ký trong thư anh không chân phương như bây giờ, mà loằng ngoằng búi tròn lại thành một đám như con nhện rồi buông một nét sa xuống dài thòng, anh Nguyễn Công Hoan vốn tinh nghịch, hay làm ngược. Có phải vì ngày ấy các nhà thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ ký tên thường phất những nét cao ngất dài mây lên trời mà nhiều người đã bắt chước, thì anh ký thành một cục chữ rồi cho chọc một nét xuống đất.

Tôi giữ cẩn thận cái thư ấy, tới sau tháng tám 1945, đã đưa anh xem.

Thật thì cũng chẳng mấy khi tôi có dịp gần hoặc làm việc lâu với anh, nhưng tôi nhận thấy ở anh lúc nào cũng lạc quan hay nói đùa. Cái vui của một người có nhiều nỗi buồn, không biết có phải thế không.

Trước những khó khăn, những đau khổ, trong mọi hoàn cảnh, anh vẫn tìm ra cách nghĩ, và làm việc tạo niềm tin.

Xin kể đôi ba kỷ niệm nhỏ.

Năm ấy, cuộc kháng chiến chống Pháp mới bắt đầu. Tôi làm phóng viên báo Cứu Quốc mặt trận Hà Nội, anh Nguyễn Công Hoan đã vào bộ đội, ở ban biên tập báo Vệ quốc quân, anh Lê Tất Đắc phụ trách. Báo đóng trong một xóm trên đồi Đông Lư vùng So Sỡ giữa chùa Thầy và chùa Trầm. Cùng làm tuần báo Vệ quốc quân lúc ấy có Thôi Hữu và Thâm Tâm. Thấy tôi đến chơi, anh Nguyễn Công Hoan giữ lại bảo “ở lại đây làm báo với chúng tớ cho vui”. Thế là thủ trưởng Lê Tất Đắc ký giấy xuất kho cho tôi bộ quần áo bộ đội xanh lá cây, cái mũ cứng, thêm chiếc mũ ca-lô. Tôi ở lại có đến mấy tháng, cho đến hôm cơ quan Vệ quốc quân chạy Tây rời lên Lâm Thao.

Có một chuyện buồn cười, buồn cười khi anh nói lại chứ thật ra, đây là chuyện gay go, suýt chết. Hôm ấy anh Nguyễn Công Hoan cùng Thôi Hữu lên Sơn Tây. Không nhớ đi việc gì, tôi mang máng như cũng là các anh đi chơi thôi, anh Nguyễn Công Hoan mặc quân phục, mũ ca-lô sĩ quan dạ tím có sao vành tròn.

Lưng anh dắt gò gò bao súng lục anh Lê Tất Đắc cho mượn - mà tôi chắc anh cũng không biết bắn. Người anh cao lớn, mặt bộ đội, trông oai lẫm.

Chẳng may, đúng hôm ấy, Tây ở Hà Nội tấn công nóng lên tận huyện Phúc Thọ. Một đảng thì Tây đã lố nhố lên mặt đê, bắn loạn xạ vào trong làng. Một đảng thì người ta chạy giặc đương gồng gánh xô xuống bãi.

Anh chạy với mọi người.

Anh bị dân quân hỏi, rồi giữ giấy. Người ta, nghi anh là Việt gian, trói anh lại. Ở ngay mặt trận, địch đang đuổi sau lưng mà bị dân quân bắt, nghi là Việt gian thì chết đến nơi rồi.

Nửa đêm, anh mới mò được về đến Đông Lư. Bùn lấm lên tận mặt, mất cả mũ ca-lô, cả súng lục. Vết thương còn lằn đỏ hai cô tay.

Chúng tôi theo lệnh chuyển lên Lâm Thao, anh đi theo luôn. Dọc đường, lúc ngồi nghỉ, anh Nguyễn Công Hoan thông thả vui vẻ kể lại chuyện “nguy hiểm chết người” ấy. Rồi anh cười:

- Từ giờ thì ketch không dám đeo súng!

Một chuyện mới đây. Cục dịch vận của Quân đội tổ chức cuộc gặp mặt văn nghệ sĩ bàn việc sáng tác cho địch vận. Các vùng bị chiếm ở miền Nam đường ngập ngựa sách vở, ta cần tìm cách thổi luồng gió mới vào.

Các anh ấy đề nghị chúng tôi viết những truyện - viết theo lối sách chường, tình báo, lãng mạn đương thịnh hành nhưng nội dung lành mạnh, khơi gợi tình yêu nước. Và ký tên khác. Để in công khai trong thành hoặc in ngoài chiến khu, đem lồng bìa giả, bí mật đưa vào các đô thị.

Chưa ai làm được gì thì anh Nguyễn Công Hoan đã xong một tiểu thuyết trên một trăm trang bản thảo. Hồi kháng chiến chống Pháp, anh đã viết một truyện như thế, do quân đội in, quyển *Sống cũ*, ký tên là Nguyễn Văn Lung (Anh cất nghĩa: là lung tung thiên ấy mà).

Tôi đọc, rồi nói với anh:

- Những đoạn tả tình yêu chưa được.

- Sao?

- Anh cho trai gái Sài Gòn bây giờ viết thư tình như thư tình trong truyện của anh từ hồi "*min-nóp-săng-cà-cô*". Có cả *sợ tư lòng, đài gương, dẫu bèo, nhận én thoi đưa, tháng ngày thắm thoắt...*

Anh im. Rồi vỗ đùi, cười to:

- Ờ nhỉ, lâu nay cái việc ấy mình không có thực tế. Toàn viết theo xú-vơ-lia(2). Hông!

Anh bằng lòng với nhận xét ấy, của tôi và tự giải thích theo cách hài hước riêng. Rồi anh bỏ cả cuốn tiểu thuyết Một kiếp người. Chịu nghe, Nguyễn Công Hoan vẫn trẻ trung như thường.

Năm trước, anh khoe:

- Mình mới nghĩ ra một truyện dài cái truyện dài này thì dài vô tận.

- Truyện gì ạ?

- Truyện "*Nhớ gì ghi nấy*".

Tôi vẫn chưa hiểu, anh cắt nghĩa: ở tuổi anh ấy bây giờ, những từng trải buổi giao thời, những mắt thấy tai nghe qua mấy chế độ, biết bao chuyện, phải ghi lại cho lớp người sau biết.

Thế là anh đóng từng tập giấy khoảng trăm trang mỗi khi nhớ một việc, anh suy nghĩ thấy nên ghi lại, anh ghi. Hết tập giấy ấy, anh đóng tập khác.

Anh cười, giơ tay, vẽ đặc chí:

- Ờ hay, chẳng phải là chuyện dài vô cùng tận thì là cái gì. Từ nay đến ngày mình chết, chết thì thôi chứ những điều đáng nhớ đáng ghi thì cái bộ đại trường thiên tiểu thuyết này của Nguyễn Công Hoan cũng chưa xong cơ mà!

Những ghi chép ấy của Nguyễn Công Hoan đã có dịp ra mắt bạn đọc một vài đoạn trên tạp chí Tác Phẩm Mới. Có ý kiến cho là anh ghi nhiều điều quý. Có ý kiến cho là có cái không hay, không nên ghi, không nên cứ nhớ gì ghi nấy.

Anh chỉ cười:

- Tất nhiên, phải nghĩ rồi mới ghi chứ, tay mình viết chứ có phải là cái máy viết đâu, nhưng mà đợi người ta bàn xong xem mình ghi hay hay dở thì không còn thì giờ, cứ phải làm việc thôi. Từ khi tôi nghĩ ra cái nhớ gì ghi nấy này, thấy lúc nào cũng bận.

Luôn luôn anh tìm ra nguồn vui, cả trong lúc sáng tác khó nhọc, anh hay pha trò, nhưng công việc anh làm thì không đùa. Lúc nào anh cũng tập trung trí tuệ và nghị lực. Chúng tôi thường nghe anh kể và đã biết về cách anh làm việc, nơi anh làm việc, trước kia cũng như bây giờ. Thật giản dị: một cái bàn, cái ghế, lọ mực tím, lọ mực đỏ, cái kéo, lọ hồ, tập giấy. Mỗi tối thường anh viết xong một chương truyện trên mười trang bản thảo giấy khổ nhỏ. Hôm sau, chữa lại chương ấy bằng mực đỏ. Chỗ nào hỏng, hoặc xê xích câu văn trên dưới thì cắt dán. Đến bữa, đứng dậy đi ăn cơm, ăn thật no.

Anh bảo: Mình ăn khoẻ, quà bánh chẳng tham vào đâu. Phở cứ hai bát mới lừng.

Có lần đi Hải Phòng, tôi thấy anh ăn một lúc hai bát phở. Không bao giờ ăn quà vặt, thỉnh thoảng, dăm bữa nửa tháng, cao hứng mới uống chén rượu chơi. Viết liền sáu hôm được sáu chương, chủ nhật nghỉ, viết hai tuần lễ mười hai chương, cứ thế làm tiếp cả tháng, cho đến khi xong.

Sức mạnh tập trung và thói quen làm việc dữ đến thế là cùng, anh đã kể trong hồi ký Đồi viết văn của tôi, anh viết liền tiếp xong tiểu thuyết Bước đường cùng thì bị đau bại một bên vai phải, anh làm liền một loạt truyện ngắn, in báo rồi in thành tập Đào kép mới.

Viết xong, đứt kẻ mắt, bị sưng húp lên.

Đến khi có tuổi, cách thức làm việc của anh vẫn khoẻ tương tự, mặc dầu bệnh nghề nghiệp của một người thực sự lao động nghề văn, đã khiến những năm sau này, anh đau bả vai bên phải như tê thấp, không ngồi cầm bút được lâu hơn một tiếng và bên chân trái anh đi thường bị run.

Đời anh từ nhỏ, biết bao ngậm ngùi. Người đọc đã thấy trong Đồi viết văn của tôi những chuyện cười cợt về thầy ký rượu phố phủ, về anh nho khúm núm cửa huyện hoặc về tác giả tự giấu mình là cậu bé nghịch tinh, nhưng người đọc đã thấy đằng sau những truyện cười đến giàn giụa nước mắt ấy là nỗi buồn của cậu bé sớm phải xa cha mẹ, là cái lo nhà mình cứ nghèo mãi, bố mẹ lại đông anh em, mà đi thi mấy lần đều hỏng, tốn lên, đau nỗi đau mất nước, anh không thờ ơ với thời cuộc, anh đã giác ngộ và đầu tiên anh hoạt động cách mạng với nhà yêu nước Nguyễn Thái Học, bạn học của anh ở trường sư phạm Hà Nội.

Đời anh, đận nào cũng đầy những âu lo. Từ nhiều năm trước, đến những ngày Tổng khởi nghĩa 1945, trong gia đình, các em anh rồi đến các con anh lần lượt thoát li đi hoạt động, có người phải mang án chém, án tù đầy chung thân. Sáng tác của anh có quyền bị cấm lưu hành như tiểu thuyết Bước đường cùng, thời kỳ Mặt trận Bình dân. Đến khi phát xít Nhật sắp làm đảo chính, anh bị mật thám Tây cấm viết, anh phải viết ký tên khác, nhà xuất bản mới in. Những truyện viết cho thiếu nhi hồi này anh viết ký tên Ngọc Oanh (chữ Nguyễn Công Hoan viết tắt và xếp ngược), anh đi dạy học, nhưng thực dân Pháp không cho anh được ở đâu lâu. Ngót hai mươi năm làm nghề gõ đầu trẻ - anh đã viết thành tập tự truyện trào lộng có cái tên ngộ nghĩnh: Godautre, - chữ "gõ đầu trẻ", viết liền và đọc theo kiểu chữ Tây.

Cách mạng tháng Tám thành công. Gia đình anh được niềm vui chung của đất nước. Rồi, bước vào hai cuộc kháng chiến ngót ba mươi năm, trải bao nhiêu gian khổ, nhà anh cũng trong những hy sinh gian khổ ấy. Mẹ anh và nhiều người trong gia đình đã bị bom giết hại. Em anh, con cả anh đã hy sinh trên đường công tác. Con trai anh vào chiến trường miền Nam.

Nhưng đầy nghị lực và tinh thần trách nhiệm trước cuộc sống, bao giờ anh cũng vượt lên. Những đức tính ấy ảnh hưởng quan trọng đến toàn bộ sự nghiệp văn học của anh về tư tưởng, về vốn sống và tài năng sáng tạo.

Tiểu thuyết *Đồng rác cũ* tập I, có nhiều chương miêu tả gia đình một nhà nho, một gia đình phong kiến điển hình với những thói tục hủ lậu, đã giam hãm và hành hạ người phụ nữ đến tàn đời trong ngưỡng cửa gia đình. Thành công của anh trong biểu hiện và mổ xẻ tâm trạng với khung cảnh những nhân vật phong kiến ấy, tôi hiểu được, do bao nhiêu từng trải và cảm xúc, suy nghĩ của anh. Tôi có được nghe anh kể về người phụ nữ đau khổ có thật ở Hải Dương đã trở thành hình ảnh nhân vật phụ nữ xấu số trong truyện. Tâm sự và cuộc đời người trong truyện cũng là những rối bời trong tâm sự và cuộc đời người viết và xã hội.

Đời viết văn của tôi có nói một chút về cái chết thê thảm của người thiếu phụ đáng thương mà anh dựng thành nhân vật. Đối với nỗi lòng anh, tôi hiểu được sâu hơn những thâm lặng, những xót xa, những nguyên nhân nào khiến anh yêu văn Vũ Lang, văn Vũ Lang viết như thơ - một nhà văn lãng mạn mất rất trẻ hời ấy.

Bạn đọc anh thường chú ý tính xã hội của nhân vật và tính trào lộng đặc biệt của anh. Tôi thấy ở anh, không phải chỉ có hài hước mà còn có thơ. Chất thơ ấy làm cho cái cười của anh buồn thắm thắm hay bay bổng lên. Những truyện ngắn như *Nghĩ người ăn gió nằm mưa*, *Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng*, và những tiểu thuyết *Tám lòng vàng*, *Tắt lửa lòng*, *Lá ngọc cành vàng*, *Tơ hồng*, *Cô giáo Minh*, *Bước đường cùng* và những bài thơ mà đôi khi anh làm, có đăng báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và cả cuộc đời lúc nào cũng nén đau thương - những điều tưởng không dính líu tới sáng tác, nhưng thật đã ảnh hưởng lớn tới tâm hồn sáng tác của anh. Những cái đẹp, những nét thơ và u uẩn đó ánh lên như hương thơm của chùm hoa một tinh khiết đưa thoang thoang rất xa trong đêm hè.

Không phải chỉ do, tôi suy luận từ sáng tác tới cuộc đời anh, mà có những điều tôi trực tiếp hiểu được như thế. Chỉ một bài Người bạn đọc ấy của tôi đã gây ra giống bão trong sức mạnh sáng tạo của anh và anh đã tạo nên tiểu thuyết *Con trai người bạn đọc* ấy. Phải có cảm xúc thơ, tâm hồn bao la mới chấp cánh được cho ngòi bút mạnh mẽ được vậy.

Không, bao giờ anh trả lời cho tôi về những suy nghĩ của tôi, như thế, anh có cho là tôi nói đúng không, anh chỉ im lặng. Có khi gõ đầu thuốc. Có khi nhả khói thuốc. Đây là vẻ im lặng và thoáng buồn không bình thường ở một người vốn hồn nhiên như anh, anh Nguyễn Công Hoan đã kể lại trong hồi ký *Đời viết văn* của tôi: ngày trước anh đọc tuần báo *Hà Nội tân văn*, anh chú ý những truyện ngắn đầu tay của tôi.

Khi nhà xuất bản *Tân Dân* ra loại sách Truyền Bá cho thiếu nhi, anh mách ông Vũ Đình Long nên mời tôi cộng tác. Thế là tôi bắt đầu viết cho loại sách Truyền Bá. Những truyện đầu tiên cho thiếu nhi: *Con đế mèn*, *Đế mèn phiêu lưu ký* *Mực tàu giấy bản*, *Chuyện cái đầu tôi*. Anh nói anh không thích *Con đế mèn* như nhiều người trầm trồ. Mà anh khen truyện *Mực tàu giấy bản*, trong đó có nhiều đoạn dí dỏm, ngộ nghĩnh.

Tiểu thuyết *Tranh tối tranh sáng*, anh viết từ những ngày tháng tám 1945 ở Hà Nội, cùng loạt với tiểu thuyết *Đồng chí Tơ* của anh in trên báo *Sao Vàng*, cơ quan của Vệ quốc đoàn Nhà xuất bản *Sự Thật* đương in tiểu thuyết *Tranh tối tranh sáng* thì bùng nổ toàn quốc kháng chiến.

Anh Nguyễn Công Hoan không giữ được bản thảo viết tay, anh thường nhẹ nhàng, không chầm bấp mấy với những cái đã viết ra. Vứt đi cái này, viết cái khác, có gì đâu, anh bảo thế. Ở Việt Bắc, một lần tôi lên nhà in Tiến Bộ sửa bài ở bên Chanh sông Lô trong vùng rừng Chiêm Hoá trên Tuyên Quang, thấy trong đám giấy lộn của nhà in từ Hà Nội mang đi có một tập ngót trăm trang tiểu thuyết Tranh tối tranh sáng đã dập bản in thử. Tôi đem về cho anh. Nhờ vậy, khi hoà bình lập lại, anh có cơ sở viết tiếp tiểu thuyết này.

Kể lại mấy việc trên, chỉ vì tôi nhớ có lần anh bảo:

- Tôi với anh có nhiều duyên nợ và hợp nhau.

Rồi anh lại nói:

- Tôi phải truyền nghề viết cho anh mới được.

Anh thường bảo nghề văn có những cách, những mẹo riêng mà ít người biết, anh hay nói là tôi xem ra bây giờ chỉ có anh, anh Quang Dũng và cô Vũ Thị Thường là có thể học được nghề, anh nói lý do là khi nói chuyện với chúng tôi - Quang Dũng và tôi, bao giờ anh cũng thấy dí dỏm lý thú, nghĩ thêm ra được nhiều cái bất ngờ, thế thì anh giống tôi, anh có thể học tôi được. Không phải anh chỉ nói vui, mà nói nghiêm chỉnh.

Anh viết truyện cười, nhưng anh sống mực thước, chu đáo, kể cả trong câu nói, lời hứa và mọi sinh hoạt thường ngày.

Và anh Nguyễn Công Hoan đã làm việc truyền nghề cho tôi, anh không giảng như anh thường đi giảng các lớp bồi dưỡng sáng tác. Mà anh dặn: nghề viết phải học lỏm, học mót, học thế nhớ lâu, người ta nói một, mình hiểu mười, phải tinh mới được. Nay tôi bảo anh... phải láu mới được.

Lúc anh nói thế, hai bàn tay xoè thẳng, giơ ngang, khi mở rộng, khi thu hẹp, anh đương giảng giải làm ví dụ, hết như thầy đứng trước bảng đen. Nghề dạy học lâu năm đã làm anh có thói quen và cử chỉ nghề nghiệp ấy Năm trước, anh có sáng kiến khiêm tốn và chịu khó đi phỏng vấn nhiều nhà văn, nhà thơ: ở mỗi người anh hỏi một khía cạnh sở đắc nhất của cây bút ấy. Tôi cũng được anh hỏi riêng về ngôn ngữ và kinh nghiệm kiến trúc câu văn.

Anh mở máy ghi âm và chúng tôi cứ việc rôm rả chuyện lung tung quanh những câu văn và chữ nghĩa.

Ít hôm sau, anh đưa tôi xem bài anh viết theo máy ghi. Có nhiều đoạn anh đề là tôi nói, mà lại thật là của anh viết. Nhiều chỗ ví dụ cho rõ nghĩa hơn, cả những đoạn tôi tự nhận xét chất thơ trong câu văn của tôi như thế nào, cũng anh viết cả.

Anh nhìn tôi đọc bài anh. Về ung dung, bằng lòng.

Anh đương đoán ý của tôi. Rồi anh nói như đinh đóng Tôi chắc anh phải đồng ý!

"Anh sẽ bằng lòng, anh sẽ thích, vì những điều tôi viết đều như ý anh". Thầy giáo tôi sao dễ tính và chủ quan thế nhưng cũng đúng thế thật. Khi đăng bài ấy trên tạp chí Tác Phẩm Mới

và rồi nhà xuất bản sửa soạn in thành sách(3), anh có đưa tôi đọc lần nữa. Tôi nghĩ lại, cũng không có ý gì thêm và khác anh.

Các bài báo, bài bút ký hay truyện ngắn, truyện dài tôi viết, anh đều đọc, khi bản thảo, khi sách in, anh đọc kỹ và bao giờ cũng khen chê rõ ràng như thầy giáo chấm bài. Phần nhiều anh chê, "yêu cho vọt mà"... anh bắt bẻ rồi cắt nghĩa, vẽ ra cách chữa. Nếu không định bảo ban tôi, "truyền nghề" cho tôi, chắc chẳng bao giờ anh bỏ công thế.

Những nhận xét của anh về hai cuốn sách tôi mới xuất bản, tiểu thuyết Đảo hoang và truyện ký Lăng Bác Hồ. Tất cả đều là những câu anh chê. Xin trích vài đoạn ý kiến anh về tiểu thuyết Đảo hoang... Giấy anh viết chi chít trên mặt trái trang bản in hàng ngày dính với nhau bằng hồ.

1 Dưa đỏ mọc ở đâu mà chim đưa hạt ra đảo? Cho rằng nó mọc ở một đảo hoang nào đó. Bố con An Tiên biết lấy hạt để trồng rồi thả cho quả trôi vào đất liền. Vậy sao từng ấy năm ăn dưa mà nhân dân không lấy được hạt để trồng? Lĩnh Nam Chí Quái c chỗ sơ hở, nhưng "Đảo hoang" phải lấp chỗ hở ấy.

5. Giống chim trắng ở biển, các nhà thơ gọi là hải âu thì dân vùng biển gọi là con chim mổ. Chim mổ chỉ ăn cướp cá của các thuyền đi khơi đánh cá. Nó rất bạo người. Nó đậu ngay ở mạn thuyền để rình cướp cá.

Người chỉ đuổi nó, chứ không giết để ăn thịt, vì thịt nó dai hơn thịt trâu. Nó không phải là loài chim ăn rau quả. Anh xem lại xem hải âu có biết ăn dưa đỏ không?

7. Ma-Li là người nước ngoài được cứu sống cho đến hôm nó nói được thì cứ im lặng không nói câu nào cả.

9. Chương 2, chương 3. Gấu được học như người có vẻ xiếc quá, không hợp.

Anh lại tìm ra những cái thiếu, cái sai từng câu từng dòng.

Trang 13 dòng 6 (dưới lên) "Tứ chiêng", tác giả nói tiếng này thì được, An Tiên nói không được. Vì tiếng này mới có từ thời Lý. Bởi chữ tứ trấn nói kiêng. Tứ trấn là Thăng Long tứ trấn. Có bốn đền thờ bốn ông thần trấn thủ bốn phương thành Thăng Long; đông, đền Bạch Mã (Hàng Buồm), tây: đền Voi Phục, bắc, đền Trấn Võ; nam, đền Cao Sơn ở Kim Liên. Tứ chiêng là dân các nơi đến ở quanh kinh đô, ý nghĩa như khinh bỉ.

Trang 27 dòng 11 (dưới lên) - ở hội vật có cái cử chỉ mà tác giả gọi là "múa lên đình" thì theo tôi đã biết là hai đô vật "lễ" thần trước khi vào keo.

Trang 42 dòng 2 (dưới lên) và những trang khác, con cá nghiêng người... người con gấu... người con trần phải viết "người" là "mình" mới chính xác.

Có lúc, anh bảo tôi:

- Một năm trở lại đây, tôi tự nhiên thấy khác hẳn trước. Lên gác thư viện, mới được một tầng, đã phải vịn tường. Đi xe đạp thấy tay lái chập choạng, không dám đi nữa. Thường ngày tôi ghét nằm, bây giờ chỉ muốn nằm.

Anh đã cao tuổi, nhưng anh vốn có sức, anh em chúng tôi chỉ nghĩ như chúng tôi mong muốn: mong sao anh được mạnh khỏe, mong sao sức anh chỉ kém đi bình thường theo tuổi già mà thôi.

Có khi, dường như anh ngập ngừng:

- Này tôi bảo anh (anh hay gọi tôi thân mật, bắt đầu bằng: Này, tôi bảo anh...) tôi còn tồn kho

một ít. Anh chữa cho tôi, thế nào cũng được.

Anh đương nghĩ xa. Rồi anh cười nhẹ nhàng:

- Bây giờ thì tôi còn cái thể đểch nào được anh.

Nhưng mà thôi...

Anh vốn không ưa nói điều gì buồn

Chú thích:

(1) Nhà xuất bản Văn Học 1971

(2) Xú-vơ-nia (tiếng Pháp) có nghĩa là kỷ niệm. Nguyễn Công Hoan nhại đùa: Xú-vơ-lia.

(3) Hồi chuyện các nhà văn, Nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1977

Phụ đính:

Xin chữ cụ Nghè

Gần chỗ tôi ở, có một cụ nghè, đỗ khoa nào tôi không rõ. cụ nghè nổi tiếng là hay chữ. những thơ phú, câu đối, cụ làm ra, toàn là chữ nho cả, tôi ù cạc như vịt nghe sấm, nhưng thấy người vùng này thuộc nhiều và đều phục là hay lắm.

làng cụ ở cách nhà tôi ba cây số. những ngày rỗi việc, tôi thường đi lại để được hầu chuyện cụ. vì tính cụ vui vẻ, dễ dãi, nhất là tiếp đãi tôi, thì bao giờ cũng một cách đặc biệt. thường cụ vẫn bảo tôi rằng nếu có cần việc gì về chữ nho, thì cụ sẵn lòng giúp.

tôi vâng dạ, nhưng chưa có dịp nào được phiền đến cụ, vì chưa có dịp nào phải cần giao thiệp bằng chữ nho nhiều người cứ xui tôi xin cụ đối câu đối, nhưng tôi không muốn. vì vẫn biết cụ sẵn lòng cho, nhưng chính mắt tôi thường trông thấy phàm ai muốn nhờ vả cụ về chữ nghĩa, đều phải có đem hoặc cành cau, hoặc gói chè, hoặc có khi cả đồng bạc nữa, để biếu cụ. chứ không ai chơi cái lối "nước dãi" bao giờ. như thế thực là phải cho nên, chẳng lẽ bây giờ mình nhờ cụ, mà cũng xử như người ta, đem gì đến, thì sợ cụ cười rằng trẻ con không biết gì. nhưng nếu ngộ không tạ cụ bằng thức gì, thì cụ lại chẳng bằng lòng vì cách "tây" quá ấy chẳng. bất nhọc chẳng phiền cụ cho xong quách.

một hôm nhận được giấy cáo phó của một người bạn thân báo tin ông cụ thân sinh mới tạ thế, tôi cùng vài người anh em định rủ nhau sửa đồ phúng chung.

ngày thường, chúng tôi vẫn nghe lỏm nhiều người nói chuyện rằng phúng đám ma các cụ già, người ta hay dùng bốn chữ hạc giá tiên dụ chúng tôi định thừa ở hiệu bốn chữ ấy nhưng mặt chữ không thuộc, nên không biết viết thế nào mà đành phận chữ chi là cò cũng không biết, thì thà chịu dốt còn hơn. vả lại bốn chữ sẵn này, tuy hợp nghĩa, nhưng nó cũ rích, lại chẳng hay ho gì, không đủ tỏ được cái tình thân mật của chúng tôi đối với hiếu chủ. chúng tôi bèn quyết không dùng mấy chữ sáo hạc giá tiên du ấy nữa nhân có cụ nghè ở gần, chi bằng chúng tôi lại xin ngay chữ cụ, tất được hay lắm.

chúng tôi biết tính cụ nghè thích đánh chén, mà xưa nay chúng tôi lại chưa được dịp vào hầu rượu cụ, nên nhân việc này, chúng tôi mời cụ đến xơi cơm, rồi nói chuyện xin chữ cho tiện.

dặn dò người nhà làm cơm và mua rượu xong, chúng tôi cùng thân hành đến nhà cụ nghè để đón cụ. hôm ấy, được ngày cụ thong thả và mát trời, nên cụ đi ngay cơm xong, tôi nói:

- thưa cụ, tiện đây, chúng con có một việc muốn phiền cụ.
- hừ! các ông lại muốn nhờ làm câu đối chứ gì?
- dạ.
- thế thì việc quái gì phải bày vẽ ra như thế này cho thêm tốn?
- bẩm có gì là bày vẽ. chúng con chủ ý mời cụ quá bộ đến xơi cơm để chúng con được hân hạnh hầu rượu cụ mà thối
- câu đối gì?
- bẩm câu đối phúng.
- phúng ại
- bẩm phúng ông thân sinh một người bạn thân.
- Được! Đem giấy, bút, mực ra đây
chúng tôi đưa lọ mực tây và bút sắt. cụ không nghe, cười:
- tôi có quen dùng những thứ này đâu
chúng tôi bèn chia nhau đi mượn cho đủ bộ. khi thấy mang về, cụ bảo:
- mài mực đi ông đổ ít nước lã vào đây, rồi mài thoi mực này mười vòng vào chỗ này, khi nào đen thì thối
chúng tôi vâng lời cụ. khi mực mài xong, cụ để các đồ dùng trước mặt, lên ngọn kính, rồi hỏi:
- viếng ông cụ thân sinh ra bạn thân phải không?
- dạ.
- ông cụ ấy bao nhiêu tuổi
- bẩm ngót bảy mươi
- à thọ nhỉ? con cháu khá cả đấy chứ?
- bẩm vâng.
- ông cụ ấy còn cha mẹ già không?
- không ạ.
- bà cụ còn chứ?
- dạ.
- Được. ấy, phải biết đủ như thế, mới có thể giải tỏa hết cả tấm lòng mình được.
cụ nằm phục vị trước tờ giấy, chống tay vào cằm, nghiêm nét mặt lại, rồi rung đùi, cơ chừng để nghĩ. chúng tôi ngồi chấp tay, yên lặng cả, để khỏi làm rối mắt mối văn chương của cụ nghe.
một lúc, cụ ngồi nhổm dậy, nói:
- mà cần gì phải câu đối bây giờ những đám ma văn minh người ta có hay dùng câu đối nữa đâu
Để tôi nghĩ cho bốn chữ rõ hay, các ông có bằng lòng không?
- dạ!
- Được.
cụ lại phục vị, cầm bút chấm vào nghiên, xoe ngòi cho tròn rồi viết. chúng tôi châu đầu cả vào để nhìn tay cụ.
Đầu tiên, cụ nắn nét viết một dòng chữ về mé tay phải ở tờ giấy, chỗ đề niên hiệu:
Bảo Đại nhâm thân niên trọng hạ nhật.
rồi cụ đưa phất tay sang mé trái tờ giấy, viết luôn một dòng chữ nữa đề lạc khoản:
tử chấp: trần văn x, trịnh hữu y, nguyễn mạnh z, đồng trang văn.
cụ hỏi:
- có phải tên các ông viết thế không? dòng bên kia là đề ngày, tháng, năm đấy
- dạ.
- tử chấp nghĩa là hàng con, các ông cũng vào hàng con cụ ấy
- dạ.
chỗ giữa vẫn còn để trống. cụ lại hỏi:
- ông cụ có phải không nhỉ?
- dạ.
lúc ấy cụ lại ra dáng nghĩ ngợi hơn, gục hẳn mặt vào bàn tay và rung chân mạnh hơn trước. rồi ngẩng dậy, cụ đặt bút, chấm vào mực, lăn mãi ngòi vào nghiên. chúng tôi lại phải im phăng phắc,

không dám thở mạnh để cụ loạn trí, mắt chữ hay, chăm chăm con mắt nhìn theo tay cụ.
Độ năm phút sau, cụ đặt bút xuống chiếu, gãi chân, rồi kêu nực, chúng tôi quạt hầu cụ cầm bút rồi rung đùi một chốc, cụ lại xoay bút, không rung đùi nữa, đặt hẳn ngòi trên mặt tờ giấy, đưa đi đưa lại cái quăn, ngoáy ngoáy trên không để lấy gân, rồi dí hẳn xuống, nắn nót, viết bốn chữ nét rậm rì to tướng.
viết xong, cụ nhồm phát dậy, trở vào từng chữ mà giảng cho chúng tôi được hiểu thấu cái hay cụ nghe giảng rằng:
- hạc là con hạc, giá là xe, tiên là cỡi tiên, du là chơi, các ông hiểu chưa hiểu rồi, chúng tôi lờm nhau, chỉ sợ có anh nào cười thì chết!...

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

Đường vắng ngắt. Chưa đến 8 giờ mà đường đã vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng. Thật là cả một đụn vải chỉ hờ có cái mặt. Trên đầu một cái mũ trùm hum xuống đến mi, quanh cổ, một cuộn khăn len dày cộm. Rồi áo, quần, giày, bít tất, găng tay, có bao nhiêu thứ để chống nhau với rét, đều quện cả vào người xù xù.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Gió giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương.

Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng một giọng hát ảo não xen lẫn vào tiếng gió.

Hội Chùa Thầy anh em ơi còn đương lúc đưa chen,

Hể nhanh chân thì tới, chứ ươn hèn thì í xa.

Dưới mái hàng nước đầu ngã ba, một anh xẩm đương lắc lư, nghêu cổ lên mà hát.

Anh ngòi trên manh chiếu, trước cái xoong sắt tây thủng, một đùi ghéch lên mặt đàn. Tay nắm cần, tay bật dây, anh uốn cung đàn trầm bổng theo tiếng hát khàn khàn. Cái mũ dạ, trơn từ đỉnh đến rìa, mềm oặt theo khuôn đầu, che cho anh khỏi lạnh gáy. Nhưng cái áo tây vàng rộng thùng thình không giữ nổi hơi rét cắt da. Mặt anh xám lại.

Hết bài xẩm chợ, anh quay ra cái lương. Anh ngâm:

Hai năm í í mới rõ là à mười í,

Hể mà hai sáu ú ú, tôi í thời mười í hai ai...

Mà chứ tôi cảm tạ các à ngài...

Điệu hành vân bắt đầu.

Anh ngửa đầu, dúm gân mặt, há mồm ra mà hát. Tiếng đàn từng tưng hoà theo, lúc khoan, lúc nhặt.

- Nào các ông các bà cho nhà cháu kiếm bữa.

Anh nhăn răng ra cười.

Nhưng mà...

Gió vẫn giật từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Mưa vẫn như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lờ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vẫn vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép, chạy uể

oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Thế mà anh vẫn vẫn hát. Anh kể sa mạc:

Mà chú anh khoá ơi, em tiến chân anh xuống tận bến tàu,

Hai tay sém rách cái khăn giầu em lấy đưa anh.

Và đến Ma-đơ-lông:

Là bá i a phố rề.

Thau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chình to cũng chẳng có.

Một chình con cũng chẳng có. Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải, lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chằng lưới. Phố xá lờ mờ trắng xoá. Xung quanh ngọn lửa điện đấm lẹ, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lăn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấu buốt đến xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng anh vẫn có trông thấy đâu cảnh ấy.

Anh lại nói:

- Các ông các bà bớt chút ít cho cháu kiếm bữa gạo.

Ông nào? Bà nào? Quanh anh nào có ai?

Song anh vẫn cứ hát, hát một mình.

Anh, anh cùng em, có giờ có giờ xui khiến

Cho chúng ta dịp này.

Rồi lại kể chuyện Sài Gòn:

Anh tiếc cho cô mình mơn mớn đương tơ,

Buồng không lạnh ngắt đương chờ đợi ai.

Và thỉnh thoảng lại giục:

- Các ông các bà thương kẻ khó, các ông các bà ơi.

Anh tưởng đông người đứng nghe lắm.

Chỉ biết đâu, xung quanh anh, gió giạt từng hồi, lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau rào rào. Mưa như rây bột, như chằng lưới. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vắng ngắt. Thỉnh thoảng những chiếc xe cao-su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải.

Lại thỉnh thoảng, một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát như con cuốc kêu thương.

Ông giăng lên cao, ông giăng xuống thấp, ông giăng lẩn bóng chuối, chú ông giăng lại i a mờ.

Và khi đã đến hết tất cả các bài anh thuộc, anh ngồi im lặng để chờ và để nghe. Sau hết, sờ tay vào lòng thau không để vết.

Rồi anh run cầm cập, xếp thau, ôm đàn cuốn chiếu, cầm gậy, đứng dậy, thông thả lảo lỏi đi.

Gió.

Mưa...

Não nùng.

Cái thú tổ tôm

Nhiều người lấy làm lạ cứ hỏi nhau tại làm sao ông nghị Đào độ này thích tổ tôm thế.

Kể cũng là việc quái gở thực? Vì xưa nay ông ấy chúa ghét đánh bạc. Đến ngay như lũ trẻ nhà ông ấy ngày tết, túm tụm lại, đánh tam cúc một xu bốn cây với nhau, mà ông cũng cấm nữa là? Còn ông, thì đồ ai thấy ông chầu rìa một đám bạc nào. Ông thường nói:

- Đánh bạc, vừa hại tiền, vừa hại thì giờ, vừa hại sức khỏe. Nhà nào mà bố mẹ hay mê man cờ bạc, thì con trai hư đàng con trai, con gái hư đàng con gái. Chẳng thế, cứ bắc kiềng lên lưng tôi mà đun!

Thế mà sau khi ông goá vợ được vài tháng, thì ông mê tổ tôm như điên đảo.

Có người bảo ông mới được làm nghị viên, nên học cách giao thiệp. Nhưng đánh tổ tôm nào phải cách giao thiệp? Và ngày hội đồng dân biểu họp nào có phải các ông nghị đến hội quán Khai Trí Tiến Đức để đánh tổ tôm đâu?

Vậy thì chắc rằng bà nghị mất, ông đâm buồn. Buồn thì phải tìm cách tiêu khiển. Rượu không biết uống, phiện không biết hút, gái không biết chơi, thì ông có thỉnh thoảng đánh canh tổ tôm, có hại gì? Không hại nhất, là ông chưa có con trai hay con gái lớn.

Tổ tôm, ông mới học hơn một tháng. Nhưng ngay từ lúc mới học, ông đã dám ngồi một chân.

Ông chỉ đánh ở nhà cụ Chánh Bá. Ở chỗ khác, dù có lập cuộc tổ tôm mà thiếu một chân, thì giá họ có mời rã bọt mép, cũng không khi nào ông ngồi đánh. Có lẽ vì ông không chịu tiếng bê tha chẳng Nhiều lúc, ông sang nhà cụ Chánh Bá, rồi cho người đi mời con bạc đến. Có khi cụ Chánh Bá không tiền ông cũng cố ép cho vay để cụ đánh. Nhưng không mấy khi ông nhớ nợ. Cụ Chánh Bá muốn để đến bao giờ ông cũng không nhắc đòi.

Vậy mà ông chỉ đánh bạc để cầu vui thôi, chứ không mấy khi ông ngồi nóng chỗ. Ông cầm bài độ dăm bảy ván, khi đã góp tiền đâu vào đấy, là ông mượn người đánh hộ. Rồi hoặc về nhà, hoặc đi có việc đâu một lúc lâu mới lại đến. Làng để ý vào cây bài quá, nên không ai hỏi nhau xem ông đi đâu. Người ta, mà nhất là những người được ông nghị Đào nhờ cầm bài hộ, đều tỏ ý khen ông về lối chơi nhã nhặn, quân tử như thế. Họ khen. Vì họ muốn ông giữ mãi cái thói quen dễ chịu ấy. Người thì được đánh bạc không phải góp tiền, mà vì ông không hỏi căn vận được thua bao nhiêu, nên họ để ăn bớt. Người thì được thông lưng nhau, để một mình ông bị thiệt, vì họ coi ông như con bò!

Thực ra, chơi cái lối đánh tổ tôm cung phụng ấy, ông nghị Đào còn là mất chẵn tiền! Mà không chịu học đánh luôn luôn, thì còn xơi ông mới cao được. Ai lại ngay bây giờ, ông còn phải hỏi thế nào là lèo, cửu vạn, cửu sách và chi chi có là lưng không. Mà nào ông đã thuộc chữ quân bài đâu? Cứ đưa ông một quân, bịt kín chỗ vẽ đi, hỏi là quân gì, đồ ông có biết?

Cho nên, tuy ông lên bài rất chậm, ăn hoặc phỗng nhiều lúc rất lắm cảm, nhưng ai cũng cố kiên gan mà khen. Họ khen ông rằng:

- Đánh với ông nghị bao giờ cũng vui quá.

- Họ vui vì họ chắc chắn phần được. Dù không ù cũng được mười mười.

Cũng như mọi bận, những anh con bạc túm tiền đã tề tựu cả ở nhà cụ Chánh Bá để chờ ông nghị Đào đến nữa là vừa đủ chân.

Anh người nhà đã chia sẵn bài, và bày cả vào hỏi cái khay. Anh ta đã chế ít dóm, và làm đèn cẩn thận. Cô Xuyên, con cụ Chánh Bá đã xếp đầy một coi trầu để chờ khách. Xong việc, cô đương ngồi ngoài hiên, ghé vào ánh sáng ngọn đèn, mà xâu những hào trinh.

Mười chín tuổi đầu, nhưng cô Xuyên giỏi lắm. Thường cô đi chợ đi búa các nơi; buôn bán rất đảm đang, ai cũng khen. Nhiều anh con trai làng, thấy cô có sắc lại có vốn muốn hỏi cô làm vợ để được cưới cả cô lẫn cái vốn của cô. Nhưng cụ Chánh Bá còn kén kỹ lắm. Cụ không thích gả cho người làng, vì cụ xem chả cậu nào đáng mặt vác áo thụng đến làm rể cụ. Họ đều nghèo, và con nhà tầm thường cả. Cô Xuyên nhà cụ tiếng rằng ngày thường vẫn áo nâu, quần lụa, đi đất

trông có vẻ nhà quê, nhưng ngày tết, thì cô ăn mặc sang nhất tổng. Cái khăn gấm tây, cái áo cát-sơ-mi hoa, cái quần lĩnh bóng, đôi dép Nhật Bản, và bộ dây xà tích dài đến tận đầu gối. Cứ cách ăn mặc thế, thì cô Xuyên phải lấy một anh chồng ít ra là có bằng Sét-ti-vi-ca. Huống hồ cô còn có vốn riêng, lại là con gái lớn của một ông Chánh tổng cựu, có hàm cửu phạm bá hộ thì ít ra ông bố cũng phải thách đến dăm trăm là ít.

Thêm một ván cung Tổ nữa là sáu, mọi người bỏ tiền ra góp. Ông nghị Đào tuy không ù được ván nào, nhưng rất vui vẻ. Xưa nay, chưa ai hề thấy ông thua bạc mà phát bản bao giờ. Ông quăng hai tờ bạc giấy vào giữa rồi hỏi cụ Chánh:

- Thế nào? Cụ có tiền chưa?

- Có ông để tôi bảo cháu lấy.

Rồi cụ Chánh gọi cô Xuyên:

- Cho thầy vay hai đồng, mày!

Cô Xuyên tươi như cái hoa, đứng cạnh đèn, đếm tiền. Nhưng tiếc thay, cái hoa đẹp ấy lại không có ai thưởng thức. Vì ai cũng hai mắt đổ dồn cả vào hai quân bài bất cái.

Bỗng ông nghị nghiêm chính, ngắc đầu lên, hỏi:

- Có đủ không, cô?

- Dạ, bầm đủ ạ. May, con vừa đòi được món nợ.

Đoạn cô đưa cụ Chánh nhón tiền, rồi đi vào. Mọi người giao hẹn phần của mình góp xong xuôi, quân bài bắt đầu đen đét xuống chiếu tiến, rồi lui, rồi lại nhảy rải rác khắp chỗ nợ, chỗ kia.

Rồi ù, rồi lấy tiền. Rồi ván này. Rồi ván khác. Ông nghị Đào đã thấy chán, ông ngáp. Rồi ông gọi:

- Anh nào cầm bài hộ tôi tý này.

Họ đã thuộc tính, nên bao giờ cũng có vài anh dự khuyết, chực sẵn cả ở sau lưng ông. Ông đứng dậy, nhìn bài một lúc, bàn quân ăn quân đánh, hỏi nước thấp nước cao. Rồi một lát, ông không nói, đứng im. Rồi ông sang gian bên, hút thuốc, uống nước. Rồi ông ra hè, thỉnh thoảng nói vào một câu để đánh tiếng. Rồi im hẳn.

Trong khi ấy, cả làng không ai chú ý đến ông nữa.

Ai cũng để cả tâm trí mãi vào cây lục vạn, tam sách, ăn năm binh, hay bốc tốt cho cao.

- Cụ chịu à?

- Vâng, đen quá. Hết hội này, tôi phải đổi chỗ mới được. Đánh tổ tôm mã không được ù, bài xấu, thì chán chết. Không trách ông nghị hay đứng dậy cũng phải.

- Vâng, cụ đổi chỗ cho cháu!

- À? Để tôi bảo nó pha ấm nước chè tàu, uống cho tỉnh ngủ nhé.

Dứt lời cụ Chánh Bá, anh người nhà thừa:

- Bầm nước đưng đun dưới bếp ạ.

- Càng hay, anh sắp ấm chén để tôi pha cho.

Nói xong, cụ Chánh đứng dậy, vờn vai, gân tay chân kêu răng rắc.

- Chà? Giãn thịt giãn xương! Đem khay chè ra đây tôi xuống bếp mang nước sôi lên hộ. Hoài của, giá đừng chịu thì vừa rồi được cái phỗng!

Rồi không tiếc nữa, cụ Chánh Bá mở cửa ra ngoài cầm đèn xuống bếp:

- Ủ, ra lúc mới mà được đi đi lại lại thì nó khoan khoái lắm nhỉ.

Nhưng thấy trong bếp lửa tắt ngấm tắt ngấm, cụ hỏi to;

- Đun thế kia thì đời nào nước sôi? Con Xuyên đâu rồi!

- Dạ!

- Mày ở đâu?

- Thừa thầy, con ở trong bếp này.

- Sao không đun quàng nước lên. Lại để tắt lửa thế?

- Nó vừa mới tắt, con thối mãi không được.

Cụ Chánh Bá bước vào cạnh ông đồ rau, gất:

- Rơm không có thì mày đun bằng gì?

Cô Xuyên cuống cuống, chổng mông lên, cổ thối đống tro tắt ngấm tắt ngấm.

Cụ Chánh đặt đèn xuống, mắng con:

- Mày lười, có khi nào được. Chỉ tổ hết hơi mà thôi. Để tao rút rơm cho vậy.

Nói đoạn, cụ đi ra mé đóng rơm gần đó.

Bỗng trong chỗ tối cụ thấy lù lù có cái bóng đen đen.

Vừa ngạc nhiên, vừa sợ, cụ giật mình, hỏi:

- Ai?

- Tôi đây, cụ Chánh đấy à?

- À ông nghị đấy à? Ông đứng đây làm gì thế?

Rồi chẳng hay cụ Chánh thương ông nghị đã phải đứng chơi ngoài sương tối tăm không biết tự bao giờ hay sao, cụ dừng đình nói:

- Mời ông lên nhà xơi nước chứ?

Vậy xin độc giả đoán nét mặt ông nghị Đào tối bấy giờ thế nào. Và ông có lên nhà xơi nước hay không?

Bố anh ấy chết

Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá? Nhất là các “cụ cát dem” chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái Luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thế sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chẳng sợ, chẳng nể ai cả. Mà cũng chẳng ai buồn giây với chúng tôi làm gì cho thêm ác cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư, lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành hành như “ông tướng Quảng Lạc”!

Chín giờ tối hôm thứ bảy ấy. Trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đá lên trên gác, bỏ màn nằm yên tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới “khệnh khạng” lên, lê giầy sên sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu. Người thì còn xuống nhà dưới ăn phở. Người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu. Cảnh chuông tiêu, ba bốn anh còn quây xung quanh anh Đoan “Bà một” để chờ anh đánh diêm “khao” nốt mẩu thuốc lá ban chiều. Bên vòi nước, anh Bách “Tu-via” miệng lúng búng ngậm nước tay cầm cái điếu cày cán chổi còn chờ anh Vũ “Oản” lấy diêm để “tế” một tuần ngoài hiên, bên dây tủ quần áo anh Văn, trắng trẻo và đẹp trai, đang mắt môi mắt lợi giờ võ đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn để diện với “en” Tuyết, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giầy xem đã được như gương chưa. Anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít sì đặt đen để “cộng sản”.

Trong buồng mấy anh nghịch tình, xúm xạm nhau để lật chặn anh Thọ là tín đồ đạo “thờ quân” vì sờ “vỡ hộp” hôm chủ nhật, nên tối thứ bảy anh vẫn chịu khó nằm vo mốt ông Táo?

Lúc ấy tôi cũng duỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nét mấy anh vài ngón đàn tam thập lục. Xung quanh các bạn ngồi chòm chòm như lũ cọp đắp ở tường các đền. Ấy trong bọn “ma cà cú” chỉ còn thiếu có anh Dính, anh Rững, anh Khải, mà thôi. Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị “công-sinh”, nên không còn hy vọng gì ra ngày chủ nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rững là liều lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh ấy chẳng lo gì cả, chỉ nay trả lời cái thư tim tím, mai học thuộc cái thư hồng hồng. Cả

buổi chỉ giờ quyền Kiêu, gia công khảo cứu những câu tình tứ. Bài làm thì “cóp”, bài thi thì “phim”, cho nên bao giờ anh bị “truy”, mặt anh cũng xám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rững vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rững tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thì bỗng thấy có tiếng gọi.

Tôi dừng tay lắng tai nghe:

- Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tí!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

- Tôi nhờ cậu, cậu ơi?...

Tôi hỏi:

- Ai đấy? Hỏi gì?

- Nhờ cậu bảo cậu Rững rằng thầy cậu ấy mới mất cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ dội của bạn, anh nào anh nấy giật nảy mình, kinh hoàng ngờ ngác nhìn nhau và hỏi:

- Rững lên nghỉ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

- Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ chạy toán loạn đi tìm anh Rững. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy, rồi kháo nhau:

- Bố anh Rững “cát dem” chết.

Anh Rững lúc ấy còn đang ở buồng học, xem cuốn tiểu thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, máu máo, hấp tấp xếp sách vở gập năm sáu cái thư kín vào cặp, rồi tất tả hỏi tôi:

- Đâu thằng bé con nào đâu?

. Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rững tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nãy đâu, tôi bèn hỏi to:

- Ai là người nhà cậu Rững đâu rồi?

Không thấy ai thừa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

- Nó về rồi...

Anh Rững lập cặp chạy lên gác, nằm ềnh trên giường lăn lộn khóc nức nức khóc nở. Chúng tôi hết lời khuyên giải, nhưng, những lời khuyên giải ấy đối với tâm lý anh Rững lúc bấy giờ, chỉ là vô hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rững sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà, ký giấy cho anh nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở cổng ra ngay.

- Chúng tôi nhìn theo anh Rững mà ái ngại cho anh.

Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nãy vui vẻ, cười khanh khách, ngồi trong lớp còn tán chuyện ầm ầm chê hết người nọ, lại trêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh gia biến, vật mình vật mẩy nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm!

Vả chẳng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc Giang chơi. Ông cụ phúc hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ốm mà bỗng đánh đùng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ nhưng cũng đều thờ dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền rủ nhau xuống cả buồng học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng viếng. Anh Mộng có tài hùng biện, ngồi cao làm chủ hội đồng. Cái hội đồng này cũng có tính chất êm đềm như hội đồng các dân biểu, anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng gật ngay không ai phản kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi

sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai, buổi trưa, anh Thuận đạp xe lửa đi Bắc Giang.

Hội đồng giải tán, ai nấy đều im lặng lên gác bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên cổ, ái ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rững cũng thực đáng ái ngại. Bà thân sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay ông cụ lại quy tiên thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả, còn hơn tháng nữa thì thi, giá ông cụ có ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành đạt, có phải vui vẻ thoả lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần lễ để học rần lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rững ở vào cảnh ngộ sầu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tạo oái oăm, hay bày trò thêm rắc rối.

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

- Bây giờ Rững đến nhà chưa nhỉ?
- Bây giờ Rững chắc đang lặn lội bên quan tài.

Sáng sớm hôm chủ nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại dặn tôi rằng:

- Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp.

Tôi mượn được xe đạp, thượng khẩn cuộc đi sắm sửa lễ vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao trả anh Mộng để anh cất anh Thuận đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô Lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà cô anh Rững ở phố Hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

- Cậu Rững đi lúc mấy giờ?
- Thưa chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi?

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vờ vẩn thế, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rững nằm dài ở trường kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng tây khế rằng:

- Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương mọc óc tôi, thì anh Rững đã mặc áo xong, anh liền cầm mũ rủ tôi đi. Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói.

- Nguy quá, anh ạ.
- Sao? Cụ bây giờ thế nào?
- Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi.
- Sao nó không cho anh về à?
- Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rững. Trời ơi? Thế ra nhân tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu? Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rững chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó hối hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

- Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường thì ông Đốc thấy tôi khấn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói dối, có lẽ lòi thối, không khéo tôi phải đuổi mất, kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công thì thầy tôi mắng, rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bấy giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

- Chỉ còn cách tối nay anh về thú thật với ông Đốc nói là anh bị đũa nào nó thù, nó đánh lừa báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

- Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kể gì hơn tôi nói:

- Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rững vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ anh cho kế ấy là diệu; nên anh lạy van, và dặn tôi rằng về trường chớ nói với ai. Anh nói:

- Sau này có xảy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai, mà việc lên Bắc giang tôi cũng tìm cách ngăn trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gửi ngay xe hoả cho tiện. Thế là tôi dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận thấy tiếng giầy tây lộp cộp của một anh ở phổ vào lớp, là tôi lại giật mình hộ anh Rững. Anh mà bị anh em hỏi chuyện thì không biết anh trả lời. làm sao cho trôi. Nhưng quá, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rững đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta định làm thế nào. Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư,... Chẳng thấy Rững vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rững mà ái ngại. Đến tối chủ nhật sau, gần tám giờ, khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

- À! Rững!

Rồi một vài anh:

- Ê! Rững. Tôi chia buồn cùng anh!

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rững mặt mũi xanh xao, bơ phờ, râu rĩ, chẳng hay anh lo hay đau buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại tang, đầu thít khăn ngang sô mình mặc áo sổ gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân vân như mê mê hoảng hoảng. Ờ hay, thế là nghĩa làm sao? Hay là bố anh chết thật chẳng? Tôi trở mắt lên nhìn anh Rững. Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi, nắm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khế tôi:

- Không ai biết đấy chứ?

- Phải, nhưng sao lại khăn áo này?

Anh Rững tắc lưỡi đáp:

- Không. Còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm câu chuyện trong mấy hôm cuối cùng!

Người vợ lẽ bạn tôi

Anh xẩm Cái lần tôi đến thăm anh Quý ở Bắc Ninh, vào hồi sáu tháng trước đây, là lần tôi thấy anh ấy đối với tôi nhạt nhẽo và ngưng ngưng nhất.

Tôi không ngờ và cũng không để ý đến thái độ ấy. Vì hai chúng tôi thân với nhau từ thuở ể chớm. Có thể nói theo lối thiếu vệ sinh nhưng đây thì vị, là "con chấy cắn đôi".

Vì chúng tôi đã lâu mới gặp nhau, nên bao nhiêu chuyện để trong bụng bấy nay, tôi lôi hết ra để nói. Và cố nhiên, khi chuyện đã hết, tôi thấy đói. Tôi ngồi yên, ngáp vặt, đợi cơm trong buồng khách tranh tối tranh sáng. Bỗng anh Quý ngáp ngừng, rồi cười và bảo:

- Này, anh ạ, cái "trống cà rùng" hồi ấy, tôi mới cho về ở đây.

Nói xong, anh lại cười, bằng cái cười chữa thẹn. Mà tôi thì sực nhớ ra.

Nguyên từ ngày Quý đổi về Bắc Ninh, anh không đem vợ đi theo nữa. Anh thường phàn nàn ở bên quê lắm việc, mà cha mẹ thì già, nên vợ anh phải ở lại để trông nom cửa nhà và đồng áng. Bởi vậy, nghề thế, được thả lỏng, anh đâm ra chơi bời. Và không hiểu tí toáy thế nào, mà cô đầu Huệ có mang với anh.

Hồi ấy, anh có cho tôi biết. Và trong thư, anh gọi Huệ là "Trống cà rùng".

Cho nên vừa nghe ba tiếng "Trống cà rùng", tôi vội nói:

- Thế à? Đã đẻ rồi kia à?

Quý thấy tôi không tỏ ý gì, cười rõ to, vui vẻ đáp:

- Ồ, đã hơn hai tháng nay.

- Con trai hay con gái?

- Con trai. Tôi mới cho mẹ con nó về đây hôm qua.

Rồi cúi người, anh tiếp:

- Bởi vì dưới ấy, nhà ở thiếu vệ sinh, mình trông thấy đứa bé mà không yên tâm chút nào. Gia dĩ,

con mẹ chủ nó cứ dọa đuổi.

- Phải, làm cô đầu lại có con, thì ai người ta nuôi báo cô.

- Không phải thế. Từ ngày nó có mang, tôi vẫn phải cấp tiền. Nhưng mình thì tốn kém mà nó phải chịu rúc trong cái chái nhà âm thấp, tối tăm, cửa giả chả có. Nhất là từ ngày nó đẻ, tôi càng không đang tâm cho thằng bé con ở đấy.

- Thế chị ấy đã biết tin này chưa?

Quý thờ dài:

- Chưa. Nhưng tôi giấu sao nổi. Nhà tôi chẳng bằng lòng cũng chẳng được.

Nói đoạn, anh đứng dậy, rủ tôi:

- Anh vào mà xem mặt thằng bé. Nó giống tôi lắm.

Tôi theo Quý. Đến buồng ngủ, tôi nhìn vào trong giường, nhưng Quý cười, bảo:

- Huệ nó lên lét, cả ngày chẳng dám lên nhà trên.

Qua sân xong, chúng tôi cúi đầu cho khỏi đụng mái bếp. Đứng trong nhà mà ngọn lửa lập loè của mấy thanh củi cháy lom dom không đủ làm cho đỡ tối, tôi bị khói làm cay cả mắt, và rất khó thở.

Tôi dừng lại để nhận kỹ. Cạnh lò, người bếp đương thổi cơm, và tận góc phản ngả mâm, một người quần áo thâm đen ngòm, ngồi bế con. Quý đến gần, đánh diêm soi vào mặt thằng bé đang ngủ say. Tôi nhìn nó, nhân tiện liếc trộm vào mặt Huệ. Người đàn bà thấy có khách lạ, lại bị ánh sáng chiếu gần, thì bẽn lẽn, cúi gằm xuống, và cũng không dám nhếch mép để chào nữa. Vì chắc người ấy không rõ tôi là bạn hay họ với Quý, và biết chào là gì.

Không muốn đứng đó để Huệ thẹn lâu, tôi quay gót đi lên. Và bảo Quý:

- Trong bếp khói quá, thở rất độc. Anh nên cho thằng cháu lên nhà trên.

Quý chán nản đáp:

- Mặc kệ, bảo mãi chẳng nghe. Biết thế, tôi không cho về đây lại xong. Vì về đây, mà cứ cả ngày chúi xuống bếp, thì cũng thế.

Tôi nói nhỏ:

- Thì buổi đầu về nhà lạ, ai chả ngỡ ngàng?

- Anh bảo ngỡ ngàng với ai? Cả nhà chỉ có tôi với thằng bếp, còn thẹn thò quái gì nữa?

Viết đến đây, tôi cần ngoặc dấu chua nghĩa để nói rõ rằng thằng Hương là con trai anh Quý, đã lên năm, và người làm bếp là cháu họ xa của anh, theo anh gần mười năm nay để giúp việc thổi nấu. Anh rất tin cẩn hẳn, vì hẳn thật thà có một. Nội tiền nong, và chìa khóa hòm, tủ, anh vẫn giao cho hẳn giữ. Anh coi hẳn như cánh tay phải, như người nội tướng đảm đang vậy.

Tôi hỏi:

- Thằng Hương đối với Huệ ra làm sao?

- Nó bé, đã biết quái gì.

- Thế Huệ đối với nó?

Quý tự đắc đáp:

- Huệ sợ cả từ thằng bếp sợ đi!

Vừa lúc ấy, người bếp dọn cơm lên bàn, Quý cười, chỉ vào hẳn và nói:

- Chẳng tin, anh cứ hỏi nó mà xem.

Người bếp vui sướng, khoe:

- Thật đấy, thưa cậu. Cô ấy vâng cả với con. Con bảo mãi mà cô ấy vẫn cứ quen mòm. Cô ấy chả dám nhờ con làm việc gì cả. Lắm lúc con rồi, thấy cô ấy vừa bế em vừa đun nước pha sữa, con tranh làm hộ, nhưng cô ấy nhất định không nghe. Bất đắc dĩ, muốn bảo con làm việc gì, thì cô ấy đến tận nơi, khề nói: "Anh làm phúc chịu rầu hộ tôi việc này, việc nọ". Ăn cơm, cô ấy cũng mời con một cách lễ phép.

Tôi cười nói đùa:

- Phải, bởi vì anh là một nhân vật quan trọng trong nhà này.

Bữa ăn ấy, Huệ không dám ngồi với chúng tôi. Người đàn bà địa vị kém cõi ấy không rời ra khỏi xó bếp. Vì chắc chị ta tự xét chỉ xứng đáng với nơi thấp hèn ấy mà thôi.

Cách đó hai tháng, một hôm tôi có việc phải qua Bắc Ninh. Nhân tiện, tôi vào thăm anh Quý. Nhưng lúc ấy, cả Quý lẫn Huệ và người bếp cùng không có nhà. Tôi hỏi thằng Hương về em bé nó, thì nói nói:

- Vú em bé sang chơi nhà bên cạnh.

Tôi chờ trong chốc lát. Bỗng có chiếc xe đỗ phịch trước cửa. Một người đàn bà mở ví tay lấy tiền trả xong, thoăn thoắt mở cửa bước vào. Tôi biết ngay là Huệ, vì còn nhớ mặt, dù lần trước mới thoáng trông trong bóng tối.

Huệ hôm nay không phải là Huệ hai tháng về trước. Huệ hôm nay hoàn toàn là một thiếu phụ tân thời, vợ ông phán trẻ.

Chị ta thấy tôi, cúi đầu xuống chào, và nói một cách bạo dạn:

- Bác mới sang chơi? Nhà em cũng sắp về.

Đoạn Huệ vào buồng ngủ. Tôi để ý, thấy tiếng loảng xoảng chùm chìa khoá, và tiếng cánh cửa tủ kẹt mở và đóng đánh sinh. Đoạn Huệ gọi bằng tiếng lạnh lạnh:

- Vú em ơ!

Không thấy ai đáp, chị ta gọi:

- Hương! Vú em đâu?

- Thừa dì, vú ấy ở bên bà đốc ạ.

- Gọi vú ấy về đun nước bác xoi chứ? Con nhà, chẳng biết gì cả?

Rồi Huệ vui vẻ chạy ra nói với tôi:

- Thừa bác, chúng nó đoảng quá. Bác miễn trách cho. Cả thằng bếp nữa, đi tám năm trồng canh chưa về!

Hôm ấy, thật tôi rất ngạc nhiên về sự thay đổi từ cử chỉ cho đến cách ăn nói của Huệ. Tôi không thấy tấm bóng người đàn bà sợ sệt, len lét ngồi dưới bếp nữa. Tôi chỉ thấy một người hóm hỉnh, cố khoe tài nội trợ. Người ấy mắng vú em không coi nhà, sai đầy tớ quạt than để là quần áo, và xuống bếp làm giúp đỡ ăn. Rồi khi người bếp bưng cơm ra buồng khách, thấy tôi, anh ta ngó cổ vào trong nhà. Khi yên trí rằng không có ai, anh ta mới đứng cạnh tôi, thở dài, bĩu môi, thì thầm than thở:

- Động có khách lạ đến, là làm ra dáng chăm chỉ lắm. Còn lúc không, cả ngày chỉ nằm ăn vạ trên giường để nhỏ vật. Đến nỗi con cũng không nuôi nổi, phải thuê vú em. Ấy thế mà còn đòi các, lắm lúc mắng vú em như tát nước vào mặt. Thừa cậu, cậu con bây giờ ăn ở khác lắm, không được như trước nữa. Cậu con cả nghe cô ấy lắm, nhiều lần mắng cả anh Hương lẫn con. Ngày trước, nói đến cô ấy, cậu con vẫn gọi là nó, và dặn con nên trông nom cửa nhà cẩn thận, kẻo cậu con không tin cô ấy đâu. Thế mà bây giờ đã giao chìa khoá tủ cho rồi. Con tính nay mai cậu con đưa nốt lương tháng cho cô ấy chi tiêu nữa, là cửa nhà tan nát.

- Thế mợ phán đã biết cậu có vợ lẽ chưa?

- Cũng đã có người nói đến tai. Mà từ lúc cô ấy hỏi dò, biết mợ con hiền lành, thì lại càng giờ ra nhiều cái nực cười. Cô ấy làm nũng cậu con, có ý giữ cậu con, chẳng muốn cho đi lại chơi bời với ai. Thành thoảng, đối với con, cô ấy cũng không coi vào đâu. Tưởng chừng như cô ấy muốn coi con như hạng đầy tớ khác. Từ ngày cô ấy về, cậu con không tin cậu con như trước nữa. Mà con làm việc gì, có cô ấy xen vào, con thấy khó chịu lắm. Hình như cô ấy tước cả cái tự do của con vậy.

- Cô ấy thay đổi chóng lắm nhỉ.

- Vâng. Trước kia ai chẳng tưởng cô ấy chỉ cả ngày loanh quanh dưới bếp, sợ hãi từ con trở đi.

Chứ có ngờ đâu. Nhưng độ một tuần, cô ấy đã mon men hay lên nhà trên. Rồi đi đứng, nói năng quen đi, không ngượng nghịu nữa. Và đã mấy lần có bạn đến, cô ấy tiếp, nhưng chỉ thì thầm với nhau trong buồng trong. Cô ấy có dám lộ mặt ra đến phố đâu. Mà động thấy có ai lạ vào nhà, là thụt cho mau xuống bếp. Nhưng dần dần, độ ngoài một tháng, thì khi vắng cậu con, cô ấy đã mời khách ngồi ở xa lông, nói năng, cười đùa rầm rầm. Song cô ấy sợ con mách, nên nói lớt, ngọt ngào lắm. Bây giờ thì bà ấy công nhiên mời khách ngồi ghé bàn thả cửa, dù cậu con có nhà cũng vậy. Và thỉnh thoảng lại sĩ diện, quai mồm ra gọi "Bếp ơ!". Con hầu cậu con, chứ con việc

gì phải làm đầy tớ đồ đĩ ấy. Con chẳng ra gì cũng là cháu cậu con. Con gọi cô ấy là cô đã là quá đáng. Vì con sợ cậu con mà nhận cô ấy là vợ lẽ, chứ bất quá cô ấy chỉ ngang hàng với con là cùng!

Bữa cơm hôm ấy, Huệ cùng ngồi ăn với chúng tôi. Nàng cử chỉ lễ phép, không dám nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng sẵn sóc cơm nước, sai bảo người bếp một cách ngọt ngào mà thôi.

Nhưng hôm nay thì không thể nữa.

Hôm nay, vì anh Quý viết giấy mời tôi về Bắc Ninh để anh hỏi ý kiến về chuyện gia đình, nên tôi đến thăm anh.

Anh nhờ tôi nuôi thằng Hương để dạy dỗ nó, nói thác rằng nó mến tôi, chỉ đòi được ở với tôi.

Nhưng tôi biết thừa là thằng bé khôn nạn đã nhiều lần bị vợ lẽ của cha đánh đập tàn nhẫn.

Khi tôi hỏi sao người bếp không ở với anh nữa, thì Quý còn tức giận, đáp:

- Anh tính, bạc ác đến nó là cùng. Nó đi theo tôi từng ấy năm. Trước kia tôi giao cả tiền nong cho nó, mà có một lần, nó nỡ ăn cắp của tôi.

- Anh bắt được?

- Bà cụ nhà tôi, à, bà để ra Huệ ấy mà, rình bắt được. Chứ tôi tin nó quá, nên không ngờ.

Lúc ấy, Huệ ở nhà trong, chạy ra, nói xen vào:

- Vâng, nó lấy cửa nhà tôi hai chục, giấu trong hòm. Thì ra trước kia, giá nhà tôi có bị nó rút ruột rút gan bao nhiêu cũng không biết.

Quý nhìn vợ, cười nhạt, rồi nói với tôi:

- Cho nên tôi phải giao tiền nong cho nhà tôi giữ. Minh thì bạn, còn có lúc nào để mắt đến hết mọi việc được.

Huệ nói:

- Rồi, thưa bác, muốn chừng biết từ nay không thể xớ múi gì nữa, nó mới chán cảnh, và cứ sinh sự với tôi. Ấy, đi ăn đi ở mà cứ hỗn với chủ nhà, thì bác tính còn trời đất nào nữa. Tôi mới bảo nhà tôi đánh cho một trận và tống đi.

Thấy Huệ nói giọng lên bộ quá, tôi hiểu tất cả ẩn tình. Đầy tớ trung thành bị đuổi, con rút ruột phải xa lìa, không rõ Quý có hiểu hiện gia đình anh đương bị một cuộc ngoại xâm ghê gớm hay không? Nhưng vẫn không thấy tình thế nghiêm trọng, anh còn khoe thêm rất tự đắc:

- Bây giờ tôi nuôi thằng bé này, cũng như thằng bếp trước, vì nó là người làng nhà tôi đây. Nó ngoan lắm.

Tôi cười nhạt, không trả lời.

Tôi muốn nói cho Quý rõ về thực trạng gia đình anh. Muốn chừng Huệ hiểu ý. Cho nên, khi ăn cơm xong, như mọi lần, tôi rủ Quý đi chơi phố. Song, thoáng thấy Huệ đưa mắt cho chồng, thì Quý ra ý ngần ngại, khó chịu. Nhưng đồng thời, người thiếu phụ kêu khó ở, vào buồng nằm.

Quý theo Huệ vào một lát, rồi lúc ra, anh cố tươi cười để lấy lòng tôi, và nói:

- Nhà tôi nó mệt, anh cho đến khi khác.

Tôi biết Quý không còn khi nào để có thể đi chơi với tôi. Vì cả đến cái tự do của anh cũng bị cô vợ lẽ chiếm nốt. Hẳn từ nay, tự nhiên hoàn toàn anh bị tước quyền làm chủ nhân ông.

Thì ra ở đời, mỗi khi nước nọ xâm chiếm nước kia, cuộc chinh phục về mặt kinh tế, về mặt chính trị, cũng đi dần dần từng bước nguy hiểm như vậy.

Tôi đã thấy bao nhiêu ca thế rồi.

Hộ đê

Nói đoạn, ông mặc áo toại, đội nón, bước chân ra ngoài mưa. Giọt nước to bắn rát cả mặt. Ngọn gió vu vu thổi bạt cả hơi. Nhưng ông cứ hăng hái. Nha lại Mĩ Hào phải theo sau. Đến chỗ đồng phu phen, ông dừng lại, nhìn họ một lát, rồi nói to:

- Các phu phen, hãy ngừng tay lại, nghe ta nói!

Mọi người im phăng phắc.

- Các anh phải cố giữ cho vững khúc đê này. Giời này còn mưa. Mà có khi bão to hơn nữa. Mà gió to, mưa to, ấy mới là nguy hiểm. Nhưng hãy quay cả lại, nhìn phía ruộng kia. Lúa má xanh tốt thế, mà không biết chừng bị ngập lúc nào đó! Song, không những lúa má bị ngập mà thôi đâu, nhà cửa các anh, cửa cải các anh, cả phần mộ tổ tiên các anh, không biết có được vững bền không đấy! Lúa má, nhà cửa, cửa cải, phần mộ có còn, cũng là do các anh có hết lòng hay không. Hai cánh tay các anh bây giờ mới là vật đáng quý, các anh phải lấy hết gân sức, dần một hôm, hai hôm, để cứu lấy những thức quý hóa. Các anh không gắng dùng hết sức của hai cánh tay trong một, hai ngày này để giữ vững đê, thì các anh phải gắng sức gấp mười trong mười, mười lăm năm, mới lại được như hiện giờ. Giời mưa, lại bão. Các anh làm việc vất vả. Ta biết công cho các anh lắm. Ta là quan, tuy không có phần nào thiệt hại chung với các anh đâu, nhưng không đành tâm trông thấy các anh khó nhọc. Ta khuyên các anh nên mặc gió, mặc mưa. Đây này, ta không muốn hưởng sung sướng hơn các anh đâu!

Nói đoạn, ông bỏ nón, cởi áo toại, và tụt guốc ra, đưa cho người lính theo hầu, rồi vừa xắn áo vừa tiếp:

- Ta cũng chịu một phần khổ với các anh.

Ai nấy kêu la rầm rĩ:

- Không, xin quan lớn đừng thế!!

Quan Huyện nói to một lát đã thấy rát cổ. Gió lại làm bạt tiếng đi, nên ông phải nói to hơn:

- Thôi, các anh đừng nhìn ta nữa, lại bắt đầu làm việc đi. Lát nữa, sẽ có ba trăm người đến hợp sức với các anh. Khúc đê này không vỡ được! Các anh phải tin thế!
Mọi người phấn khởi, rất hăng hái.

Chánh tổng ái ngại cho quan, nhăn nhó nói:

- Xin rước quan lớn mặc áo và đội nón.

Quan Huyện lắc đầu:

- Không, hãy cứu được khúc đê này đã.

Rồi ông bảo lý dịch đứng ốp phu:

- Các thầy nên thương con em. Phải ngọt ngào cho chúng nó vui lòng làm việc. Các thầy vứt cả roi mây đi. Tôi nghe nói ai đánh đập một tên phu nào, sẽ thẳng tay trừng trị.

Nước mưa thấm qua ba lần áo, quan Huyện đã thấy lạnh. Khăn và tóc ông dẫm những nước.

Mặt ông xám ngoẹt. Đứng trước gió, ông lạnh run lên. Nhưng nhìn lũ dân reo hò vui vẻ, ông đi đi lại lại, quên cả mưa bão.

Càng mưa. Càng gió. Gió ào ào. Mưa ào ào. Tạo hóa như muốn thỏa cơn thịnh nộ. Gió giật từng cơn rít trong cây. Luồng tây bắc thổi lại, đè dí thân cây xuống. Các cành cây trụi lá như cuồng dại, đánh vào nhau cuồng quýt. Những hạt mưa như thi nhau chạy hết tốc lực về phía đông nam. Rồi cây gãy, mái tóc. Ngói tung lên từng mảng, bay đi xa, rơi xuống, vỡ loảng xoảng. Rồi cây đổ, nhà đổ. Hạt mưa mau làm mờ cả những nơi gần. Nước sông chảy cuộn cuộn, mỗi lúc một lên cao. Sóng lẫn đi, quật vào mạn đê, vỡ tung ra đánh ầm. Trời như căm người kiên tâm. Nước như giận con đê còn đứng vững. Trời, nước hợp sức nhau để tàn phá. Thỉnh thoảng, năm sáu làn sóng dồn dập, lẫn xả vào sườn đê. Nếu không có con trạch be thì đã nhảy xổ được sang đến đồng rồi.

Nhưng, theo gương quan Huyện, bọn phu vẫn bình tĩnh, vui vẻ làm việc. Hôm nay, năm sáu trăm người đứng ở giữa nước, vì trên là nước, dưới là nước, xung quanh cũng là nước, không một ai đội nón. Vì đội để làm gì? Nón có che được mưa này đâu! Để trên đầu, chỉ tổ bận tay phải giữ, vì quai nào lại được với sức gió! Họ như không để ý đến bão, đến mưa. Họ vẫn nhanh nhẹn lấy mai xắn đất, chuyên tay nhau những tảng lớn, để phụ vào con trạch cho to thêm. Dân mỗi làng một quãng đê. Họ thi nhau làm, xem bọn nào tất lực. Họ vẫn đùa nhau, vẫn cười vui vẻ. Từ quan, cho đến Chánh phó tổng, Chánh phó lý, ai nấy ướt như chuột lột, quần áo dán sát vào thân, môi thâm sít, rét run lấy bầy, nhưng không ai nói đến chuyện mưa, chuyện gió, không ai cầm một cái roi vọt để thị uy. Ai cũng ngọt ngào, dù cần phải giống giả con em làm việc. Họ nghiệm từ hôm qua, là làm những việc không công như đi phu đắp đê, hễ người cầm đầu mà ngọt ngào thì ai cũng tất lực, tất lực hơn mọi ngày phải trừng phạt bằng cách chôn chân hay cách đánh đập. Họ thấy lần này, phu phen và vật liệu, lấy dễ dàng hơn, dù mọi lần, công việc không vất vả bằng. Không có một người nào trốn. Không có một cây tre nào bị thái. Ai nấy đều vui lòng vâng mệnh quan mà chịu nhọc nhằn. Lý dịch không phải nài ép, bắt bớ ai, mà trong khi làm, không phải dọa dẫm, đe nẹt gì. Cây roi mây, lời quát tháo, không phải những thứ đặc dụng nữa.

- Nhà tôi dễ tóc hết mái!

Một người chột nói thế. Người khác đáp:

- Nhà tôi tất đổ rồi!

Lại người khác nói:

- Nhà tôi cũng chẳng vững vàng gì!

- Nhưng tôi kệ thầy, đã có đàn bà, trẻ con ở nhà.

Một giọng thân mật trả lời:

- Phải, mình giúp tay vào cứu lấy đê, nó mà vỡ thì mấy trăm, mấy nghìn nhà đều đổ sụp, dù là những nhà vững nhất.

Người ta quay lại, thì té ra là quan Huyện Văn Lâm. Quan Huyện mỉm cười. Và thấy có mặt ông, họ lễ phép, ngượng ngịu, nên ông nói luôn:

- Các anh có thấy bao giờ bão to như năm nay không?

- Dạ, lậ quan lớn, cái trận bão năm Thìn cũng to, đổ cả đình làng Vàng.

Một người khác bầm:

- Bầm, từ sáng đến giờ vẫn gió tây bắc.

Quan Huyện gật:

- Phải, từ đầu giờ Mão, bây giờ cuối giờ Thìn rồi.

- Thế thì, lậ quan lớn, bão năm Thìn chỉ gió mạnh hơn trận này, nhưng không lâu bằng.

- Vậy ra trận này tai hại hơn à?

- Dạ. Rồi lát nữa, gió xoay chiều mà lại mạnh và lâu như thế này, thì cây cối, nhà cửa nào đứng vững được!

- Tôi mong cho gió chóng đổi, chứ như bây giờ, thì chả cần sóng đánh vào đê, chỉ gió cũng có thể làm đổ đê được.

- Lậ quan lớn, liệu có khỏi lụt được không ạ?

- Các anh làm việc tận tâm như thế này thì dù mưa, dù bão to nữa cũng không hề gì. Tôi nói gió làm đổ đê là nói chơi, chứ Trời, Phật, Thánh, Thần nào nữ phụ công các anh! Chỉ có là gió tây bắc còn dai, ta còn vất vả mà thôi. Chứ nếu không hy vọng gì, tôi đã chả bắt các anh phải khó nhọc!

Một người đáp:

- Bầm, khó nhọc thì có khó nhọc, nhưng mà chúng con chưa thấy bao giờ lại vui vẻ như thế này.

Quả vậy. Trông mặt họ, ai cũng biết là họ kiên chí và tận tâm. Họ cặm cụi làm việc. Chưa lúc nào họ uể oải. Từ đầu đến chân, ai nấy đất bùn như trát, tuy mưa dội xuống, nhưng không trôi đi được. Quan Huyện cũng lấm hết, Ông xắn quần đến đầu gối, chân đi đất, tay chống gậy cho đỡ trơn ngã. Ông đến chỗ nọ chỗ kia, nói chuyện với bọn này bọn khác. Ông rất vui lòng, vì gần dân, ông rõ ràng họ sợ ông nhưng vẫn yêu ông, mà cả sợ lẫn yêu là do thật bụng cả.

Bỗng người ta reo lên:

- A, gió đã đổi!

Ai nấy ngắc cổ lên nhìn. Ngọn cây bây giờ đã ngã về phía đông. Và hình như sức gió đã hơi yếu. Tuy vậy, cây nào cây nấy vẫn gục xuống, đứng lên, có vẻ khốn nạn như lậ lục vì bị đau đớn.

Quan Huyện cho bắc loa gọi:

- Quan truyền gió đã đổi và yếu, đê có thể vững được, cho anh em nghỉ tay một lát.

Tiếng loa đi xa nhưng bị mưa ào ào, không mấy người nghe rõ. Song từ miệng nọ truyền sang miệng kia, chỉ trong một loáng, phu ngừng làm việc. Cán mai chống ngược lên trời. Quang, thúng nghiêng ngả. Họ khum hai bàn tay vào nhau, hứng lấy nước, rửa mặt. Rồi sẵn mưa rào dội

xuống, họ kỳ cọ chân tay, mình mẩy. Họ pha trò, tiếng cười vang dội khắp mọi nơi. Nhưng bỗng tiếng cười to hơn, vì giữa lúc họ đang tắm mưa thì nguồn nước tự nhiên ấy ngớt đi. Thành thử họ lại bồi bùn thêm khắp mình.

Một người ngửa lên trời, giục:

- Mưa nữa đi, người ta đang tắm dở dang!

Lại những hồi cười dòn tan. Người nọ nhìn người kia, chế nhạo nhau bằng những lời ý vị.

Bỗng khu làng nào, thấy Phó lý ấy đến. Tay hắn cầm nón úp lại, nhưng không che lên đầu, mà trong nón lại có khói bay ra. Bọn phu bảo nhau:

- Chắc quan truyền lại bắt đầu làm.

Rồi họ đổ nhau:

- Đố ai biết thầy Phó cầm gì?

Người đoán thế này, kẻ đoán thế nọ, nhưng không đúng. Vì sự thực không ai ngờ đến. Khi Phó lý đến gần, mới nói:

- Nào ai hút thuốc thì lại, quan phát lửa cho đây.

Họ nhìn mỗi rơm che nón, nhưng chợt nghĩ ra, lại cười ò:

- Ai cũng thèm hút, nhưng chỉ phải một nõi, là giời tắm cả thuốc bằng nước mưa mất rồi.

- Có sẵn đây, quan thưởng mỗi làng một bánh, tha hồ hút. Quan bảo hết lại có.

- Thuốc lào ở đâu mà quý hóa thế?

- Quan vừa bảo cụ Chánh cho quan mua đấy.

Bọn phu xúm cả lại, quây quanh chiếc điếu cày. Anh nọ thổi lửa, nhờ mấy người đứng che gió, rồi ghé điếu xuống dưới nón, ngửa cổ lên rít một hơi dài, rồi đưa anh kia đã chìa tay đón sẵn.

- Ban nãy mãi làm việc, không ai nhắc đến hút thuốc nhỉ!

- May mà quên, chứ thèm thì làm thế nào?

- Đành chịu!

Thuốc ngon quá! Có anh nghiện nặng mà đã nhịn lâu, hút một hơi thực dài, rồi nuốt chừng cả khói vào ngực, một lát, mới mắt lơ đờ, há rộng miệng, thở ra. Có anh hút đến lần thứ hai cho bỏ cái khổ phải nhịn từ sáng.

- Nghĩ được đến bao giờ, hờ thầy?

- Bây giờ, ai có cơm lấy ra mà ăn, đến Ngọ lại bắt đầu làm.

- Quan truyền thế?

- Phải.

- Thầy liệu cái gió này rồi có mạnh và lâu như buổi sáng không?

- Không thể biết trước được, nhưng quan bảo hiện giờ gió thổi theo dọc đê, thế là vững, không sợ sóng, dù nước lên to đã có con trạch, không cần. Nên bây giờ, nhân lúc ngớt này mà nghỉ ngơi, ăn uống.

Dân phu tản mỗi người một nơi. Họ đến chỗ để lương thực. Họ có cơm và muối vừng, hoặc tôm rang, gói trong mo. Nhưng cả cơm lẫn thức ăn đều ướt đầm. Họ bốc cơm chắm vào đồ ăn. Cơm của họ đổ và rời rạc, nguội lạnh, lại ướt át. Nhưng họ ăn ngon lành lắm. Những người có thức ăn khác nhau, hợp lại một bọn, cùng hưởng với nhau. Vừa ăn, họ vừa nói chuyện về đê, về bão. Họ hỏi Phó lý:

- Không biết liệu làng ta có nhiều nhà đổ không?

- Thôi, quan bảo đừng lo nghĩ gì đến việc ấy vội. Đáng lẽ các anh phải ở đây ba hôm, nhưng vì suốt ngày hôm nay vất vả, quan đã cho đi bắt bọn khác để thay rồi. Chiều nay, bọn mới đến, ta được về, tha hồ mà chữa nhà.

Họ mừng quá, hỏi lại để đỡ ngờ vực:

- Thật à? Quan truyền thế à?

- Quan đã cho trát đi rồi.

Người bạn đọc ấy

Tô Hoài

trích *Chân Dung Văn Học*

Ngày 6 tháng ba năm nay(1), Nguyễn Công Hoan sáu mươi tuổi.

Cũng tới năm nay, tập truyện ngắn đầu tiên của anh, quyển *Kiếp hồng nhan* đã ra đời được bốn mươi năm.

Những con số ngày tháng đơn sơ mà xiết bao cảm động. Tuổi của văn xuôi hiện đại chưa mấy. Tuổi văn Nguyễn Công Hoan, mới tính đến giờ, đã có thể đọ được với tuổi đứng của nền văn xuôi hiện đại.

Nếu ta nhầm từ cái hồi mà lời văn bỗng trầm khốc đứng khốc ngời, đến thời kỳ văn chương sạch sẽ kiểu “*Tự Lực*”, thì lực lưỡng như một tay đô vật không có địch thủ, từ *Kiếp hồng nhan* tới nay, truyện ngắn truyện dài Nguyễn Công Hoan sừng sững tạo thành một thể tam đảo ba vì hùng vĩ vượt qua cả hai thời kỳ tiền ngày nay.

Tôi ghi lại những ý trên khi lờ mờ tới hai ngày sinh của người bạn kính mến thân yêu của tôi.

Tôi đương có công tác về thôn Vân ở Đan Phượng.

Từ cầu Phùng vào Vân, còn hơn mươi cây số, mà bóng chiều đã ngả: Ông, mặt trời mùa xuân hiem hơi lờ mờ màu đỏ ngọt ngào đã xế trên chòm núi Ba Vì. Đê sông Đáy kẻ sợi chỉ mờ trắng tấp nập nhô những lũy tre xanh nhạt, đôi chỗ chấm tròn một lùm cây vải đen thẫm. Tất cả quen quen như đã gặp nhiều ở đâu.

Cách đây hai mươi năm trước, bước chân trôi giạt của một người làm công nhà buôn đã đưa tôi đến Móng Cáy. Tôi đi tính sổ bán hàng cho đại lý hiệu giày Ba-ta ngoài ấy. Trên bãi bể Trà Cổ, anh bạn nọ trở cho tôi một người và bảo:

- Ông Nguyễn Công Hoan đấy!

Lần đầu tiên tôi trông thấy anh. Không phải như những kẻ phong lưu đi nghỉ mát Trà Cổ mà là anh đương làm công chức "gõ đầu trẻ" ở ngay làng Trà Cổ.

Một người đàn ông đứng tuổi đất tay một cô bé gầy gò lưng thưng đi đôi guốc lê trên cát còn hầm hập nóng. Bãi Trà Cổ đã vắng lại càng vắng. (Ngày ấy không phải ai cũng háo hức nghỉ mát Trà Cổ như bây giờ).

Chỉ có mấy cái nhà tây của các quan binh Móng Cáy, Đàng kia, nhà thờ Trà Lộ nhòm xuống bãi biển càng hiu hắt lạ lùng.

Tôi vẫn còn nhớ mãi cái đêm sáng trăng, trên tàu Tây Địch từ Mũi Ngọc về Hải Phòng, anh đứng trên boong nhìn vào Hà Cối. Tôi vừa đọc truyện ngắn Nghĩ người ăn gió nằm mưa của anh ở báo *Tiểu thuyết thứ bảy*. Tôi không cố ý giữ một hình ảnh tượng trưng.

Nhưng làm sao mỗi khi nhớ lại, tôi vẫn lạc về bãi bể Trà Cổ xa vắng và đêm trăng một mình qua Bái Tử Long ấy. Sự sáng tạo chân chính ở thời kỳ đen tối này, sao mà lớn lao, cũng sao mà cô đơn.

Hai cha con cứ lúi lúi đi về cuối bãi. Vài chiếc vỏ sò, vỏ ngao, vỏ ngán, vỏ hà và bọt biển giạt từ Bắc Hải bên kia tới. Những vật nhỏ bé phượng xa đó làm tò mò cô gái. Nhưng đôi mắt người cha dăm dăm theo những đàn chim gì không biết, đương lạng lẽ bay xa, thật xa.

Có lẽ không thể tới Vân được. Trời muốn tối đến nơi. Những tiếng ban ngày ộn ã trên cánh đồng giờ nghe mơ hồ vời vợi. Và người đi đường cảm thấy quạnh quẽ hơn, âm thầm hơn.

Nhưng, đằng sau lưng bỗng trỗi lên một tiếng xoang xoảng nhộn nhịp. Như trâu bồng, như tiếng quăng lưới gõ cá trên mặt hồ chưa tan sương. Tôi quay lại. Từ trong làn sương đục phủ mặt đê cao, một chiếc xe ngựa rong ruổi hiện ra, nghe rõ tiếng cưỡi nói xôn xao của những người ngồi trên xe. Xe càng gần tới.

Trước nhất, thấy hai vành bánh cao su đặc to thô lố. Ở giữa chất lù lù toàn những mạ, lấp cả hai hàng người ngồi dưới. Đằng trước đánh xe, là một cô gái. Cô lừ lừ nét mặt. Vành khăn nâu non ló sau mũi khăn vuông cao chót vót, lối chít khăn của con gái Sơn Tây bờ sông Đáy.

Chiếc xe vừa lướt tới, tôi thấy cô đánh xe cười. Thì ra, có cái dáng mặt nghiêm lừ lừ kia là vì con ngựa. Cô đang giơ ngọn roi tre lên dứ cho ngựa chạy nhanh hơn.

Cô ngoái ra, nhanh nhẩu hỏi:

- Về đâu tối thế?

Câu hỏi cộc lốc, nhưng giọng hồn nhiên và táo tợn.

Xung quanh tôi chỉ còn có cánh đồng và một mình, càng cảm thấy đường xa.

- Về Vân đây.

Mấy cái đầu lấp ló nhìn ra.

- Về Vân à?

Tôi gạ:

- Cho đi nhờ với.

Cô đánh xe nói:

- Được thôi.

- Chứ đi bộ thì sang năm mới đến Vân?

- Ngồi nhích một tý nào, các vị ơi!

Anh Nguyễn Công Hoan à, anh có thể tưởng tượng như thế này không, khi tôi ngồi trên cái xe ngựa lác lác chạy, trong tôi cứ bập bồng rồi lại thiết tha theo đuổi những ý nghĩ lúc này về anh. Điều đó không phải nhiên và không có lý. Những tưởng tượng về anh ngày sinh của tuổi đời và tuổi tác phẩm nhà văn những bóng xa xa, mờ mờ về Trà Cổ với đêm Bái Tử Long qua Hà Cối. Ý nghĩ tôi khấp khểnh theo vòng bánh trong khi tôi trầm ngâm nhìn cô gái đánh xe.

Cái dáng quen, ừ rất quen. Cách đây nhiều năm rồi, gặp năm nước lớn, hương lý làng Nghĩa Đô đốc thúc người đi đê. Trai tráng làng tôi suốt lượt phải hộ đê từ Tứ Tổng lên tận vùng này. Chúng tôi cơm nắm cơm đùm kéo bộ cả đêm đến sáng mới tới điểm canh đê hàng tổng. Nhớ làm sao buổi sáng hãi hùng ấy, cái cảnh tôi trông thấy đoàn người chạy nước từ dưới bãi lên lấm vùi như đàn chuột trong hang đang bị ộc nước. (Về sau, một trong những truyện ngắn đầu tiên tôi viết, là truyện ngắn *Nước lên* in trên báo *Hà Nội tân văn* của anh Vũ Ngọc Phan, trong đó đã chép lại nhiều hình ảnh đau thương hôm ấy).

Bao nhiêu năm, bây giờ tôi trở về đây. Trở về những làng Vân đất bãi điều tàn năm nào. Phải, tôi cố nhớ ra cái dáng. Vẫn dáng người con gái xốc vác của những cô thợ đẩu tỉnh Sơn, vai chắc lắn, cổ cứng, đội đất rất khoẻ. Chỉ khác, không phải người lam lũ từ nước lụt chạy lên. Đây là cô gái làng Vân, bảnh choẹ giọng chiếc xe ngựa

Cái xe lắc lắc đều đều qua cánh đồng. Tay cô ấy dứ roi, mắt nghiêm, rất sắc, rất tươi. Tôi nghĩ đến lớp nhóm trưởng nhóm cây? Là tổ phó tổ kỹ thuật? Hay đội phó, đội trưởng phụ trách sản xuất, tổ cô ấy vượt diện tích, hết mạ dự trữ, phải đi mua mạ chợ xa?

Trong xe, đang râm ran chuyện. Những chuyện chống hạn, đào giếng chống hạn và linh tinh... Người kể Cốc ăn khoẻ, con gái Hạ trêu anh cán bộ đến phải bỏ xe đạp mà chạy; trên huyện vừa mở thêm hiệu bào chế đông y, lớp ngô sớm phải hạn khéo đến hồng ăn.

Nhưng chuyện ồn ào nhất là việc cấy phải xong giữa tháng...

- Xong thế cóc nào. Nước đâu kịp!

- Cũng chẳng cần. Năm nay nhuận tháng tư thì tháng hai cũng như tháng giêng, cấy sớm cho nó cong cây à?

- Ấy, còn tính thời tiết trông giời thì không phải "nông dân cải tiến 63" đâu nhé!

Người ngồi cuối cùng hàng ghế mặt lên khỏi đồng mạ, gọi ra:

- Cô Ninh Bình ơi...

Cô đánh xe quay lại:

- Gì thế?

- Đội cô nhất định cấy xong giữa tháng này a?

Cô đánh xe trả lời bằng miệng cười nhorn rồi lại dứ chiếc roi lên cho ngựa chạy.

Sương lam đã vùn vụt cả quanh xe rồi. Tôi chợt có cảm giác hồi hộp như trẻ con. Một cái gì xa xôi mà thấm thiết. Không phải vì câu chuyện phong phú và miên man trong xe. Cũng không phải vì làng Vân trước mặt kia đương phảng phất những kỷ niệm thời thanh niên, khi tôi mới cầm bút tập viết văn. Không, chính vì cái tiếng ai ngồi đằng kia vừa gọi "Cô Ninh Bình ơi! Cô Ninh Bình...". Cô Ninh Bình Cái tên hiền hoà nghe mà như trông thấy hoa nở và yên lành, vừa lạ vừa quen làm sao. Trong tiếng bánh xe, tiếng vó ngựa lọc cọc là lạ trên nền đất mỡ gà ẩm đỏ, giữa làn sương buông mỗi lúc một dày, tôi vẳng nghe chen nhau những tiếng gọi, tiếng đùa cợt, tiếng cười, cô Ninh Bình cô Ninh Bình ơi, tôi nghĩ đến anh.

Từ ngày anh kể cho tôi nghe chuyện ấy, mỗi khi qua Ninh Bình, hoặc chợt nghe ai nói đến hai tiếng Ninh Bình, tôi không thể nào không trạnh nhớ.

Bấy giờ là mùa hè 1938, anh nhỉ? Hơn hai mươi năm trước, ở Nam Định.

Những truyện ngắn anh viết lúc ấy đăng trên các báo Hà Nội quả thực là những con dao bầu mổ phanh cái bụng giới quan trường và bọn nhà giàu. Cái giàu sang kịch cỡm và bất nhân của chúng, dưới ngòi bút vạch toạc sự thật giễu cợt đắng cay của anh, thành những bãi ỉn thối tha mĩa mai trước mắt bạn đọc.

Thế những cuộc đời kẻ cầm bút bấy giờ chỉ những mưa gió. Chẳng những bởi cái nghề dạy học ăn gửi nằm nhờ lẫn lóc từ Hải Dương, Nam Sách, Kinh Môn, Nam Định, lên Lào Cai, ra Trà Cổ, đã cho anh trải anh thấy. Chẳng những chỉ vì khi tấm bé anh đã ở cái cửa phủ, cửa huyện ở Thanh Oai ở Phù Ninh. Ở Thái Bình, cậu bé Nguyễn Công Hoan đã chứng kiến và băn khoăn vì không thể cắt nghĩa được biết bao nhiêu khốn khổ xám trời, xám đất cứ từ các làng, các xóm ngày đêm lũ lượt kéo lên "công môn".

Và thời ấy, ngay ở thị xã Nam Định này, những hồi còi tầm hút người và nhà người ra chẳng kể gì đầu hôm gà gáy qua những bức tường cổng toà Nhà Máy sợi đen kịt một góc thành phố. Những người nông dân ngày đêm đội rơm, đội gạo đội con cái vượt cánh đồng chiêm trảng nước từ bốn phía cổng tỉnh vào ngòi chông đống ở chợ Rồng ngay dưới mắt anh, trong suy nghĩ của anh. Không thể một cái gì, một chỗ nào phơi ra nhiều vẻ hơn, trái ngược hơn ở cái chợ thời trước, xã hội thế nào nó bày thế ấy ở chợ. Thôi thì bát cháo kẻ cười người khóc, người đói, người chết đói, nơi kia hàng hà của cải, nơi này núi rác núi ruồi, cái gác nhà ông giáo Hoan thuê ở trông xuống những khổ ải nhất đời ấy. Cửa nhà anh ngó xuống nóc cái địa ngục người và nắng. Hằng ngày, hằng năm anh đi qua, anh lặn lội giữa cái chợ chìm nổi quần quai những người là người, lẽ nào anh không viết, anh không viết không được, anh phải viết, anh đã viết. Có lần anh nói "để trả ơn những cộng sản" đã bồi đắp cho suy nghĩ của anh hồi Mặt trận dân chủ Đông Dương, anh viết tiểu thuyết Bước đường cùng. Tôi muốn nói rằng tiểu thuyết Bước đường cùng của anh đã bắt đầu từ những khổ ải đời người và đời mình mà ra.

Vâng, thân phận anh, một nhà giáo khổ, khổ mọi cảnh. Người đứng bết cùng ở cái hàng người có tên là tiểu tư sản trí thức ấy chưa bao giờ ngớt đi vay nợ. (Tôi không hiểu sao, cho tới giờ, anh chưa viết về cái thảm cảnh âm thầm mà khốc liệt, là nạn vay nợ lãi), anh nợ suốt đời. Anh lo suốt đời. Trong nhà, các em các con lần lượt ra đi hoạt động. Không mấy khi tết đến, đủ người về. Nhà lúc nào cũng có người tù ở Hoà Lò, ở Côn Đảo, có người đi bí mật - kể cả cô gái út mảnh khảnh năm nào anh dắt đi trên bãi Trà Cổ. Và anh, anh theo nghề nay đây mai đó, sống đời lưu lạc bất đắc dĩ.

Lúc này, chính quyền thực dân lại sắp đói anh ra Trà Cổ dù anh đã ở tỉnh đường ngược Lào Cai về. (Theo luật lệ của Tây lúc ấy, công chức đã làm việc ba năm ở miền núi, được về xuôi hẳn). Cái hiu hắt kéo lê bóng cha con trên bãi Trà Cổ hoang vắng kia, tôi đã thấy rồi.

Thế nhưng, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã cất tiếng. Tiếng nói nhà văn thống thiết nêu lên những khổ ải quanh mình. Không hiu hắt, không tuyệt vọng.

Bạn đọc đã thấm thía với tiểu thuyết Bước đường cùng.

Trong cánh cửa nhìn xuống những mái lợp tôn chợ Rồng, ngòi bút viết ra những nỗi đau đớn đời người.

Buổi trưa nắng hầm hập hơi nước đồng chiêm ngọt ngạt tràn qua cái thành phố ủ ê, lử lả. Cầu chợ Rồng dưới kia, những cái chảo hầm người.

Bỗng có tiếng đập cửa.

Khi mở cửa anh đã nghĩ sẵn điều để ngửa trước.

Bọn mật thám thường đến nhà người ta thành linh.

Nhưng không phải.

Người gõ cửa là một người "nhà quê" - anh không quen biết. Người ấy trạc bốn mươi tuổi. Khuôn mặt to hơn hẳn so với khổ người thấp bé lại gồ ghề, khắc khổ, vừa rám nắng, vừa vàng nghệ, thành màu đất thó xám, không thể đoán được người ốm hay người khoẻ.

Người ấy chít khăn lượt, mặc áo the lưng, tay cầm cái ô vải trắng lơ, đi đất.

Khách nói:

- Thưa ông, tôi ở huyện Yên Mô trong Ninh Bình ra.

Anh chưa hiểu thế nào.

- Tôi muốn thưa với ông một việc.

Anh càng lúng túng nhìn người lạ.

- Ông ơi, đời tôi rất khổ.

Chỉ một câu ấy, nét mặt tằn ngần đăm chiêu ấy, anh đã hiểu. Một câu nói, một câu nói vào một cánh một tình, có thể mở ra cho nhà văn nhìn thấu suốt trước sau. Thế rồi người ấy đều đều kể ra nỗi khổ chồng chất nghìn đời.

Người ấy nức lên. Khuôn mặt to lớn sầm lại, nhòa nước mắt. Rõ ràng là một người không hề khóc bao giờ: Nhưng người ấy đã khóc, rồi nói:

- Tôi đã thất cố mà không chết được. Tôi mới biết thì ra số kiếp tôi còn phải chịu khổ lâu, muốn "đi" cũng không "đi" được. Đã thế, bọn lý dịch còn cho là thất cố vờ. Nó lại kiện tôi thất cố để dọa quan trên.

Người ấy thở dài:

- Tôi biết làm thế nào...

Rồi im một lúc lâu. Nắng trưa càng nặng nề.

- Bây giờ tôi trông cậy vào ông.

Anh nhìn người ấy. Không ngạc nhiên, con mắt và trái tim nhà văn hiểu ngay sự tin cậy ấy. Nhưng chẳng hay người ấy tin cậy gì ở anh? Anh là thế nào? Những câu tự hỏi và có thể tự trả lời ngay được, tuy nhiên, trong hoàn cảnh xã hội ba đào như thế, anh đã viết một loạt truyện "xã hội ba đào ký" mà - cũng lắm khi con người không biết mình là ai nữa. Số phận khủng khiếp của người nông dân kia và của người cầm bút viết văn âu cũng đương là một. Hai con người cùng khổ ở đời.

Anh vẫn im lặng nhìn người bạn mới.

Người ấy nói:

- Không, tôi không đến nhờ ông làm hộ cái đơn để kêu oan cho tôi. Tôi chỉ thấy khổ như cảnh tôi là khổ đến tuyệt trần đời rồi, cho nên tôi phải kể cho ông viết, ông phải viết thành sách, nếu không thì chẳng ai biết được dân đen chúng tôi cực nhục đến như thế nào, bọn hào lý quan trên độc ác đến như thế nào.

Người ấy tin cậy anh thế đấy. Bỗng nhiên, trong cơn nung nấu đến ngạt thở trên cái chợ người giữa trưa, nhà văn cảm thấy được sức mạnh ngòi bút mình không sóng gió nào vùi dập được, không thể lực nào địch được. Trước mắt, chỉ có anh và người nông dân khốn khổ.

Tiểu thuyết Bước đường cùng anh viết mùa hè 1938, khi anh còn ở rón lại Nam Định. Song, từ ngày ấy tôi cũng chưa hỏi xem anh đã gặp người nông dân ở Ninh Bình kia khi nào, có phải lúc anh viết Bước đường cùng không. Nhưng tôi có một yên trí đặc biệt, tôi tin rằng Bước đường cùng có anh ta. Bước đường cùng là người ấy.

Rồi khách không nói gì nữa. Khách đứng dậy. Đến lúc ấy, anh mới bàng hoàng, như chợt tỉnh, anh hốt hoảng hỏi:

- Ông đi à?

- Vâng, xin chào ông.

- Ông về Yên Mô bây giờ?

- Không.

- Thế ông đi đâu?

Người ấy cười nhạt:

- Tôi đi cùng trời cuối đất này, cái số tôi không chết được mà.

Rồi người ấy quay, đi.

Anh không hề biết tên, anh kể chuyện cho tôi nghe đến đấy, chúng tôi im lặng một lúc thật lâu.

Vâng, đấy là người bạn đọc thân thiết, bạn đọc chân chính, nhà phê bình đúng nhất, nguồn sáng tạo và sức mạnh cổ vũ to lớn, mạnh mẽ cho nhà văn.

Tôi chỉ nghe anh kể lại mà cũng không thể quên được. Cả mỗi khi qua Ninh Bình, mỗi khi nghe ai nói hai tiếng Ninh Bình, tôi lại sực nhớ người bạn đọc thiết yếu ấy của anh. Người viết văn trong lúc đen tối như ông này, đã gặp người bạn đọc vĩ đại người bạn đọc và sức mạnh cảm hứng chân chính, quả là một điều mà trước nay trong văn chương không mấy ai

đã được niềm ao ước ấy, chiếc xe ngựa về Vân vẫn lóc cóc đi. Con đường đất đỏ trên đê cao mờ dân dưới làn sương.

Tôi ngồi đầu hàng ghế trong khoang xe: Những bó mạ lác lư dần dần nghiêng xuống muốn đè lên người.

Vì thế, mở một khoảng cách, nhìn sang cô Ninh Bình, một cảm tưởng man mác, tôi trông cô đội trưởng đánh xe ngựa, và nhận ra người con gái ấy mỗi lúc một đẹp hơn. Mặt cô đỏ lừ vì chiều muộn đã tắt nắng, mà chân trời Sơn Tây trong sương sa trước xe còn phơn phớt ánh hồng lại. Cô Ninh Bình ơi!

Câu chuyện trong xe cứ càng hoang hân càng rôm rả. Mọi người đương chế giễu cô đánh xe.

Một thanh niên nhìn ra cánh đồng rồi kêu lên:

- Không về kịp thôi. Tối mất rồi.

Câu nói băng quơ, nhưng hình như cô đánh xe chạnh lòng, đối đáp ngay.

Cô quay lại, cười cười, bướng bỉnh.

- Tối thì ngủ lại?

Người ta lao xao:

- Hoan hô cô Ninh Bình! Hoan hô!

Một người khác nói to:

- Tối ở đâu mà chú rể không mò đi đón được, đừng có là ba chục ki-lô-mé-ch cũng bằng.

Mọi người lại cười rầm. Tôi cứ nghe, đoán, rồi cũng thủng câu chuyện. Câu chuyện bình thường, chuyện trai lấy vợ gái lấy chồng bình thường. Đối với lớp tuổi ấy thì như cơm ăn áo mặc tự nhiên, nhưng câu chuyện này đã xôn xao tuổi trẻ làng Vân đấy.

Nguyên là tối thứ bảy tới thì "tiệc trà" cưới cô Ninh Bình, đội phó sản xuất làng Vân. Cô đội phó lấy chồng. Nếu câu chuyện yêu nhau rồi lấy nhau của lứa đôi ngày một tốt đẹp, cuộc sống tình cảm hai người cứ đắm thắm lên, thì vụ đông xuân này lại đương qua bước thử thách nặng nề. Hơn hai tháng nay trời không mưa. Những bãi ngô sớm úa rồi vàng quăn hết lá, chằm cái lửa đốt cháy được. Đâu đâu cũng khổ công chống hạn, đổ một lúc hàng nghìn người ra đồng.

Trên huyện cho ba máy bơm xuống. Thế là, nước về trắng đồng. Các đội đua nhau cày trâu theo nước về, lên quá mức khoán. Tổ kỹ thuật cát công đi các làng, các chợ lũng mua thêm mạ. Cô đội phó Ninh Bình phụ trách kỹ thuật phải tất bật vào công việc ấy.

Nhưng cái khó không phải việc đi lũng mạ, mà điều "rắc rối" là "tiệc trà" đã định ngày trước rồi, mà ngày nào cũng phải đi thế này.

Chúng ta đã thấy cô Ninh Bình rong ruổi chiếc xe mạ đó.

Tới làng Vân thì trời vừa tối. Chiếc xe vào tận cái sân phơi rộng đầu làng. Mạ được xếp cả xuống đấy.

Cô Ninh Bình bảo tôi:

- Bây giờ sang xóm chủ tịch thì tối quá rồi, anh ạ. Mời anh về nhà tôi nghỉ, mai sớm hãy sang.

May quá! Không phải vì chỉ có tôi đang tò mò cuộc gặp gỡ có thể, mà thật ra, đêm hôm đèn đóm lại không có, lại còn lục đục tìm nhà. Vả chăng, việc tôi không gặp.

Nhà cô Ninh Bình ở bên một bờ ao dài. Những cây chuối xoã lá toả bóng mặt nước trắng sông im lặng. Lui vào trong một căn nhà nhỏ giữa nền sân đất phẳng. Ở đây, có cái tĩnh mạc vẻ chùa chiền, tưởng bao đời nay vẫn thế.

Ông cụ - vâng, bố cô Ninh Bình, anh ạ. Ông cụ đã cơm chiều, uống rượu xong, vừa đi ngủ. Cụ đắp chiếu trùm hụp nằm gian bên, ngáy khò khò - dễ chẳng biết có người lạ đến nhà - ít thấy cụ già ngủ khoẻ thế. Một lát sau mới trỗi dậy.

Ông cụ có ba người con, anh lớn đi bộ đội: người thứ, hai làm du kích đã hy sinh trong trận giặc càn làng. Cô Ninh Bình là út. Cụ vẫn khoẻ. Những buổi cày cấy gấp cho kịp thời vụ, cụ vẫn đi cày. Hàng ngày, cụ trông một chuồng trâu cho đội.

Cuối xuân trời ấm, gió nồm giật mạnh. Nằm nghe tưởng như từng cơn gió dào dạt giải trên cánh đồng nước chống hạn nhõn vào tận chân tre đầu xóm quanh đây Gàn sáng, tôi sực thức. Trông sang gian bên, le lói ánh đèn. Nghe viêng nõ điệu nổ tanh tách. Bóng ông cụ gạt gù lung lay in trên lườn nhà. Tôi trở dậy.

Ông cụ vồn vã:

- Anh dậy à? Có nước sớm, anh sang đây.

Nồi nước chè xanh vò đặc bốc khói thơm ngạt mũi đã đặt sẵn đấy. Vả lại, cứ trông cung cách đóm điệu thông thả lúc gà gáy như thế, tôi hiểu: ông lão dậy sớm đã thành lệ. Tôi đương ngồi trước mặt một cụ già quắc thước. Người vạm vỡ, mặt to chân tay xương đầu gối chắc chắn, thố ló, nhưng những chuôi vồ, những lưỡi cày 58, những cuốc bàn còn tốt. Chưa đoán được tuổi. Bảo sáu bảy mươi hay bảy, tám mươi cũng thế - thường khó đoán được tuổi các cụ già khoẻ mạnh.

Ông cụ nói:

- Tôi thì quanh năm, gà gáy tan canh, làm xong tuần nước, là đi lo trâu được no sớm, ngày mùa không kịp cho trâu ăn trước buổi cày sáng. Tôi không ngủ được hết đêm, anh ạ. Tôi không ngủ nổi hết cái đêm, có lẽ thành tật từ lúc còn trẻ kia.

Tôi có cảm tưởng thật khác lạ, nhưng tôi lúng túng chưa biết hỏi thế nào.

- Cụ ở quê ta...

Ông cụ đáp ngay:

- Tôi gốc người trong Ninh Bình. Đây, tên các em nó tôi cứ đặt lung tung, gọi là nhớ quê cha đất tổ, con Ninh Bình, thằng Yên Mô...

Tôi thông thả thờ một hơi dài. Như vừa suy nghĩ được một điều hệ trọng. Ông cụ lại nói với theo câu vừa rồi:

- Từ ngày còn trẻ, tôi chẳng tài nào chợp mắt được đấy đêm. Cái đời người ngắn lắm, phải thức mà lo liệu chứ. Đời tôi xưa kia cũng cực quá, ông ạ. Thất cổ mà cũng không chết được...

Rồi ông cụ cười, trống hốc cả hai hàm móm.

Tôi nén xúc động, cúi uống bát nước chè vò đặc sánh. Ngoài trời còn đằm sương. Tiếng bánh xe lăn tiếng vó ngựa lọc cọc qua. Xe ống bơm chống hạn, xe mạ ra đồng cấy. Những tiếng ban ngày lại bắt đầu.

Anh Nguyễn Công Hoan, anh đoán cũng có thể biết sung sướng đến thế nào, tôi được gặp người bạn đọc của anh. Người bạn đọc trong những bạn đọc cực kỳ đông đảo, nguồn sáng tác suốt đời của chúng ta.

Nhân ngày mất của Nhà văn Nguyễn Công Hoan (06-6-1977)

Ông sinh ngày 06.03.1903 tại Xuân Cầu, Nghĩa Trụ, Văn Giang, Bắc Ninh (nay là Hưng Yên).

Ông tốt nghiệp sư phạm năm 1926. Bắt đầu viết năm 1922 trên các báo: An Nam tạp chí, Nhật Tân, Tân văn, Cựu ẩm, Tiểu thuyết thứ bảy... Tác phẩm đầu tiên của ông là tập truyện Kiếp hồng nhan, xuất bản năm 1923, lúc ông mới 20 tuổi. Qua hơn 50 năm cầm bút, ông để lại cho đời hơn 200 truyện ngắn và 30 truyện dài, nhiều bút kí, hồi ký, các tiểu luận về ngôn ngữ, văn học. Một số tác phẩm của ông đã được dịch ở Liên Xô cũ, Trung Quốc, Bulgaria, Hungary, Albania, Cộng hoà dân chủ Đức, Cuba, Ba Lan, Ấn Độ, Nhật Bản...

Ông là nhà văn hiện thực, "là người đặt những viên gạch đầu tiên xây đắp nền móng cho văn xuôi hiện thực phê phán Việt Nam". Sự nghiệp của ông được tạo dựng trong chiều sâu bằng hàng trăm truyện ngắn và hàng chục pho tiểu thuyết, nổi lên với những tập truyện "Kép Tư Bền" và tiểu thuyết "Bước đường cùng" có nhiều giá trị mang tính mở đường cho một dòng văn học. Tác phẩm của Nguyễn Công Hoan là một sử liệu sống chân thực, sinh động về xã hội Việt Nam phong kiến nửa thuộc địa những năm đầu thế kỷ XX.

Các tác phẩm đã xuất bản: Chuyện Thế Gian, Tắt lửa lòng, Kiếp hồng nhan, Lá ngọc cành vàng, Những cảnh khốn nạn, Kép Tư Bền, Cô giáo Minh, Bơ vơ, Tấm lòng vàng, Đào kép mới, Bước đường cùng, Đống rác cũ, Thời viết văn của tôi, Chuyện các nhà văn..

Chiếc quan tài

Chiếc quan tài ấy đặt trên tám phản, giữa một túp nhà xiêu. Một người đàn bà, quần áo nâu bạc, ngồi phệt ở bên, úp mặt vào cánh tay khoanh cạnh ván thiên, thỉnh thoảng hé vuông vải nhỏ mới, ghé ra ngoài xỉ mũi xuống nước. Gần đó, một thằng bé con, chỉ mặc một manh áo rách, thò cái gậy tre vừa dẫn, nghịch với những tấm bọt sủi trên mặt lượt bùn.

Bỗng bốn người đóng khố, lực lưỡng, đẩy chiếc mảng chuối áp đến hè, rồi cùng nhau vào, khóa chân để rửa, nói mấy câu, và đứng lên phản, bắt tay vào cỗ ván.

Họ còng lưng, ưỡn ngực, để khênh cho thẳng bằng. Song, họ không thấy nhọc nhằn, vì chiếc áo quan ấy nhẹ quá. Nó bằng gỗ tạp, lỗ chỗ những vết mọt đen, mỏng vừa một đốt ngón tay. Họ chép miệng, phàn nàn với nhau, thương hại anh Cu xấu số, khổ cho đến lúc chết, chết ngay vào độ trời làm vỡ đường.

Mảng chuối chở chiếc quan tài lênh bênh theo tay bốn người đẩy ra cổng. Chị Cu trùm khăn lên mặt, khóc thảm thiết. Cởi cả quần áo thế, chị lội bì bõm, đi sau chông.

Giá không có mảnh vải trắng che mặt, đồ người lạ nào bảo chị là người nhà người chết. Và giá không có tiếng khóc, đồ ai đoán là ngoài đường có đám ma. Thằng Cu thì chẳng biết gì. Nó thấy người ta ghé lưng, bảo nó ôm cổ để cõng. Nó ngờ ngác làm theo, hình như thích chí vì được đi lội.

Bốn người đẩy mảng, dò từng bước. Đi dưới nước đã chậm, thế mà đường lại trơn. Những bọt nước tóe bắn lên, làm tắt cả hương. Mấy cây nến cắm trên khúc chuối, bị gió, không sao cháy được. Người ta đã nhiều lần thấp lại cả hương lẫn nến, nhưng vẫn tắt như thường.

Xung quanh, làn nước đỏ mênh mông, từ sáng đến bây giờ, mỗi lúc lên một cao. Chị Cu gào mãi nên rất cổ. Chị phải thôi khóc. Và cố bấm đầu ngón chân xuống đất, cho khỏi ngã.

Mực nước chỗ thấp thì đến bẹn, chỗ cao thì đến thắt lưng hoặc đến ngực. Cả làng chỉ còn có mỗi một nơi cao nhất, là khu giữa vườn nhà ông Lý, may quá, chưa bị ngập. Cho nên ngay từ khi anh Cu ngáp cái sau cùng, chị Cu phải kiếm cơi trầu lên xin với chủ đất, để nhờ chỗ chôn chông. Ông Lý thương hại, vui lòng nhận lời, lại khuyên chị nên đưa ngay anh Cu "ra đồng" kéo chỉ một giờ nữa, vườn ông cũng tràn nốt. Thật thế, cả làng, hiện nay chỉ có khu vườn ấy là hờ. Còn thì từ ngoài đồng cho đến khắp các xóm, chỗ nào cũng những nước là nước. Nói đúng ra, giữa đồng cũng còn vài ba cái gò là còn nổi lên. Nhưng những đường ra đấy, từ khi mới có tin vỡ đê, tuần đã chặt tre rập ngang lối, vít kín cả lại rồi. Chỉ còn một lối con con chui khe lũy, người ta vẫn đánh trâu qua để thả cho nó bơi đến các gò, đứng nắng và ăn bèo Nhật Bản, thì lối ấy nhỏ quá. Và trừ trâu ra, ai dám bơi qua những nơi ruộng sâu đến một con sào.

Chiếc mảng lênh bênh độ một lát, thì quàng vào ngõ xóm Trung. Tuy đường hẹp, nhưng lối đi cao dần. Nước đến thắt lưng, sau đến bẹn, rồi sau đến đầu gối. Rồi sau cùng, mảng chuối chịt lại, mắc cạn, không đi được nữa.

Người ta ghé tay bê áo quan. Chị Cu vác vồ cuốc lên vai, đi theo. Nước rẽ qua những cẳng chân đen thùi, kêu rào rào, tóe bọt trắng sang hai bên.

Chị Cu giục mọi người mau tay lên, vì chị lo ngại quá.

Quả nhiên, mới từ nãy đến giờ, nước đã lảng gần khắp vườn nhà ông Lý. Chỗ đất vừa đào cách đây độ một giờ đã có những dòng nước ngồng ngoèo bò theo nơi thấp, và rì vào, ngập đến lưng huyết.

Bốn người rảo căng, rồi đặt quan tài xuống. Họ nhảy vào hồ, hai tay bốc nước, thoăn thoắt tát ra. Nhưng vô ích. Nước ra bao nhiêu, lại vào bấy nhiêu. Mà nước vào lại mạnh hơn nước ra. Tát cũng không kịp.

Bốn người thất vọng, bảo nhau khênh bốn góc cỗ ván. Hai người tiến, hai người lui, rồi cùng đứng ngay ngắn ở hai đầu huyệt. Họ cúi lưng, đưa thấp dần dần tay xuống. Chiếc quan tài hạ từ từ. Cảnh đau đớn làm chị Cu đứt từng khúc ruột. Chị muốn khóc cho hết nước mắt, gào cho hết hơi, để được chôn theo chồng. Nhưng bỗng chiếc quan tài đứng sững lại, không xuống được nữa. Nước ở dưới dội nổi lên. Tiếng khóc im bật.

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Lúng túng. Làm thế nào? Bàn tán hồi lâu, hai người nhảy xuống, đứng ở hai đầu áo quan để lấy sức nặng, thì nó mới chìm được. Nhưng nước vào huyệt đã nhiều, nên khi người ta vừa nhảy xuống, nước ở dưới dâng lên, tràn qua ván thiên. Quan tài như chiếc thuyền đáy phẳng, nó bập bênh. Hai người mất thăng bằng, ngã khuỵu, thụt căng xuống huyệt.

Cách ấy không được. ỳ ộp, mỗi người nói ra một kế. Chỉ làm sao thắng nổi có mỗi một tí nước, mới chôn được dễ dàng. Chị Cu tưởng tượng đến chồng bị ngâm sũng, chị thút thít, kể lể, thương con người đến chết còn vất vả.

Chẳng mấy chốc, chiếc quan tài vì nhẹ, lại tự nhô lên đến gần mặt đất. Cả huyệt đầy những nước mắt rồi. Bây giờ mới là lúc khó khăn. Họ vẫn luẩn quẩn bàn bạc.

Sau hết, ba người phải lấy lưới cước, hếch kê ván cho nước ồ vào thực nhiều và cùng nhau đứng về một đầu cho sức nặng đủ dận được xuống đất. Một người lấy vò chêm vào thành huyệt, ghi chặt lấy. Một người cước đất, và chị Cu khuôn vôi vàng, vớt xuống hồ. Thấy thầy chồng đầu cao đầu thấp, chị đau đớn lắm. Nhưng biết làm thế nào?

Họ lèn đất vào thành huyệt và áo quan, rồi quẳng những tảng to lên trên. Cho đất đủ sức dìm một đầu quan tài, họ lại đứng sang đầu bên kia. Và cũng làm như trước. Họ thở ị ạch, khó nhọc như một cuộc vật lộn. Khi cỗ ván đã bị chèn chặt hai đầu, họ bèn rủ nhau lên, để hết sức đào đất cho nhanh chóng mà quẳng xuống. Nhưng họ vừa bước chân khỏi, cỗ áo quan đã bênh lên theo. Song, được cái nó không nổi cao quá. Biết rằng sức phấn đấu có công hiệu, họ huỳnh huých làm một lúc nữa thật mau. Chiếc quan tài lần này chịu nằm gí xuống tận đáy huyệt.

Bây giờ họ đã đỡ vất vả. Chỉ còn việc đắp đất lên cho thành nắm mà thôi. ầy thế mà khi ngời má đắp vừa xong, nước đã lóng vào khắp vườn, không còn hờ một chỗ nào nữa.

Những con giun đất màu đen to bằng ngón tay út nổi lênh bênh, dập dềnh theo đà sóng, trôi với đám bọt rác.

+
++

Một giờ, lại một giờ. Mực nước lên cao dần, cao trông thấy.

Xung quanh mả anh Cu, có những lá tre khô bám vào. Rồi có bèo Nhật Bản. Rồi có cả bọt rác nữa. Thứ này bám vào chốc lát, rồi bị sóng lôi đi. Thứ kia ôm lấy nhau, nhảy nhót, chạm óc ách vào nắm đất mới đắp. Nước dập dờn liếm mãi vào khe những mảng đất, làm cho nó mủn ra. Rồi nó lở thành những cục con con, lả tả rơi từng tí một.

Độ nửa ngày, nước tràn qua mặt mả.

Gió hiu hiu. Bụi tre cốt kết như nghiêng răng. Những lá vàng rào rào bay xuống, chạy trên mặt nước như thuyền buồm thuận chiều. Lúc nào sóng cũng dập dờn làm ả đất mà đắp dối. Hòn to không mấy chốc thành hòn nhỏ. Hòn nhỏ không mấy chốc bị cuốn đi. Nắm mò bị vệt dần. Rồi nó không cao hơn mặt vườn nữa. Rồi chẳng bao lâu, tự nhiên, ở dưới, nhô lên một tầng đất mới.

Tầng đất này cũng mỗi lúc một tít, bị sóng đánh, bị ả, và bị cuốn đi. Rồi hết lượt này đến lượt khác, đất ở dưới cứ nhô lên và cứ bị cuốn đi từng hòn nhỏ cho đến hết. Rồi sau hết, ục một tiếng, cả chiếc quan tài tự nhiên nổi bành lên. Nó nghiêng đi, hát tăng đất cuối cùng trên mặt ván trơn bùn như mỡ. Tầng đất rơi tòm xuống nước. Cổ áo quan tròn trành, rồi đứng yên trên huyết như chiếc thuyền bị cạn.

Chiếc quan tài nổi theo mực nước lên cao dần. Sóng bập bênh cứ vỗ mãi vào thành nó như cố đẩy nó đi. Rồi sau, nó không bị vướng gì nữa. Nó quay đầu, lừ lừ theo chiều gió và chiều nước, lênh đênh, lúc trôi ngang, lúc trôi dọc.

Độ nửa ngày, chiếc quan tài đã tự đến góc vườn, cạnh bờ lạch. Đến đây, nước phía ngoài chảy xiết, hút nó bập ngang vào rặng tre. Nó mắc ở đó. Rồi một bè ngỗ bám cạnh nó. Rồi một cụm bè bám cạnh nó. Rồi cả một mảng vừa ngỗ, vừa dứa, vừa bè. Cả tảng bị nước đẩy ra lạch, nhưng không nổi.

Chiều gió đổi làm nhích dần mọi vật, mỗi lúc một tít. Nhưng cổ ván gập cành giống tự nhiên, rúc đầu vào bụi. Rồi lái ngang, hẩy mảng bè ra cho nó chui qua khe rặng tre và theo dòng lạch trôi nhanh như mũi tên. Rồi một mình chiếc quan tài cựa quậy, như cũng muốn tìm lối ra chỗ rộng. Nhưng nó nặng nề, nên hết xoay dọc lại xoay ngang. Nó tiến rất chậm chạp, vì thỉnh thoảng có giống tre cản lại.

Nắng gay gắt làm cho khô đất bết trên mặt cổ ván và cong vênh một phần nắp lên. Cả người nằm trong, trương phình ra, cũng hình như không chịu được chỗ quá chật hẹp.

Chiếc quan tài như con thuyền không chủ, bập bênh, lách theo lũy tre. Lúc nó dừng lại. Lúc nó nhích đi. Lúc nó giúi nghiêng, lại bập vào bụi. Rồi sau hết, nó tới một chỗ có khe rộng. Tự nhiên, nó lao một cái, thích hai cạnh vào tre hai bên, rồi đâm thẳng ra giữa lạch chảy xiết. Đến đây, nó quay mấy vòng, rồi lừ lừ, nó trôi dọc theo dòng nước...

Tiểu thuyết thứ bảy số 180; 1937.

Hai thằng khốn nạn

Năm 1926, nước to, đê vỡ tứ tung, nhân dân bêu rếch, khổ sở. Nhất là khi nước đã rút rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm ngùi nữa.

Cỏ tàn khắp cánh đồng xa,
Bên làng hoang huỷ mấy nhà lơ thơ,
Đầu đường mẹ bé con thơ,
Người tìm sang Bắc, kẻ đưa về Đoài.

Bởi thế, bác Lan luôn mấy tháng, nào nhà đổ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tai bay vạ gió mà sạch sành sanh, thì dẫu ông vua đời xưa mất nước, hay thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con trai mới biết ngồi. Cái cảnh gà sống không còn mồi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Lan thực là một thằng

khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt. Cửa chìm cửa nổi đã không còn gì, nhịn cơm từ sáng nhường con đã là cả dạ dày. Nếu mai cũng thế này nữa, thì bố chết đói, con chết đói. Ấu là trong nhà còn một thứ của nổi nữa, đem bán nốt đi chẳng?

Bác Lan nghĩ thế thì làm thế. Bác xin được cái thúng sứt cặp bên đôi quang và chẻ cái đòn gánh. Sáng sớm, gánh thẳng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thẳng bằng thúng hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng, tùm hum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này, làng khác, qua chợ nọ, chợ kia. Nhưng chỉ thấy có người xem, mà không thấy có người mua.

Bác Lan đói quá, mắt đã mờ. Thằng bé con trần truồng trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bết những dãi, mũi và vỏ khoai lang. Đi đường, bác gặp toàn bọn khóc dở mếu dở như bác cả. An ủi nhau cũng chỉ có một câu:

- Nay, bác đến nhà ông nghị Trinh, may ông ấy hiếm hoi, thì ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng, bác mới đến nhà ông nghị Trinh. Trời đã sắp xẩm tối. Đứng ở cổng, trông vào trong nhà, bác thấy gạch tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ chè, gương đứng, giường tây, thật có vẻ đỉnh chung sung sướng.

Bác Lan đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra:

- Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đương ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn sóc, nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Lan, vì cái đói khát cấp bách quá, nên tưởng tượng ngay độ dăm phút nữa thì bụng sẽ được no đầy. Nhưng tưởng tượng thế là làm. Độ một giờ sau, bác thấy một người mặt mũi phương phi, cổ rụt, bụng phệ môi trề mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt, ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng. Thì quả là ông Nghị thực. Vì nghe giọng nói hách dịch lắm:

- Sao không giật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Lan kể nỗi cơ cực, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác, nhìn qua đứa bé, rồi nói:

- ừ, để rồi tao nói chuyện với bà sẽ hay. Chờ đây, tao ra ngay.

Nghe câu ấy, bác Lan tuy trong bụng lép kẹp, nhưng thấy như được no một nửa vậy.

Hơn nửa giờ nữa, ông bà Nghị mới ra.

Bác Lan chào, rồi cũng những câu khi nãy, bác nói với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm động. Bà bế đứa con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà có vẻ vừa ý, bèn hỏi giá:

- Mà định bán bao nhiêu, nói cho thực.

- Bẩm tùy ông bà cho.

Người bán không nói giá, người mua không biết giá, thì làm thế nào? Độc giả các ngài đánh giá hộ đi? Một người như chúng ta đây, khéo nuôi, khéo dạy, thì chưa biết chừng, vĩ nhân cũng nên đấy. Một trăm nhé! Hai trăm nhé! Năm trăm nhé!

Ông Nghị thấy bác Lan lưỡng lự, không muốn nói giá, thì đương ngồi xổm ở trước cái thúng, bỗng ông đứng phắt dậy:

- Đáng lẽ anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi, việc phúc đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy!

Vừa nói, ông vừa móc túi lấy tiền đưa. Bác Lan gãi tai thờ dài. Có lẽ không ngờ đâu cái giá trị một thằng bé con có thể mà thôi.

- Thưa ông...

- Tôi không nói lời thôi. Ông với ênh gì! Tôi không quen mặc cả. Ba hào không bán thì thôi!

Nói xong ông quay lưng vào, gọi bà đi, và đóng cổng lại.

Bác Lan vợ vẫn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không thấy có người ra trả thêm xu nào.

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ dạy rỗng tuếch từ hôm trước. Thôi thì ba hào thì ba. Con mình được chỗ ấm no nương tựa, còn hơn là bố con bêu rếch, xó chợ đầu đường. Nghĩ vậy, bác giật chuông. Một lát, ông Nghị ra.

- Thế nào? Anh có định bán như thế không mà gọi?

- Thôi, lạ ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

- Thương là thế nào! Nói cho dứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không?

Bác Lan mỉm miệng, gượng cười một cách rất chua chát:

- Vâng!

Ông Nghị đưa bác vào trong nhà. Làm giấy má xong, ông còn xem xét đứa bé rất kỹ càng. Khi thấy sau lưng nó có nhiều nốt ruồi quá, thì ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thì phải bớt tiền. Cho nên khi trả, ông không cho bác cả ba hào, mà phạt hai xu nốt ruồi!

Bác Lan lạ van mãi. Nhưng bác nghĩ, nếu cố nằn nì hai xu, thì chưa chắc đã được, mà không khéo thì bị trả tiền lại. Nghĩ nực cười, mình đã khổn nạn, lại gặp phải một thằng khổn nạn hơn, thì thôi, chịu cầm hai hào tám vậy.

Bác bé đưa con lần cuối cùng, hôn hít, dặn dò mãi, mới dứt. Khi ra ngoài cổng, bác đi không nở, tình cha con vương vít, bác nghĩ muốn trả lại hai hào tám mà lấy con về.

Bác đứng lại, quay nhìn trong nhà ông Nghị, thì thấy kẻ bưng chậu nước, người lấy xà phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thì tụt tay tắm cho đứa bé, ra dáng âu yếm, nâng niu. Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nãy. Một chốc, ông ra ý hối hận, nói với vợ:

- Bà ạ, hoài của, giá bớt hẳn năm xu, nó cũng phải chịu.

- Sao ông nghiệt thế! Tiền hàng vạn lo nghị viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng:

- Tiêu những món đáng tiêu thì còn tiếc cái gì! Thằng bếp đầu! Mà chạy đi tìm thằng bán con bán nãy, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con lập tức!

Bác Lan giật nảy mình, co cứng, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm:

- Một, hai. Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám...

Viết 7-6-1930

Annam tạp chí số 12; 1930